

LỜI MỞ ĐẦU

Với thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954–1975), cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Từ sau đại thắng mùa Xuân 1975, trên đất nước ta đã và đang diễn ra biết bao sự kiện lịch sử - chính trị trọng đại. Dưới sự lãnh đạo của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh, phong trào công nhân tỉnh Bình Định không ngừng phát huy bản chất cách mạng, anh dũng, kiên cường, bất khuất trong đấu tranh; cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất, công tác, đạt được nhiều thành tựu và có bước phát triển toàn diện, song còn không ít khó khăn, hạn chế trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Công đoàn trong giai đoạn mới.

Để giáo dục truyền thống cách mạng cho đội ngũ CNVC-LĐ hiện nay và sau này. Ban thường vụ Liên đoàn lao động tỉnh Bình Định tổ chức biên soạn, xuất bản tập II “*Lịch sử Công đoàn và phong trào Công nhân lao động tỉnh Bình Định 1975-2000*”, nhằm phản ánh những hoạt động sôi nổi, phong phú và đa dạng, những bài học kinh nghiệm bổ ích, thiết thực, giúp cho đội ngũ cán bộ Công đoàn nắm vững và hiểu biết một cách có hệ thống, những vấn đề lý luận và thực tiễn.

Tuy có nhiều cố gắng trong việc sưu tầm tài liệu, nghiên cứu, thể hiện, nhưng không sao tránh khỏi thiếu sót, hạn chế, rất mong nhận được ý kiến đóng góp quý báu của cán bộ và công nhân lao động để tiếp tục bổ sung, chỉnh lý cuốn sách đạt chất lượng cao hơn.

Quy Nhơn, ngày 30 tháng 6 năm 2003

BAN THƯỜNG VỤ LĐLĐ TỈNH BÌNH ĐỊNH

CHƯƠNG I

CÔNG ĐOÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH NĂM ĐẦU CÙNG CỐ VÀ PHÁT TRIỂN, THAM GIA TÍCH CỰC VÀO VIỆC KHÔI PHỤC VÀ HÀN GẮN VẾT THƯƠNG CHIẾN THANH (1975-1976)

1. CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN TẬP TRUNG SỨC CÙNG CỐ TỔ CHỨC, ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG, GÓP PHẦN VÀO CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH LỊCH SỬ (31/3 ĐẾN 30/4/1975).

Suốt 21 năm kháng chiến kiên cường vượt bao gian khổ, hy sinh, cùng với chiến trường miền Nam, qua một tháng tấn công và nổi dậy của quân và dân ta đã đánh sụp hệ thống kìm kẹp của Mỹ- ngụy, giải phóng hoàn toàn thị xã Quy Nhơn và tỉnh Bình Định ngày 31/3/1975, đánh dấu mốc thắng lợi lịch sử, toàn diện, triệt để của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của quân và dân tỉnh nhà, góp phần cùng với quân và dân cả nước giành thắng lợi vĩ đại mùa Xuân 1975 giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, chấm dứt thời kỳ đấu tranh anh dũng, kiên cường suốt 3 thập kỷ kháng chiến giành độc lập dân tộc (1945-1975) .

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Bình Định, tích cực chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, hầu hết cán bộ Công đoàn được huấn luyện, nâng cao nhận thức chính trị và tinh thần trách nhiệm công tác, được tổ chức, bố trí bám sâu vào các địa bàn trọng yếu và đặc biệt là thị xã Quy Nhơn.

Nhiệm vụ được giao cho Công đoàn là với tinh thần chuẩn bị khẩn trương, bí mật, bất ngờ, tích cực bồi dưỡng cán bộ hợp pháp, cán bộ bất hợp pháp, phân công cụ thể cho cán bộ hợp pháp tại chỗ, đưa cán bộ vào trước một tuần để bám sát cán bộ cốt cán và cán bộ hợp pháp ở nội thị, phân công từng người đi vận động công nhân, tổ chức hướng dẫn công nhân hành động. Chỉ thời gian ngắn, Liên hiệp Công đoàn giải phóng tỉnh đã xây dựng 54 cơ sở hành động trong công nhân, bồi dưỡng được 123 cán bộ cơ sở nòng cốt¹ (kể cả số đã xây dựng từ trước) sẵn sàng tham gia đấu tranh giành chính quyền cách mạng. Nhiều cán bộ Công đoàn giải phóng đã được bố trí sâu vào các địa bàn, các đơn vị kinh tế, cơ quan hành chính của địch, vận động và nắm lực lượng công nhân lao động, kịp thời

¹ Báo cáo của liên hiệp Công đoàn giải phóng tỉnh Bình Định 1975, và Báo cáo thành tích kháng chiến của Công đoàn tỉnh, Lưu Công đoàn tỉnh.

giúp đỡ cán bộ và quân giải phóng khi vào Quy Nhơn; cán bộ Công đoàn đã kịp thời có mặt để vận động công nhân tự bảo vệ nhà máy, xí nghiệp, công sở, cơ sở vật chất kỹ thuật, máy móc, nhà xưởng, kho tàng, tài liệu với khối lượng và giá trị lớn, tránh sự phá hoại của địch trước khi tháo chạy khỏi Quy Nhơn. Phần lớn các cơ sở quân sự như : quân cảng, sân bay, cơ quan thông tin quân sự; các cơ sở kinh tế như : nhà máy điện Quy Nhơn, nhà máy nước, nhà máy bia - nước ngọt BGI, xí nghiệp đá Vạn Mỹ, Đài phát thanh, Trạm ra đa, các nhà ga, bưu điện; trường học, bệnh viện... đều được bảo vệ nguyên vẹn, tiếp tục hoạt động ngay. Tuy nhiên, lúc đầu do kế hoạch tiếp quản của ta chưa được chuẩn bị chặt chẽ, quy định cụ thể, nên có một số trường hợp vi phạm làm hư hỏng máy móc và thất thoát, gây ảnh hưởng không tốt trong quần chúng công nhân lao động.

Khi bộ đội tiến quân vào thị xã Quy Nhơn, công nhân lao động các khu phố làm nòng cốt vận động quần chúng công nhân và gia đình công nhân tiếp tế cho bộ đội trên 3.000¹ vắt cơm, tiếp tục hướng dẫn và làm chỗ dựa cho quân giải phóng truy kích địch ẩn nấp trong các ngõ hẻm; vận động 115.000 người tham gia nổi dậy, làm rã 7 trung đội nghĩa quân và thanh niên chiến đấu, thu nộp cho cách mạng 708 súng các loại . Phát hiện và truy bắt 250 ngụy quân , ngụy quyền không ra trình diện với cách mạng. Vận động tổ chức 875 lượt xe chở hàng ngàn quân giải phóng và chuyên chở 1.789 tấn hàng quân sự phục vụ giải phóng Sài Gòn, chuyên chở 10.000 dân trở về quê cũ. Công đoàn đã nhanh chóng triển khai kế hoạch phối hợp với các ngành, cán bộ tiếp quản, điều hành và quản lý các công sở, nhà máy, xí nghiệp trong lúc chính quyền cách mạng chưa thành lập, vận động công nhân bốc dỡ 3.304 tấn hàng cho cách mạng tại Cảng Quy Nhơn.²

Sau một ngày tiếp quản, nhà máy điện Quy Nhơn đã trở lại hoạt động bình thường phục vụ cho sinh hoạt của nhân dân. Công đoàn ngành đường sắt đã tổ chức cho công nhân nhanh chóng sửa chữa, phục hồi 81 km, 3 ngày sau giải phóng tuyến đường sắt từ Phù Cát vào Quy Nhơn được khai thông, phục vụ chuyên chở bộ đội, nhân dân và hàng hóa cho cách mạng, tháng đầu tiên sau giải phóng đã vận chuyển hàng vạn lượt người. Công đoàn vận động 1.453 xe các loại và trực tiếp quản lý khai thác cho đến năm 1976. Trong những ngày đầu mới giải phóng, Công đoàn được tỉnh giao trực tiếp quản lý và điều hành các cơ sở công nghiệp và vận tải trong tỉnh. Cán bộ Công đoàn trực tiếp tuyên truyền về

¹ Báo cáo của liên hiệp Công đoàn giải phóng tỉnh Bình Định 1975, và Báo cáo thành tích kháng chiến của Công đoàn tỉnh, Lưu Công đoàn tỉnh.

² Báo cáo của liên hiệp Công đoàn giải phóng tỉnh Bình Định 1975, và Báo cáo thành tích kháng chiến của Công đoàn tỉnh, Lưu Công đoàn tỉnh.

cách mạng cho 165.000 lượt người¹, chỉ trong thời gian ngắn sau ngày giải phóng đã có 30.750 lao động được kết nạp vào tổ chức của những người lao động, 4.339 đoàn viên học tập Điều lệ Công đoàn giải phóng².

Ngay sau khi giải phóng toàn tỉnh, chấp hành chủ trương của Trung ương, Đảng bộ tỉnh lập tức động viên quân dân địa phương khẩn trương đóng góp nhân tài, vật lực phục vụ chiến dịch Hồ Chí Minh, giải phóng Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam. Với trách nhiệm đã được phân công, Liên hiệp Công đoàn đã vận động 37 chiếc xe³ và hàng chục xe quân sự chở bộ đội và hàng ngàn tấn lương thực, thực phẩm, xăng dầu... kịp thời cung cấp cho Quân đoàn II hành quân thần tốc vào chiến trường phía Nam

Ngày 1/5/1975, được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Công đoàn đã nhanh chóng vận động tập hợp công nhân, thành lập Công đoàn giải phóng, ban vận động ở các đơn vị; tổ chức lễ ra mắt Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Bình Định và mừng chiến thắng 30/4 miền Nam hoàn toàn giải phóng và kỷ niệm ngày quốc tế lao động 1/5 tại sân vận động Quy Nhơn, hàng vạn nhân dân và công nhân lao động toàn tỉnh tham gia. Cuộc mít tinh đã gây ảnh hưởng lớn trong nhân dân và công nhân lao động. Liên hiệp Công đoàn tỉnh và thị xã Quy Nhơn mở đợt tuyên truyền giáo dục, có 186.000 lượt công nhân lao động tham gia các đợt học tập chính trị, 207.000 lượt công nhân lao động tham gia mít tinh ở nhiều nơi trong tỉnh, góp phần giác ngộ một bước về chính trị tư tưởng, giác ngộ giai cấp, củng cố lòng tin của công nhân lao động vào chính quyền cách mạng.

Trong những ngày đầu giải phóng, Liên hiệp Công đoàn giải phóng tỉnh Bình Định đã tổ chức nhiều hoạt động thiết thực, phối hợp bố trí nơi làm việc của Tỉnh ủy khi mới vào tiếp quản Quy Nhơn, tổ chức trọng thể lễ mừng chiến thắng, ra mắt chính quyền tỉnh, vận động công nhân lao động và đoàn viên công đoàn làm nòng cốt trong phong trào quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ dưới mọi hình thức, phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, góp phần giải phóng tỉnh nhà, giải phóng hoàn toàn miền Nam. Thắng lợi vĩ đại này, cả nước ta hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, công nhân lao động thật sự làm chủ đất nước, làm chủ nhà máy, xí nghiệp, tiếp

¹ Báo cáo thành tích kháng chiến của Công đoàn tỉnh Bình Định, Lưu Công đoàn tỉnh.

² Báo cáo thành tích kháng chiến của Công đoàn tỉnh Bình Định, Lưu Công đoàn tỉnh.

³ Báo cáo thành tích kháng chiến của Công đoàn tỉnh Bình Định, Lưu Công đoàn tỉnh.

tục cống hiến cho công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh, bảo vệ và xây dựng Tổ quốc .

2- CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN TÍCH CỰC GÓP PHẦN KHÔI PHỤC KINH TẾ VÀ HÀN GẮN VẾT THƯƠNG CHIẾN TRANH TỪ THÁNG 4/1975 ĐẾN 12/ 1976.

2.1. Tình hình kinh tế- xã hội sau đại thắng mùa Xuân 1975.

Ngày 30/4/1975, chiến dịch Hồ Chí Minh đại thắng, miền Nam được hoàn toàn giải phóng, mở đầu thời kỳ cả nước thống nhất cùng đi lên chủ nghĩa xã hội. Phát huy những thắng lợi vĩ đại của dân tộc đã đạt được trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, cứu nước. Cùng với quân và dân toàn tỉnh, công nhân lao động và Công đoàn tỉnh Bình Định thật sự bước vào thời kỳ mới : khắc phục hậu quả chiến tranh, cải tạo, xây dựng cuộc sống mới, xây dựng tổ chức Công đoàn, đẩy lên phong trào thi đua góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chuẩn bị tiến tới Đại hội Công đoàn tỉnh Bình Định lần thứ V .

Chế độ thực dân mới của Mỹ- ngụy ở miền Nam bị sụp đổ hoàn toàn, đã để lại những di hại xã hội không lường như: các đảng phái chính trị phản động, nghiệp đoàn vàng tìm cách chống phá ta bằng nhiều hình thức; các tệ nạn xì ke, ma túy, lưu manh, gái mại dâm; tỷ lệ người mù chữ chiếm khá đông trong dân chúng do chính sách nô dịch, lệ thuộc vào chủ nghĩa thực dân mới.

Về tư tưởng, sau ngày giải phóng số đông công nhân lao động phấn khởi và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và của chính quyền cách mạng, tập trung vào việc khôi phục và phát triển sản xuất, từng bước ổn định cuộc sống. Tuy nhiên, còn một số người hoài nghi về cách mạng, lo lắng trước thực tế: lao động thành thị không có việc làm, số dân lao động ở nông thôn bị địch đánh phá ác liệt phải rời bỏ ruộng vườn, làng quê chạy vào thành thị, nay về làng cũ lo không có ruộng đất sản xuất, giá sinh hoạt lên cao, hàng hóa thiếu, đồng bạc chính quyền Sài Gòn ngày càng mất giá, người nhà binh sĩ và nhân viên ngụy quyền sợ bị trả thù...

Về cơ sở vật chất kỹ thuật, trong lĩnh vực công nghiệp, máy móc, nguyên liệu, nhiên liệu, kỹ thuật hầu hết nhập từ nước ngoài, hàng chục xí nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp được xây dựng ở Quy Nhơn, nhất là công nghiệp sản xuất

hàng tiêu dùng như sản xuất thuốc lá, nước ngọt, đồ dùng bằng nhựa, công nghiệp về vật liệu xây dựng, khai thác đá, công nghiệp cơ khí phục vụ nông nghiệp và vận tải. Toàn tỉnh có 200 cơ sở xay xát gạo, 20 cơ sở chế biến mì, 24 cơ sở sản xuất bánh mì, 1.453 xe cơ giới các loại...với hơn 4 vạn lao động làm nghề tiểu thủ công trong tỉnh, trong đó có 7.780 công nhân lao động làm việc trong các cơ sở công nghiệp, chiếm 1% tổng số dân toàn tỉnh, hình thành một lực lượng công nhân lao động làm thuê có kỹ thuật, tay nghề. Riêng Quy Nhơn có 1.540 hộ làm công nghiệp, kỹ nghệ với 6.276 người; 246 hộ tiểu thủ công nghiệp với 1.385 người. Song các cơ sở tiểu thủ công nghiệp với quy mô nhỏ, năng suất thấp, bị hàng hóa nước ngoài cạnh tranh, nhiều cơ sở công nghiệp dột bị phá sản, đình đốn.

Nền nông nghiệp với gần 10 vạn hecta ruộng đất canh tác, cơ bản vẫn là sản xuất tự cung tự cấp, làm ăn riêng lẻ, lao động thủ công, năng suất thấp, năm cao nhất cũng chỉ đạt 200.000 tấn, năm thấp chỉ đạt 80.000 tấn lương thực, hơn 20.000 ha ruộng đất bị hoang hóa. Ngư nghiệp và diêm nghiệp có nguồn thu khá lớn, có 3.340 tàu trọng tải dưới 30 tấn, một số phương tiện đánh bắt thủy sản được động cơ hóa, sản lượng đạt 60.361 tấn /năm, hơn 3 vạn tấn muối/ năm.

Nhìn chung, cơ cấu kinh tế không hợp lý, chủ yếu là phục vụ cho chiến tranh, sản xuất và việc làm không ổn định; thực chất là một nền kinh tế yếu kém, què quặt và lệ thuộc vào nước ngoài. Hơn 100.000 dân di cư vào thành thị sau giải phóng về quê cũ chưa có cuộc sống ổn định; nạn thất nghiệp ở đô thị nhiều, tại Quy Nhơn có tới 47.000 người. Tình hình xã hội sau ngày tiếp quản còn nhiều phức tạp. Những tàn dư của chủ nghĩa thực dân kiểu mới và hậu quả của chiến tranh để lại rất nặng nề, ảnh hưởng sâu sắc đến mọi mặt của đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân và công nhân lao động.

2.2 Khắc phục hậu quả chiến tranh những năm đầu giải phóng (1975-1976).

Trên cơ sở phân tích những thuận lợi và khó khăn sau ngày giải phóng tỉnh Bình Định, từ ngày 22-26 /5/1975 Hội nghị Ban chấp hành Tỉnh ủy đề ra những nhiệm vụ trước mắt: “*Đoàn kết toàn dân, động viên cao trào cách mạng liên tục, sôi nổi, cao trào lao động khẩn trương, nhanh chóng ổn định tình hình mọi mặt, khôi phục và đẩy mạnh sản xuất, giữ vững và từng bước cải thiện đời sống nhân dân, ra sức xây dựng toàn diện về kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa, xã hội vững mạnh, góp phần tích cực xây dựng đất nước, chuyển hướng tư tưởng và tổ chức (tổ chức lãnh đạo và tổ chức thực hiện), theo kịp tình hình và nhiệm vụ*

mới"¹. Về phát triển công nghiệp, Hội nghị nhấn mạnh : “*Trước mắt phục hồi và giữ vững số cơ sở công nghiệp của địch để lại như máy xay đá, nhà máy điện, cơ sở hỏa xa... đồng thời xây dựng cơ sở công nghiệp cần thiết phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải như cơ khí sửa chữa, thu nhật sắt thép sản xuất nông cụ, vật liệu xây dựng, khôi phục nhanh các máy chế biến bột mì, bún mì, bánh tráng, phát triển mạnh mẽ các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, nghề phụ gia đình, giải quyết công ăn việc làm cho công nhân lao động như chằm nón, dệt chiếu, đan lát*”²

Thực hiện chủ trương của Ban thường vụ Tỉnh ủy, nhiều ngành và địa phương đã tổ chức chỉ đạo rất tích cực và đạt hiệu quả cao; các cấp công đoàn đã kịp thời động viên công nhân và lao động hăng hái thi đua lao động sản xuất và công tác. Công nhân nhà máy nước đã đảm bảo cung cấp nước cho thành phố, nhà máy điện Quy Nhơn phục hồi máy phát điện số 2 từ lâu không sử dụng, sửa chữa toàn bộ đường dây cao và hạ thế cũ, xây lắp thêm 20.000 mét đường dây tải điện mới. Xí nghiệp đá Vạn Mỹ tập hợp 300 công nhân viên chức sản xuất mỗi ngày 700 m³ đá và sản xuất xi măng phục vụ nhu cầu xây dựng; nhiều đoạn đường Đường sắt được duy tu, bảo dưỡng bảo đảm vận chuyển hàng hóa và nhân dân. Công đoàn cùng với chính quyền các địa phương vận động nhân dân lao động khôi phục lại các nghề truyền thống, 200 lò gạch ngói, 100 lò rèn và các xí nghiệp tư nhân trở lại sản xuất, hơn 2.000 công nhân lao động có việc làm.

Công đoàn còn tích cực vận động công nhân và lao động thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, đóng góp 98.690 ngày công và 1.879 lượt xe, 635 lượt thuyền chuyên chở hàng ngàn tấn vật liệu đảm bảo phục vụ cho việc xây dựng các công trình thủy lợi trong tỉnh như: đê khu đông Tuy Phước, nam Phù Cát ... phục vụ nông dân tưới tiêu và ngăn mặn; khai hoang hàng trăm hecta ruộng ở phía đông bị nước biển xâm thực. Vận động ngư dân, diêm dân và lao động các thị trấn tham gia khai hoang vỡ hóa 167 mẫu ruộng đất trồng lúa và hoa màu, trồng các loại cây ăn quả như: 8.870 ha dưa, chuối, trồng 19.700 cây công nghiệp dài ngày, khôi phục 246 ha ruộng muối. Bên cạnh đó, công đoàn cùng với chính quyền còn vận động 4.018 công nhân lao động đi xây dựng vùng kinh tế mới và trở về nông thôn sản xuất.

Việc kiện toàn, củng cố các cấp công đoàn, phát triển đoàn viên và tập hợp công nhân và lao động vào tổ chức cũng được chú trọng. Sau ngày giải

¹ Nghị quyết hội nghị tỉnh uỷ mở rộng từ ngày 22- 26/5/1975.

² Nghị quyết hội nghị tỉnh uỷ mở rộng từ ngày 22- 26/5/1975.

phóng tỉnh nhà (từ 31/3/1975 đến tháng 9/1975), hệ thống tổ chức công đoàn tỉnh Bình Định quản lý 13.000 công nhân viên chức và lao động, 4.339 đoàn viên công đoàn, 8 công đoàn huyện, thị, 52 Công đoàn cơ sở, 108 công đoàn bộ phận, 200 tổ công đoàn. Về cán bộ, có 28 cán bộ chuyên trách công đoàn, 156 ủy viên Ban chấp hành công đoàn cơ sở, 190 cán bộ tổ trưởng, tổ phó công đoàn.

Thực hiện Nghị quyết số 245-NQ/TW, ngày 20/9/1975 của Bộ chính trị về việc bỏ khu, hợp tỉnh, Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 20/12/1975 của Bộ chính trị về việc điều chỉnh hợp nhất một số tỉnh ở miền Nam. Tháng 12/1976, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra Nghị định nhập 44 tỉnh, thành phố miền Nam thành 21 đơn vị hành chính thuộc Trung ương. Tỉnh Bình Định và Quảng Ngãi được hợp nhất thành tỉnh Nghĩa Bình. Ban chấp hành Công đoàn tỉnh Nghĩa Bình sau khi hợp nhất do đồng chí Huỳnh Thị Mỹ làm thư ký, đồng chí Phan Dũng Tiến và Nguyễn Anh phó thư ký.

Tính đến tháng 12/1975, Công đoàn tỉnh Nghĩa Bình có 14.096 đoàn viên (3.688 nữ), 181.029 công nhân và lao động (18.707 nữ), trong đó, các đơn vị sản xuất kinh doanh nhà nước 10.564 người, Cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp 16.570 người, CNLD thuộc huyện, thị xã 147.228 người, xí nghiệp tư doanh 79.657 người.

Đi đôi với kiện toàn tổ chức, công tác đào tạo cũng được quan tâm đúng mức, Công đoàn tỉnh mở các lớp đào tạo nghiệp vụ cho cán bộ Công đoàn tại Qui Nhơn và các huyện, khu vực mở được 27 lớp với 1.574 người dự. Qua học tập, cán bộ công đoàn được bồi dưỡng về chính trị và nghiệp vụ, nhận thức sâu sắc hơn vai trò, vị trí, chức năng cũng như phương pháp, lề lối làm việc của tổ chức Công đoàn.

Phong trào thi đua của công nhân lao động tỉnh Nghĩa Bình thời gian này có nhiều tiến bộ đáng kể, được Công đoàn khu V tặng 145 bằng khen, Công đoàn tỉnh Nghĩa Bình đã tặng 56 cờ cho các công đoàn cơ sở xuất sắc, 226 bằng khen cho các tập thể và cá nhân có thành tích khá nhất, đã động viên kịp thời tinh thần thi đua yêu nước của công nhân lao động, đoàn viên công đoàn hăng hái hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Hội nghị lần thứ 24 Ban chấp hành Trung ương Đảng họp tháng 9/1975 đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước. Nghị quyết nhấn mạnh: *“Thống nhất đất nước vừa là nguyện vọng tha thiết nhất của nhân dân cả nước là quy luật*

khách quan của sự phát triển cách mạng Việt Nam, của lịch sử dân tộc Việt Nam”¹. Từ ngày 15 đến 21/11/1975, Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất đất nước họp tại Sài Gòn (nay là thành phố Hồ Chí Minh). Đối với tổ chức Công đoàn, ngày 6/ 6/1976, Hội nghị thống nhất Công đoàn toàn quốc đã quyết định thống nhất các tổ chức công đoàn trong cả nước lấy tên là Tổng công đoàn Việt Nam. Ở các tỉnh, thành phố lấy tên là Liên hiệp công đoàn (LHCD).

Nghị quyết Hội nghị của Tỉnh uỷ (tháng 12/1975) khẳng định phương hướng, nhiệm vụ :” Phát huy truyền thống và thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và thành tích khôi phục kinh tế, văn hóa vừa qua, động viên khí thế cách mạng , năng lực sáng tạo của quần chúng với tinh thần tự lực, tự cường và tiềm lực kinh tế địa phương, tăng cường đoàn kết toàn Đảng bộ và quân dân trong tỉnh nỗ lực khắc phục khó khăn, đẩy mạnh phong trào lao động sản xuất, tiết kiệm, tăng năng suất, khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa tương đối toàn diện; ra sức xây dựng Đảng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, củng cố hệ thống chuyên chính vô sản, củng cố và xây dựng lực lượng chính trị, vũ trang vững mạnh.... kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng, trừng trị bọn phá hoại , quét sạch tàn dư chính trị, văn hóa xã hội nô dịch và phản động, xây dựng văn hóa, xã hội lành mạnh”²

Chấp hành chủ trương của Đảng, Liên hiệp Công đoàn tỉnh đã xác định nhiệm vụ trọng tâm năm 1976 là: “Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, ra sức phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật tăng năng suất lao động, hiệu quả công tác, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham ô, phấn đấu lập thành tích chào mừng các sự kiện lịch sử trong năm 1976. Tăng cường đoàn kết nhất trí trong tổ chức công đoàn, công nhân lao động, làm nòng cốt đoàn kết toàn dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị, kinh tế của Đảng trong giai đoạn mới; giữ vững và từng bước cải thiện đời sống công nhân, viên chức và lao động. Ra sức xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, làm chỗ dựa của Đảng, làm nòng cốt trong hệ thống chuyên chính vô sản; nâng cao giác ngộ giai cấp công nhân và đấu tranh giai cấp trong giai đoạn mới, nâng cao tinh thần tiến công, kiên quyết làm nòng cốt trấn áp bọn phản cách mạng, quét sạch tàn dư chính trị, văn hóa xã hội nô dịch và phản động của Mỹ- ngụy để lại; tích cực thực hiện 3 cuộc vận động : thi đua lao động sản xuất, tiết kiệm và cải thiện đời sống, thực hiện quyền làm chủ tập thể của công nhân viên chức và lao động”³

¹ Các Đại hội Đảng ta (1930-1986) , NXB Sự thật, HN, 1991, tr 86.

² Nghị quyết về nhiệm vụ công tác công đoàn và phong trào công nhân lao động năm 1976.

³ Nghị quyết về nhiệm vụ công tác công đoàn tỉnh năm 1976.

Hưởng ứng phong trào thi đua của Công đoàn phát động gắn liền với các ngày kỷ niệm lịch sử, các sự kiện chính trị trong nước và địa phương, đặc biệt là đợt thi đua chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, công nhân và lao động đã hướng vào mục tiêu “3 điểm cao”: nâng cao năng suất lao động và hiệu xuất công tác, giữ gìn kỷ luật lao động, đảm bảo ngày giờ công. Trong cơ quan hành chính sự nghiệp, bước đầu chú trọng phong trào “3 cải tiến”. Trong đợt thi đua này đã hoàn thành 85 công trình và 130 sản phẩm mới mang tên Đại hội Đảng. Tiêu biểu như: công trình cầu đường sắt thông tuyến, công ty cầu đường 13 hoàn thành xây dựng mặt cầu Bồng Sơn, Trạm cơ khí nông nghiệp sản xuất 12 máy tốt lúa cải tiến; Xí nghiệp cơ khí Quang Trung phục hồi một số xe, máy, làm lợi 15.000 đồng; nhà máy điện Quy Nhơn dùng vật liệu cũ làm 4 lọc nhớt, tiết kiệm 600 đồng; Nông trường Nguyễn Huệ trồng 40 hécta với 11.000 cây dứa; Ngành y tế nghiên cứu chiết xuất thành công thuốc Bécberin từ cây “vàng đắng” trị bệnh tiêu chảy; Cơ quan LHCD tỉnh và cán bộ nhân viên Nhà nghỉ Công đoàn Quy Nhơn tiếp nhận cơ sở, sửa chữa, trang bị, kịp thời tổ chức đón khách trước ngày khai mạc Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI.

Cùng với công nhân lao động toàn tỉnh, công nhân ngành thủy lợi đã nỗ lực xây dựng quy hoạch, thiết kế công trình, hướng dẫn làm thủy lợi nhỏ, khôi phục đê, đập, đào vét kênh mương, thi công hoàn thành một số công trình phục vụ đắc lực cho sản xuất nông nghiệp được Tôn Đức Thắng tặng lẵng hoa. Công nhân, viên chức ngành lâm nghiệp đã có nhiều cố gắng trong việc bảo vệ rừng, trồng rừng và thăm dò khai thác gỗ. Công nhân, viên chức ngành Giáo dục và Trường Cao đẳng sư phạm Quy Nhơn (nay là Đại học sư phạm Quy Nhơn), góp phần tích cực vào việc xóa nạn mù chữ, nâng cao trình độ văn hóa cho thiếu niên, thanh niên, công nhân lao động và nhân dân, đào tạo cán bộ và công nhân kỹ thuật. Cán bộ nhân viên Đài phát thanh, Đài truyền hình, Báo, các cơ quan thông tin văn hóa, thể dục thể thao, các ngành lao động nghệ thuật hăng hái tuyên truyền đưa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến nhân dân, giáo dục nâng cao nhận thức trong nhân dân về tình hình chính trị, kinh tế-xã hội của đất nước, địa phương, cũng như biểu dương kịp thời tinh thần thi đua yêu nước của CNVC. Công nhân viên chức ngành Giao thông vận tải có nhiều thành tích phục vụ chuyên chở vật tư, hàng hóa phục vụ đi lại của nhân dân, sửa chữa cầu đường, phục hồi phương tiện...

Trong các cơ quan hành chính sự nghiệp, cán bộ nhân viên đã nêu cao tinh thần phấn đấu vừa học, vừa làm, xây dựng cơ quan, đơn vị trong điều kiện biên chế ít vẫn hoàn thành tốt nhiệm vụ được cấp trên giao.

Phong trào thi đua đã đem lại hiệu quả kinh tế cao ở các đơn vị sản xuất kinh doanh có hiệu quả thiết thực. Năm 1976 có 54 cơ sở sản xuất kinh doanh hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước, có 39 đơn vị được thưởng 10 đồng/ người . Tiêu biểu như: Xí nghiệp đường sắt Nghĩa Bình hoàn thành kế hoạch vượt thời gian 45 ngày, cải tiến một số đoạn đường giảm khối lượng đất phải đắp 22.360 m³, làm lợi 91.425 đồng, Nhà in Quang Trung, Xí nghiệp công tư hợp doanh đắp lớp Quy Nhơn, Xí nghiệp cơ khí Quang Trung, Xí nghiệp nước ngọt Quy Nhơn.

Về công tác tuyên truyền giáo dục của Công đoàn, trọng tâm là làm cho công nhân lao động nhận rõ thắng lợi vẻ vang của dân tộc, về Hiệp thương thống nhất Tổ quốc về mặt Nhà nước, về bầu cử Hội đồng nhân dân xã, bầu cử Quốc hội, về Hội nghị thống nhất Công đoàn toàn quốc và thống nhất tổ chức các đoàn thể. Trong đợt học tập nghị quyết 254 của Bộ chính trị Trung ương Đảng, LHCD tỉnh đã phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổ chức học tập cho 267 anh chị em trí thức, tổ chức 346 anh chị em trí thức tham gia góp ý kiến vào xây dựng dự thảo báo cáo Đại hội IV của Đảng và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X .

Phong trào văn hóa văn nghệ trong công nhân viên chức được tổ chức ở nhiều nơi, thu hút hàng ngàn người xem. LHCD tỉnh đã phối hợp với Ty văn hóa thông tin tỉnh tổ chức hội diễn văn nghệ toàn tỉnh mừng sinh nhật Đảng (3/2) và mừng Xuân năm 1976, có hơn 300 diễn viên công nhân viên chức tham gia. Phong trào thể dục thể thao trong công nhân viên chức được tổ chức sôi nổi . Liên hiệp công đoàn tỉnh tổ chức thi đấu bóng chuyền , có 8 đội tham gia. Phong trào học bổ túc văn hóa, xóa mù chữ được chú ý, trong năm có 154 công nhân lao động thoát nạn mù chữ.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, các cơ quan, chính quyền trong tỉnh đã có nhiều cố gắng phân phối lương thực, hàng công nghệ phẩm (mắm, mì chính, cá, rau...), chất đốt. Ngoài ra Ủy ban nhân dân tỉnh còn thực hiện chính sách trợ cấp khó khăn cho công nhân viên chức (CNVC) 20% của 2 tháng lương 11 và 12/1976 và trợ cấp khó khăn đột xuất 10% lương . Một số chế độ được ban hành và thực hiện như xét tuyển dụng và xếp lương mới CNVC vùng mới giải phóng, chế độ công tác phí, các chế độ về nhà ăn, nhà trẻ, trợ cấp đông con, chế độ bảo hộ lao

động và BHXH... Hơn 6.813 CNVC, trong đó có hơn 50% CNVC tham gia kháng chiến ở miền Nam và 20% CNVC từ miền Bắc chuyển về được bồi dưỡng tại chỗ số tiền 115.821 đồng, 178 người được nghỉ dưỡng sức tại nhà nghỉ công đoàn. Nhiều cơ sở tổ chức được phong trào tăng gia sản xuất, chăn nuôi góp phần cải thiện đời sống cho CNVC.

LHCD tỉnh phối hợp với Ty thương nghiệp mở Hội nghị chuyên đề về công tác phân phối và Hội nghị tổng kết công tác tổ chức phục vụ nhà ăn tập thể cho công nhân viên chức, hướng dẫn kế hoạch xây dựng nhà ăn đạt “3 tốt”, cùng với Ban lương thực của tỉnh xét cấp sổ lương thực cho 4.336 hộ gia đình CNVC. Công đoàn tỉnh tham gia xây dựng và quản lý 30 nhà trẻ, nhóm trẻ, nơi đông nhất là 50 cháu; Riêng LHCD tỉnh duy trì và nâng cao chất lượng phục vụ Nhà trẻ liên cơ 8/3 có 30 cháu.

Về công tác tổ chức, thực hiện chủ trương của Đảng, LHCD tỉnh đã chú trọng xây dựng cơ sở ở khu vực Nhà nước, đoàn viên công đoàn chiếm hơn 90%/ tổng số CNVC. Đến thời gian này Công đoàn không còn quản lý đoàn viên và công nhân lao động đối với khu vực kinh tế ngoài quốc doanh. Nền số CNVC năm 1976 có giảm, từ 39.000, giảm còn 29.000 đoàn viên.

* *

*

Trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy vĩ đại mùa Xuân 1975, mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, công nhân và lao động đã nổi dậy với khí thế mạnh mẽ, đứng lên bảo vệ máy móc, tài sản, làm chủ nhà máy, xí nghiệp... đấu tranh chống địch cướp phá và làm chỗ dựa tin cậy cho lực lượng quân giải phóng, chính quyền cách mạng. Công đoàn đã kịp thời vận động công nhân viên chức phát huy tinh thần làm chủ tập thể, đi đầu thực hiện nhiệm vụ khôi phục và phát triển sản xuất, hăng hái tham gia và bảo vệ chính quyền cách mạng, xây dựng Đảng, xây dựng công đoàn và các đoàn thể cách mạng khác, tiến hành đấu tranh bài trừ văn hóa thực dân mới, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự xã hội và xây dựng cuộc sống mới.

CHƯƠNG II

HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN VÀ PHONG TRÀO CÔNG NHÂN NHỮNG NĂM ĐẦU CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI, THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH (1977-1985)

1- Phong trào công nhân lao động và hoạt động công đoàn tham gia công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh các phong trào thi đua “ năng suất, chất lượng, hiệu quả” (1977-1980)

Năm 1977, là năm có nhiều sự kiện chính trị quan trọng, thắng lợi Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV (12/1976), Đại hội lần thứ 11 Tỉnh Đảng bộ (3/1977), Đại hội Công đoàn các cấp tiến tới Đại hội Công đoàn tỉnh lần thứ V (lần thứ nhất sau giải phóng) tháng 8/1977.

Công đoàn phát động 4 đợt thi đua trong CNVC,:

- Thi đua lập công dâng Đảng, chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh, kỷ niệm ngày thành lập Đảng 3/ 2.
- Thi đua lập thành tích kỷ niệm ngày 1/5, 19/5, chào mừng Đại hội Công đoàn tỉnh lần thứ V
- Thi đua lập thành tích chào mừng Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/ 9.
- Thi đua lập thành tích chào mừng kỷ niệm Cách mạng tháng Mười Nga (17-10) và kỷ niệm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 22/ 12.

Tiếp tục động viên CNVC thi đua thực hiện mục tiêu “3 điểm cao” trong các đơn vị sản xuất kinh doanh, “3 cải tiến” trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp, phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước năm 1977.

Năm 1977, có 582 sáng kiến cải tiến, hợp lý hóa sản xuất, tiết kiệm làm lợi cho Nhà nước 847.293 đồng, trong đó có nhiều sáng kiến, cải tiến hợp lý hóa sản xuất, làm lợi 588.126 đồng, được thưởng 26.215 đồng, tiết kiệm do tận dụng nguyên vật liệu 259.113 đồng, 50.254 lít xăng dầu, 8.294 ngày công.

Cán bộ, CNVC các ngành phục vụ của tỉnh và 70% cán bộ CNVC các huyện đã phân công đi xuống các xã, các công trình trọng điểm để chỉ đạo và phục vụ kịp thời cho sản xuất, nhất là phục vụ chiến dịch sản xuất vụ Đông xuân và các công trình thủy lợi.

Phong trào thi đua chào mừng Đại hội Công đoàn các cấp đã thu hút đông đảo CNVC tham gia và đạt được nhiều thành tích xuất sắc, hoàn thành nhiều công trình, sản phẩm mới mang tên các sự kiện chính trị trong năm 1977, tổng hợp của 46 cơ sở có 26 công trình vượt thời gian từ 1- 16 ngày, 75 loại sản phẩm, với số lượng 13.427 sản phẩm các loại trị giá hơn 100.000 đồng, làm lợi cho ngân sách nhà nước 32.000 đồng; có 34 sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, 286 công trình tiết kiệm được 86.740 đồng, làm lợi 6.747 ngày công¹

Qua một năm phấn đấu gian khó đã có 52 cơ sở sản xuất kinh doanh hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch, đơn vị vượt thấp nhất 1%, cao nhất 43% sản lượng, về thời gian vượt từ 4 đến 60 ngày, tiêu biểu có các đơn vị như: Xí nghiệp vận tải ô tô, công ty cầu đường 1, xí nghiệp dược phẩm, cơ khí Quang Trung, Công ty hợp doanh đắp lớp ô tô, xí nghiệp cơ khí Thống Nhất ...Có 14 cơ sở hành chính sự nghiệp đã hoàn thành nhiệm vụ được giao. Phong trào xây dựng tổ đội lao động XHCN được phát động, có hơn 80% tập thể và cá nhân đăng ký; tổ tiên tiến đạt 43,3% (kế hoạch giao 55%).

Phong trào thi đua phục vụ sản xuất nông nghiệp có bước tiến bộ rõ, Công đoàn các ngành Y tế, Nông nghiệp, Thủy lợi, Giao thông vận tải, Ngân hàng và các huyện đã tổ chức từng chiến dịch ra quân bám đồng ruộng, HTX để hướng dẫn chống hạn, chỉ đạo đẩy nhanh tốc độ xây dựng các công trình thủy lợi, khoanh vùng trừ sâu, vận chuyển phân phối giống, phân bón, thuốc trừ sâu, cho cá nhân và tập thể vay vốn... Các cơ sở quốc doanh vận tải đường biển, Xí nghiệp vận tải ô tô, cảng Quy Nhơn đã tổ chức tăng chuyến, bốc xếp nhanh, đã vận chuyển 925 con trâu từ miền Bắc vào, 1.000 tấn xi măng từ thành phố Hồ Chí Minh ra, đưa lương thực, thực phẩm lên miền núi, vận chuyển hàng ngàn đồng bào đi kinh tế mới, đi khai hoang... Ngành Y tế cử cán bộ về nông thôn vận động nông dân xây dựng 3 công trình phục vụ vệ sinh và sức khỏe cộng đồng. Ngành Giáo dục ngoài phong trào thi đua hai tốt, thầy và trò các trường tổ chức về các HTX giúp nông dân làm đường, thủy lợi, diệt chuột, bắt sâu, đưa hàng ngàn giáo viên về nông thôn, lên miền núi tham gia chiến dịch xóa mù chữ .

Ban chấp hành LHCD tỉnh mở hội nghị nghiên cứu Nghị quyết Ban chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết 10 của Tổng Công đoàn Việt Nam và Nghị

¹ Báo cáo tình hình phong trào CNVC-LĐ tỉnh Nghĩa Bình năm 1977.

quyết của Tỉnh ủy, làm cho CNVC và hệ thống Công đoàn nhận thức đầy đủ nội dung phát triển nông nghiệp là nhiệm vụ hàng đầu.

Các cấp Công đoàn đã tập trung tuyên truyền thắng lợi của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, Đại hội Công đoàn các cấp tiến đến Đại hội Công đoàn tỉnh lần thứ V, tuyên truyền giáo dục về Cách mạng tháng Mười Nga.

Các hoạt động văn hóa văn nghệ được đẩy mạnh, có hơn 50 đội văn nghệ nghiệp dư, hàng ngàn diễn viên không chuyên; có 300 đội bóng chuyên, 110 đội bóng đá. Phong trào bổ túc văn hóa được chú trọng, đại bộ phận CNVC trong diện đi học đều ra lớp.

Đã phối hợp tổ chức tốt trong công tác lao động và đời sống; trong năm 1977, đã tuyển được 11.400 /17.000 lao động đạt 67%, tuyển sinh các trường đạt 78,4%; xét duyệt biên chế được UBND tỉnh quyết định cho vào biên chế 2.853/ 3.269 người bằng 87,3%, xếp lương chính thức cho 3.171 người.

Công tác cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh được thực hiện khẩn trương. Cuối năm 1976 đầu năm 1977 tiến hành cải tạo và thành lập được 5 cơ sở công tư hợp doanh, LHCD tham gia xây dựng kế hoạch và tiến hành cải tạo lực lượng ô tô vận tải tư nhân và các ngành thương nghiệp, xây dựng, thủy sản, văn hóa và thông tin.

Công nhân lái xe, phụ xe ngành giao thông vận tải được học tập chính sách cải tạo của Đảng và Nhà nước. Qua học tập và phát động công nhân đã mạnh dạn đấu tranh chống những hành động chạy chính sách, cất giấu, phân tán tài sản, sa thải công nhân; sau khi đã thành lập công ty hợp doanh, đại bộ phận công nhân làm nòng cốt trong phong trào sản xuất, đấu tranh với những hành động phản ứng chính sách của tư sản.

Tuy nhiên, trong một bộ phận công nhân viên chức, chính sách cải tạo XHCN của Đảng và Nhà nước chưa được giáo dục sâu rộng nên nhận thức còn lệch lạc, bản thân và gia đình chưa thực sự gương mẫu đối với chủ trương cải tạo.

Để hoàn thành tốt chức năng của mình Công đoàn phải hết sức coi trọng việc xây dựng tổ chức, lấy cơ sở làm khâu then chốt. Từ 6.128 đoàn viên ngày mới giải phóng, trong đó có 3.731 đoàn viên thuộc khu vực Nhà nước và 75 Công đoàn cơ sở, đến năm 1977 có 39.575 đoàn viên .

- Đại hội đại biểu lần thứ V Công đoàn tỉnh (11-12/ :

Căn cứ đường lối chung mà Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng Cộng sản Việt Nam (12/1976), Đại hội nêu sự tất yếu và tầm quan trọng của việc lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, Đại hội khẳng định “ Ngày nay, Tổ quốc ta đã hoàn toàn độc lập dân tộc, thực hiện ước mơ lâu đời của nhân dân lao động là vĩnh viễn thoát khỏi ách áp bức, bóc lột, nghèo nàn, lạc hậu , để sống một cuộc đời no cơm , áo ấm, ngày mai được bảo đảm một cuộc sống văn minh, hạnh phúc. Chỉ có chủ nghĩa xã hội, Tổ quốc ta mới có kinh tế hiện đại, văn hóa, khoa học tiên tiến, quốc phòng vững mạnh, do đó bảo đảm cho đất nước độc lập, tự do và ngày càng phát triển phồn vinh”¹

Đại hội lần thứ X Đảng bộ tỉnh (Đại hội lần thứ I tỉnh Nghĩa Bình, tháng 3/1977) đã khẳng định “Công đoàn là tổ chức chính trị của giai cấp công nhân, Đảng thông qua Công đoàn mà chăm lo xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân xứng đáng là giai cấp lãnh đạo cách mạng. Tổ chức Công đoàn phải phấn đấu để thực sự là trường học chủ nghĩa cộng sản, là trường học quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước của giai cấp công nhân. Công đoàn tập trung giáo dục về chủ nghĩa xã hội và quyền làm chủ tập thể cho cán bộ, công nhân, viên chức và lao động các cơ quan, xí nghiệp, ở thị xã, thị trấn; động viên phong trào thi đua thực hiện “3 điểm cao”(năng suất cao, chất lượng tốt, tiết kiệm nhiều) và “3 cải tiến” (cải tiến tổ chức, cải tiến quản lý, cải tiến cách làm việc) để hoàn thành kế hoạch sản xuất, công tác ở các cơ quan , xí nghiệp, cơ sở sản xuất...Công đoàn phải tham gia tích cực vào công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa”²

Dưới sự chỉ đạo của Tổng Công đoàn Việt Nam và của Tỉnh ủy, Đại hội lần thứ V Liên hiệp Công đoàn tỉnh họp từ ngày 2-5/8/1977 (lần thứ nhất sau ngày giải phóng) tại thị xã Quy Nhơn. Dự Đại hội có 239 đại biểu chính thức thay mặt cho 39.575 đoàn viên Công đoàn.

Đánh giá phong trào CNVC trong tỉnh những năm qua, Đại hội khẳng định “Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ tỉnh, trong những năm tháng kháng

¹ Đảng lao động Việt Nam: báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nxb Sự thật , HN, 1987, tr 39.

² Nghị quyết của Đại hội đại biểu lần thứ nhất Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Nghĩa Bình, lưu Công đoàn tỉnh.

chiến chống Mỹ cứu nước, công nhân lao động đã giữ vững và phát huy truyền thống cách mạng của giai cấp công nhân, liên tục đấu tranh chống Mỹ-ngụy và liên tục giành thắng lợi”.

“Trong cuộc tấn công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, công nhân lao động đã nhanh chóng đứng lên hành động, cùng nhân dân nổi dậy giải phóng hoàn toàn tỉnh nhà, chiếm lĩnh và bảo vệ hầu như nguyên vẹn nhà máy, kho tàng, phương tiện vận tải... đóng góp sức lực và cả xương máu vào giải phóng Sài Gòn, góp phần vào sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước”.

“Trong hai năm, từ khi miền Nam hoàn toàn giải phóng đến nay, phát huy truyền thống đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân. Công nhân viên chức ra sức thi đua lao động sản xuất và công tác, nhanh chóng phục hồi và phát triển kinh tế, góp phần tích cực vào việc ổn định tình hình đời sống và đi lại của nhân dân; phát hiện và truy quét địch còn lẩn trốn, ngăn chặn và trừng trị bọn phá hoại, bảo vệ chính quyền cách mạng, bảo vệ cơ sở sản xuất, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội. Công nhân lao động còn tham gia cuộc đấu tranh xóa bỏ giai cấp tư sản mại bản và bọn gian thương, cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh”¹

Đại hội quyết định phương hướng, nhiệm vụ công tác Công đoàn trong nhiệm kỳ tới là: “Tổ chức, giáo dục rèn luyện, xây dựng đội ngũ công nhân, viên chức lớn mạnh nhanh chóng về số lượng và chất lượng, nâng cao giác ngộ giai cấp, giác ngộ xã hội chủ nghĩa; phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của công nhân viên chức thực hiện đồng thời ba cuộc cách mạng; tổ chức phong trào cách mạng rộng lớn của công nhân, viên chức, thi đua XHCN và đấu tranh cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, thu hút đông đảo công nhân, viên chức tham gia công việc nhà nước, tham gia quản lý xí nghiệp, đồng thời tổ chức cho quần chúng kiểm tra hoạt động của cơ quan nhà nước, kiểm tra giám sát xí nghiệp tư bản tư doanh về chấp hành chính sách, pháp luật và chế độ lao động; cùng cơ quan nhà nước tận tình chăm lo đời sống và bảo vệ lợi ích chính đáng của công nhân, viên chức; nhanh chóng xây dựng tổ chức Công đoàn lớn mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới”

Đại hội đã bầu ban chấp hành LHCD tỉnh khóa V gồm có 31 đồng chí. Phiên họp Ban chấp hành lần thứ nhất đã bầu đồng chí Huỳnh Thị Mỹ tiếp tục

¹ Nghị quyết Đại hội đại biểu Công đoàn tỉnh Nghĩa Bình lần thứ nhất.

giữ chức vụ Thư ký, các đồng chí Phan Dũng Tiến và Lê Văn Đường làm Phó thư ký.

Thành Công của Đại hội lần thứ V Công đoàn tỉnh là sự kiện chính trị quan trọng, đánh dấu bước trưởng thành của tổ chức Công đoàn và phong trào công nhân viên chức tỉnh nhà .

Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ V Công đoàn tỉnh, trong những năm 1977-1980, tình hình kinh tế – xã hội của cả nước nói chung và tỉnh ta nói riêng gặp nhiều khó khăn gay gắt: sản xuất phát triển chậm, năng suất thấp, đời sống thiếu thốn; người lao động giảm sút tinh thần hăng hái sản xuất. Chiến tranh biên giới phía Bắc và phía tây nam đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình tư tưởng của CNVC và sản xuất kinh doanh, nhiều thanh niên CNVC lên đường nhập ngũ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Để khắc phục khó khăn, phát huy thuận lợi, động viên tinh thần CNVC tích cực, hăng hái đi đầu trên các mặt trận sản xuất, nhiều phong trào thi đua được phát động nhằm thực hiện mục tiêu “3 điểm cao” lập nhiều thành tích chào mừng Đại hội lần thứ IV Công đoàn Việt Nam, Đại hội lần thứ XII Đảng bộ tỉnh, kỷ niệm 60 năm Cách mạng Tháng Mười Nga, kỷ niệm lần thứ 110 ngày sinh Lê nin, đợt rước đuốc Hồ Chí Minh. Kết quả, trong 3 năm (1977-1979) có 113 đơn vị hoàn thành vượt mức kế hoạch . Các xí nghiệp ô tô vận tải, cơ khí sửa chữa tàu thuyền, xí nghiệp yếm sào, công ty cầu đường 1, công ty xây dựng 1, công ty vật tư nông nghiệp.. là những đơn vị lập được nhiều thành tích, 4 năm liền hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước.

Trong phong trào thi đua của CNVC đã xuất hiện nhiều nhân tố mới, điển hình tiên tiến. Năm 1978 là năm mở đầu cho phong trào thi đua phấn đấu trở thành tổ đội lao động XHCN; đã có 18 tổ trong đó có 6 tổ nữ được công nhận đạt danh hiệu tổ đội lao động XHCN. Năm 1979 có 97 tổ đăng ký, trong đó 49 tổ được công nhận đạt danh hiệu tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa. Từ 1977-1979, có 355 CNVC, trong đó có 68 nữ đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua. Hàng năm có 20- 30 % số tổ và 50-60% cá nhân đạt danh hiệu tiên tiến.

Phong trào phát huy sáng kiến, tiết kiệm được đông đảo CNVC tham gia, với khẩu hiệu “*Mỗi công nhân một sáng kiến, mỗi cán bộ khoa học kỹ thuật một đề tài*”. Phong trào sáng kiến, tiết kiệm đã thực sự là biện pháp mũi nhọn của phong trào lao động sản xuất, phát huy nhiệt tình và sáng tạo của công nhân viên

chức, giải quyết được nhiều khó khăn trong sản xuất, công tác, góp phần quan trọng trong việc tăng năng suất lao động ở nhiều ngành, nhiều đơn vị.

Phong trào thi đua phục vụ nông nghiệp có bước chuyển rõ rệt về nhận thức và hành động, thực hiện có kết quả các biện pháp cải tạo, đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất, tăng vụ, khai hoang, xây dựng vùng kinh tế mới, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, xây dựng HTX nông nghiệp. Năm 1979, toàn tỉnh tổ chức được 91% hộ nông dân với hơn 70% ruộng đất vào 354 HTX và 368 tập đoàn sản xuất. Có 297 CDCS kết nghĩa với 158 HTX nông nghiệp, xây dựng hơn 60 công trình và hạng mục công trình thủy lợi góp phần đưa lương thực quy thóc bình quân đầu người từ 236,6 kg (năm 1976) lên 291,2 kg (năm 1978).

Tổng sản phẩm xã hội tăng 123 triệu đồng, trong đó công nghiệp tăng 31%; thu nhập quốc dân tăng 77 triệu đồng (công nghiệp tăng 22%). Lực lượng công nhân đã lớn lên cả về số lượng và chất lượng. Đã tiến hành cải tạo XHCN đạt kết quả, trong công thương nghiệp, căn bản xóa bỏ phương thức bóc lột tư bản chủ nghĩa, vận động các nhà tư sản thương nghiệp chuyển sang sản xuất kinh doanh, tiến hành công tư hợp doanh 12 cơ sở; vận động thợ thủ công và tiểu thương tổ chức 64 HTX và 134 tập đoàn sản xuất tiểu thủ công nghiệp. Đồng thời với cải tạo XHCN, đã đầu tư 30 triệu đồng xây dựng các cơ sở công nghiệp, đưa tổng số xí nghiệp công nghiệp quốc doanh lên 62 cơ sở (chưa tính cấp huyện quản lý). Hình thành nhiều cơ sở công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp tập trung: Quy Nhơn, Phú Tài, Bình Định, Đập Đá. Đặc biệt là đã xuất hiện một số nghề mới trước đây chưa hề có như: đông lạnh, sành sứ, thủy tinh, phân bón.. số công nhân lao động cũng tăng lên, năm 1979 có 71.469 người, tăng 12% so với năm 1976.

Tổng số lao động công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp (kể cả nghề cá, muối, vận tải) có 84.536 người; trong đó 41.600 người đã gia nhập các tổ chức kinh tế tập thể gồm 118 HTX, 262 tổ hợp tác và 736 tổ, đội đoàn kết sản xuất.

Đi đôi với phong trào thi đua, các cấp Công đoàn trong tỉnh còn coi trọng việc chăm lo đời sống vật chất và điều kiện làm việc của CNVC. Trong hoàn cảnh đời sống vật chất còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, với tinh thần tự lực cánh sinh được đông đảo CNVC hăng hái tăng gia sản xuất tự cải thiện, có nhiều đơn vị và hàng nghìn người đạt gấp 2-3 lần chỉ tiêu 300 gốc mì / người chẳng những tự túc được lương thực mà còn bán cho Nhà nước. Bảo hiểm xã hội do Công đoàn quản lý, 4 năm (1977- 1980) chi 3,03 triệu đồng thực hiện 3 chính sách ốm đau,

thai sản, tai nạn lao động; tỷ lệ sinh đẻ từ 10,9% năm 1977 giảm xuống 9,3% năm 1978, 8,5% năm 1979. Có 24 đơn vị được công nhận thực hiện tốt sinh đẻ có kế hoạch.

Cùng với đẩy mạnh phong trào thi đua sản xuất, chăm lo cải thiện đời sống cho người lao động. LHCD tỉnh còn đặc biệt chú ý đến công tác giáo dục chính trị tư tưởng, công tác văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao trong công nhân viên chức. Từ năm 1977- 1980, Công đoàn tổ chức nhiều đợt sinh hoạt chính trị, mở nhiều lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hóa, trình độ kỹ thuật, nghề nghiệp và phẩm chất đạo đức cách mạng của đội ngũ công nhân, nâng cao sự hiểu biết về Đảng, giáo dục truyền thống cách mạng, bồi dưỡng tình cảm cách mạng và tính giai cấp công nhân, góp phần tạo nên sự nhất trí về chính trị, nâng cao tinh thần trách nhiệm và năng lực làm chủ của công nhân viên chức. Việc học tập và noi theo gương sáng của các liệt sỹ Hoàng Thị Hồng Chiêm, kỹ sư Nguyễn Bá Lại, Lái xe Nguyễn Văn Ngũ ... đã củng cố thêm lập trường tư tưởng, ý chí chiến đấu và tinh thần phục vụ của công nhân viên chức.

Phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng, câu lạc bộ, thông tin cổ động, phong trào thể thao thể dục do Công đoàn tổ chức phát động ngày càng đi vào nề nếp, sôi động, liên tục, nhiều đội bóng chuyên công nhân, đội bóng đá công nhân hình thành và làm nòng cốt cho đội bóng đá tỉnh nhà sau này. Đặc biệt là việc tổ chức hội diễn văn nghệ hàng năm, ca nhạc xung kích từ cơ sở đến tỉnh với sự tham gia của hàng ngàn diễn viên nghiệp dư của hàng trăm cơ sở với hơn 50% số tiết mục tự biên, tự diễn với nhiều hình thức đa dạng, nội dung phong phú, đã tạo không khí vui vẻ, lành mạnh, đáp ứng một phần yêu cầu đời sống văn hóa của công nhân, viên chức, góp phần tích cực vào việc xây dựng người công nhân xã hội chủ nghĩa.

Việc xây dựng và củng cố công đoàn cơ sở, phát triển đoàn viên đã được chú trọng, đạt tỷ lệ từ 60% (năm 1977), tăng lên 71, 5% (năm 1980). Số CĐCS tăng thêm 572 đơn vị so với 1977.

Công đoàn các huyện, thị xã được quan tâm xây dựng, củng cố từng bước, nâng cao năng lực hoạt động. Phần lớn các huyện, thị xã đã có ủy viên Thường vụ Huyện ủy, Thị ủy hoặc cấp ủy viên trực tiếp làm Thư ký Công đoàn. Công đoàn ở một số huyện bước đầu phát huy tác dụng trong phong trào phục vụ nông nghiệp.

Công đoàn ngành đã giữ vững nề nếp sinh hoạt và hoạt động đi vào ngành nghề, phát huy vai trò của mình trong việc tham gia quản lý ngành.

Sự chỉ đạo của LHCD tỉnh đã tập trung vào những công tác trung tâm và đã thực hiện sự chỉ đạo thí điểm ở Công đoàn huyện Phước Vân (nay là Vân Canh và Tuy Phước), An Nhơn.

Đội ngũ cán bộ Công đoàn phát triển nhanh chóng gồm 328 cán bộ, nhân viên chuyên trách, 3.192 ủy viên Ban chấp hành CĐCS, 2.457 ủy viên Ban chấp hành công đoàn bộ phận, 9.145 tổ trưởng, tổ phó công đoàn.

* *
*

Trong những năm (1977- 1980), phong trào CNVC và hoạt động Công đoàn trong tỉnh đã đạt được những thành tích bước đầu và đáng tự hào, là thời điểm sau ngày giải phóng còn bộn bề khó khăn, phức tạp nhưng được sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy và Tổng công đoàn Việt Nam, đã kịp thời xây dựng tổ chức Công đoàn từ tỉnh đến cơ sở từng bước đi vào nề nếp, tổ chức được các phong trào thu hút được đông đảo công nhân viên chức tham gia, góp phần phát triển sản xuất, cải thiện đời sống, giải quyết việc làm cho người lao động.

Bên cạnh những thắng lợi quan trọng, hoạt động Công đoàn còn những mặt hạn chế và đang đứng trước những khó khăn thử thách. Phát động thi đua còn hình thức, phong trào thi đua chưa sâu rộng, thiếu liên tục, chưa kịp thời biểu dương, khen thưởng các điển hình. Nhiều CĐCS sản xuất kinh doanh chưa phát huy vai trò thúc đẩy tổ chức thực hiện điều lệ quản lý xí nghiệp công nghiệp quốc doanh và chưa chỉ đạo tốt việc vận động công nhân tham gia xây dựng kế hoạch nhà nước, Hội nghị công nhân, viên chức.

2. PHONG TRÀO CÔNG NHÂN VIÊN CHỨC VÀ CÔNG ĐOÀN TÍCH CỰC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH TẾ – XÃ HỘI (1981- 1985).

Trong những năm 1981-1985, nhân dân cả nước ta đã ra sức thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ 3 trong bối cảnh tình hình kinh tế xã hội tiếp tục gặp nhiều khó khăn gay gắt. Đứng trước tình hình đó, Đảng và Nhà nước đã đẩy mạnh việc thi hành những chính sách mới về kinh tế, đời sống, nhằm mở rộng quyền chủ động sản xuất kinh doanh, quyền tự chủ về tài chính, mở rộng việc thực hiện các

chính sách đòn bẩy kinh tế, khuyến khích công nhân lao động khắc phục khó khăn, phát triển sản xuất, phát huy quyền làm chủ và cải thiện đời sống.

Đại hội lần thứ XI Tỉnh Đảng bộ (11/1979) đã phân tích thực trạng tình hình, chỉ ra những nhân tố kìm hãm sản xuất: *“Quan hệ sản xuất chưa thực sự gắn bó với lực lượng sản xuất, nhằm thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển...trong lãnh đạo và chỉ đạo tổ chức thực hiện chưa tạo được một cơ chế thích hợp. Công tác kế hoạch hóa còn tập trung quan liêu, chưa làm tốt từ cơ sở. Phương pháp quản lý còn nặng về hành chính bao cấp, nên khá nhiều trường hợp gò bó, gây khó khăn cho sản xuất và lưu thông phân phối. Chúng ta chưa xây dựng được những điển hình, mô hình mẫu để rút kinh nghiệm nhân phong trào. Chúng ta có phát động phong trào cách mạng, nhưng chưa tạo được phong trào thi đua lao động sản xuất rộng lớn, liên tục trong toàn tỉnh. Việc áp dụng các chính sách giá cả, thuế, tiền lương, tín dụng không còn phù hợp với thực tiễn sinh động của hoạt động kinh tế, của sản xuất và đời sống xã hội, chưa quan tâm đến lợi ích vật chất của người lao động, vì vậy chẳng những không khuyến khích sản xuất mà còn làm cho cơ sở sản xuất và người lao động không yên tâm sản xuất”*¹

Căn cứ vào thực tiễn tình hình, Đại hội Đảng bộ tỉnh chỉ đạo: Công đoàn cần nắm vững đặc điểm của công nhân và lao động phần đông mới phát triển sau giải phóng, bị ảnh hưởng nặng của chế độ cũ, sự hiểu biết về chính trị còn non kém. Thông qua phong trào “đồng khởi thi đua lao động sản xuất cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội, phát huy sáng kiến” mà phát huy trách nhiệm làm chủ, động viên công nhân lao động khắc phục khó khăn, đem hết sức mình ra sản xuất, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động, tiết kiệm nguyên liệu, vật tư, làm ra thật nhiều sản phẩm, hàng tiêu dùng đáp ứng cho nhu cầu đời sống hiện nay; động viên cán bộ, nhân viên trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp hăng hái công tác²

Đại hội lần thứ VI Công đoàn tỉnh (lần thứ II Công đoàn Nghĩa Bình) được tiến hành từ ngày 24-26/9/1980, tại thị xã Quy Nhơn, có 327 đại biểu thay mặt cho 54.478 đoàn viên công đoàn về dự đại hội. Đến dự và chỉ đạo Đại hội, có Đồng chí Nguyễn Quang Lâm, uỷ viên Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, Bí

¹ Báo cáo tình hình nhiệm vụ của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình tại Đại hội đại biểu lần thứ II.

² Báo cáo tình hình nhiệm vụ của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình tại Đại hội đại biểu lần thứ II.

thư tỉnh ủy, Đồng chí Nguyễn Văn Ứng, ủy viên Ban thư ký Tổng công đoàn Việt Nam. Đại hội bầu Ban chấp hành mới gồm 43 đồng chí. Đồng chí Huỳnh Thị Mỹ tái cử làm thư ký; hai đồng chí Phan Dũng Tiến và Lê Văn Đường làm phó thư ký.

Đại hội đã kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết Ban chấp hành Liên hiệp công đoàn tỉnh từ năm 1977 đến 1980 đồng thời đề ra phương hướng, nhiệm vụ công tác Công đoàn (1980-1983).

Thực hiện nghị quyết Đại hội lần thứ XI Tỉnh Đảng bộ, Nghị quyết Đại hội lần thứ IV Công đoàn Việt Nam (5/1978). Đại hội lần thứ VI công đoàn tỉnh khẳng định : *“Không ngừng bồi dưỡng nâng cao năng lực và phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của công nhân lao động, đẩy lên phong trào cách mạng rộng lớn trong tỉnh, với khí thế cách mạng tiến công, quyết vượt mọi khó khăn thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội; đề cao cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc; tích cực tham gia đẩy mạnh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa; chăm lo đời sống và bảo vệ quyền lợi chính đáng của công nhân, viên chức; kiên quyết đấu tranh khắc phục những mặt tiêu cực trong hoạt động kinh tế và xã hội; ra sức xây dựng và củng cố tổ chức Công đoàn, tích cực đào tạo bồi dưỡng cán bộ, cải tiến tổ chức và phương pháp công tác, nâng cao năng lực và tham gia quản lý của Công đoàn làm cho tổ chức Công đoàn vững mạnh về mọi mặt; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ Công đoàn trong giai đoạn mới¹.*

Trong 3 năm (1980-1983) đội ngũ CNVC phát triển về số lượng và chất lượng, từ 60.800 công nhân viên chức năm 1979, lên 74.763 CNVC năm 1983, trong đó có 24 tiến sĩ, phó tiến sĩ, có 6.058 cán bộ công nhân có trình độ đại học và cao đẳng, có 7.674 trung cấp kỹ thuật và 16.450 công nhân kỹ thuật có tay nghề cao. Tổ chức Công đoàn được củng cố và phát triển, vai trò của tổ chức Công đoàn được phát huy trong nhiều mặt, từ 475 Công đoàn cơ sở lên 639 CĐCS, phát triển mới 9.043 đoàn viên, chiếm 84% so tổng số CNVC. Đội ngũ cán bộ Công đoàn được lớn mạnh, năm 1983 có 265 cán bộ chuyên trách và 5230 Ủy viên BCH Công đoàn cơ sở.

¹ Báo cáo của Ban chấp hành LHCD tỉnh tại Đại hội đại biểu lần thứ XI.

Phong trào CNVC- LĐ và hoạt động Công đoàn có nhiều chuyển biến và tiến bộ đạt được những kết quả thiết thực.

Hội nghị CNVC là hình thức và biện pháp chủ yếu để phát huy tinh thần làm chủ tập thể của CNVC, tổ chức và phát động phong trào thi đua của CNVC phấn đấu hoàn thành kế hoạch Nhà nước, năm 1981 mới có 61 đơn vị mở hội nghị CNVC, tăng lên 189/275 đơn vị sản xuất kinh doanh mở Hội nghị CNVC, trong đó có 185 đơn vị bầu Ban thường trực hội nghị CNVC và ký kết hợp đồng tập thể, tăng gấp 3 lần so với 1980, chất lượng mở Hội nghị CNVC, ý thức làm chủ tập thể được phát động và phát huy tiềm năng và tài trí lao động sáng tạo của CNVC, tham gia xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch, nhất là từ khi có quyết định 25/CP và quyết định 146/HDBT việc xây dựng kế hoạch và quản lý kinh tế được vận dụng thực hiện, đã có 175 đơn vị sản xuất kinh doanh vận dụng thực hiện với nhiều hình thức và biện pháp linh hoạt, đúng đắn góp phần khắc phục một phần tình hình mất cân đối về cung ứng vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu để giữ vững và đẩy mạnh sản xuất, phấn đấu hoàn thành kế hoạch nhà nước.

Hình thức thi đua khá phong phú, đăng ký thi đua giữa cá nhân với cá nhân, tập thể với tập thể được phát triển rộng. Trong năm 1982 và 6 tháng đầu năm 1983, tổng hợp của 8 Công đoàn ngành (Thủy sản, Bưu điện, Nông nghiệp, Giao thông vận tải, Xây dựng, Y tế, Thủy lợi, Lương thực) và các CĐCS thuộc các huyện, thị xã đã có 196/275 cơ sở sản xuất kinh doanh tổ chức được phong trào thi đua, tiêu biểu có xí nghiệp cao su Quy Nhơn, Sở Điện lực... 100% CNVC đăng ký thi đua và phấn đấu vượt mức kế hoạch nhà nước từ 5- 15%. Riêng trong đợt thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội công đoàn các cấp đã có 45.500 CNVC đăng ký thi đua vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1983. Trong từng ngành đã nêu được mục tiêu thi đua cụ thể như ngành Giáo dục với mục tiêu “ Mỗi thầy giáo là một tấm gương sáng cho học sinh noi theo”; ngành y tế thực hiện “ 3 chương trình, 5 dứt điểm, lương y như từ mẫu, xây dựng bệnh viện tiên tiến”; ngành thương nghiệp hướng vào mục tiêu thi đua “mua năm nguồn hàng, cải tiến phân phối, thực hiện phân phối công bằng, thuận tiện, đúng chính sách, đưa hàng đến tay người tiêu dùng”.

Phong trào thi đua xây dựng tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa tiếp tục được phát động. Năm 1980 đạt 55 tổ, năm 1981 đạt 69 tổ, năm 1982 đạt 117 tổ, năm 1983 đạt 171 tổ, trong đó có tổ đạt 5 năm liền như: tổ “phân cỡ” phân xưởng đông lạnh của xí nghiệp đông lạnh Quy Nhơn, tổ chế biến hải sản của Công ty hải sản và có 18 tổ 3 năm liền đạt danh hiệu lao động XHCN. Năm 1980 có 159 CNVC

đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua, 170 chiến sỹ (1981), 182 chiến sỹ (1982), 350 chiến sỹ thi đua (1983).

Trong thời gian này còn có các đợt thi đua phấn đấu hoàn thành nhiều công trình và sản phẩm lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng, các ngày lễ lớn và Đại hội Công đoàn các cấp. Riêng đợt thi đua chào mừng đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V và chào mừng đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II, CNVC toàn tỉnh đã hoàn thành 423 công trình và sản phẩm mới. LHCD tỉnh phối hợp với các ngành tổ chức cho 29.777 CNVC tham gia 4 giờ “lao động Cộng sản” gây quỹ 267.000 đồng, góp phần xây dựng các công trình phúc lợi trong tỉnh và đẩy mạnh sản xuất hoàn thành kế hoạch Nhà nước.

Phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, thực hành tiết kiệm được giữ vững và phát triển bước đầu đem lại hiệu quả rõ rệt, lập nhiều tổ hỗ trợ sáng kiến, hội đồng khoa học kỹ thuật, tổ chức hội nghị chuyên đề. Trong 3 năm (1980- 1983) CNVC đã phát huy 1.371 sáng kiến, làm lợi 28.418.000 đồng và được xét thưởng 75.000 đồng, bình quân mỗi người có một sáng kiến, những đơn vị tiêu biểu của phong trào này là Công ty cầu đường một, nhà máy đông lạnh Quy Nhơn, xí nghiệp cao su Quy Nhơn, xí nghiệp quốc doanh ô tô vận tải... LHCD tỉnh xét đề nghị Tổng công đoàn Việt Nam tặng bằng khen và huy hiệu lao động sáng tạo cho 103 cán bộ và công nhân có sáng kiến trong 2 năm 1981-1982, trong đó có 8 đoàn viên 2 năm liền đạt danh hiệu lao động sáng tạo.

Phong trào thực hành tiết kiệm có chuyển biến nhất là sau khi có Nghị quyết 15 của Hội đồng Bộ trưởng và Chỉ thị của Ban thư ký Tổng công đoàn, LHCD tỉnh đã kịp thời hướng dẫn các cấp Công đoàn về nội dung và biện pháp tổ chức phong trào tiết kiệm trong CNVC. Các Công đoàn ngành Giao thông vận tải, Bưu điện, Nông nghiệp, Lương thực.. đã cùng với cơ quan quản lý chọn điểm chỉ đạo và nhân ra diện rộng. Trong năm 1982 toàn tỉnh tiết kiệm được 15 triệu đồng.

Phong trào CNVC phục vụ phát triển nông nghiệp được duy trì và có bước phát triển. Nhận thức sản xuất nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, là một lĩnh vực kinh tế nông nghiệp là chủ yếu, phong trào CNVC phục vụ nông nghiệp có bước phát triển, nhất là từ khi có nghị quyết 100 ngày 13/01/ 1981 của Ban bí thư Trung ương Đảng về “Thực hiện khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động“, LHCD đã kịp thời hướng dẫn thực hiện. Có 10/11 huyện tổ chức được phong trào thi đua liên kết phục vụ nông nghiệp; các huyện An Nhơn, Hoài Nhơn, Tuy Phước đã

chủ động phối hợp xây dựng được 26 cánh đồng cao sản với diện tích 997 ha (so với năm 1981 tăng 19 cánh đồng với diện tích 742 ha); các cánh đồng được xây dựng đều đạt năng suất cao, rút được nhiều kinh nghiệm trong việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và quản lý sản xuất nông nghiệp. Hình thức tổ chức kết nghĩa giữa các đơn vị sản xuất kinh doanh, cơ quan, trường học với các hợp tác xã nông nghiệp được phát triển, có 350/ 950 cơ sở tổ chức kết nghĩa giúp hợp tác xã như sửa chữa máy bơm, làm nông cụ sản xuất, góp 10 vạn đồng làm thủy lợi, đào mương, đào ao chống hạn, vận chuyển thóc vào kho...

Các trạm máy kéo nông nghiệp đã tổ chức các hội nghị chuyên đề về kỹ thuật, tiết kiệm, hạ giá thành, giảm giá làm đất cho các hợp tác xã, ký hợp đồng đảm nhận làm đất cho hợp tác xã đảm bảo kỹ thuật, kịp thời vụ. Công ty vật tư kỹ thuật nông nghiệp và 17 Trạm vật tư nông nghiệp của các huyện đã tổ chức đưa thẳng 50% vật tư nông nghiệp về các hợp tác xã phục vụ cho sản xuất; CNVC các trạm bơm đăng ký thi đua đảm bảo vận hành máy điện liên tục phục vụ tưới tiêu, chống hạn cho trên 23.000 hécta; nhiều công trình xây dựng phục vụ nông nghiệp cũng được hoàn thành. Các hoạt động của công đoàn các cấp trong tỉnh đã góp phần đưa năng suất từ 20,4 tạ ha (1980), lên 31,9 tạ/ha (1985); sản lượng lương thực toàn tỉnh từ 181.219 tấn năm 1980, lên 341.681 tấn năm 1985; lương thực quy thóc bình quân đầu người từ 205,3 kg/ người năm 1980, lên 319kg / người năm 1985¹

Công tác vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động, bảo vệ con người và thiết bị, bảo đảm sản xuất được đẩy mạnh. LHCD cùng với các ngành Lao động, Y tế, Công an tổ chức hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện thông tư 08-TT/LB-NV-LĐLĐ liên bộ Bộ nội vụ và Tổng LĐLĐ VN. Từ 9 cơ sở làm điểm lên 43 đơn vị ký kết thực hiện thông tư 08 bảo đảm an toàn lao động, các đơn vị thực hiện tốt như Xí nghiệp vận tải ô tô, Xí nghiệp cao su Quy Nhơn, Xí nghiệp ép dầu 3/2. Tình hình tai nạn lao động có giảm, riêng năm 1982 giảm 52% so với năm 1983.

Tuy nhiên trong thời kỳ này, phong trào CNVC và hoạt động Công đoàn cả nước nói chung và Bình Định nói riêng gặp phải không ít khó khăn. Nền kinh tế hiện vật không còn phù hợp với cơ chế quản lý đã kìm hãm sản xuất ảnh hưởng đến đời sống, việc làm người lao động. Công nghiệp chưa phát triển, nông nghiệp liên tiếp bị thiên tai lụt bão, hạn hán kéo dài, tình trạng tiêu cực trong sản xuất

¹ Theo niên giám thống kê tỉnh Bình Định năm 1989, trang 48,49

và đời sống chưa được ngăn chặn. Đảng và Nhà nước đã có một số quyết định mới về chính sách liên quan đến đời sống CNVC và nhiều biện pháp để giải quyết, nhưng vẫn chưa ổn định đời sống CNVC. Trước tình hình đó, căn cứ vào sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, của Tổng công đoàn, Liên hiệp Công đoàn tỉnh đã chỉ đạo Công đoàn các cấp tập trung chăm lo đời sống CNVC.

Công đoàn đã tham gia với cơ quan nhà nước, đơn vị quản lý tổ chức thực hiện chế độ làm việc theo định mức, trả lương theo sản phẩm, lương khoán, mở ra kế hoạch sản xuất đáp ứng 3 lợi ích (của nhà nước, tập thể và của người lao động); thực hiện việc trả lương, thưởng cho CNVC đi vào nề nếp, tạo được động lực trong lao động sản xuất. Từ 38 đơn vị năm 1980 tăng lên 192/272 đơn vị sản xuất và kinh doanh thực hiện chế độ làm việc theo định mức và trả lương theo sản phẩm, lương khoán và thưởng tiên tiến năm 1983, từ đó thu nhập bình quân của công nhân tăng từ 50 đến 150 %, một số đơn vị thu nhập tăng đến 250%, tiền thưởng hàng tháng từ 50 đến 150 đồng, có những đơn vị hoàn thành vượt mức cuối năm lĩnh thưởng từ 500 đến 1.000 đồng, đời sống CNVC được cải thiện một bước.

Phong trào trồng trọt, chăn nuôi tự cải thiện đời sống và tổ chức bữa ăn giữa ca cho CNVC có nhiều chuyển biến tiến bộ, hầu hết các đơn vị, cơ quan đều có bếp ăn tập thể. Áp dụng chế độ ăn giữa ca cho các đơn vị sản xuất kinh doanh, phụ cấp 50 đồng cho CNVC khu vực hành chính sự nghiệp.

Công tác Bảo hiểm xã hội có nhiều tiến bộ. Trong 3 năm (1980-1983) tổ chức được 58 đợt cho 4.117 lượt CNVC nghỉ dưỡng sức, nghỉ hè trong và ngoài tỉnh.

Công tác giáo dục chính trị và tư tưởng, đấu tranh chống tiêu cực trong công nhân viên chức, chống địch phá hoại cũng được quan tâm. Công đoàn các cấp tổ chức được 150 lớp bồi dưỡng chính trị cho 13.000 CNVC về 5 bài chính trị cơ bản do Tổng Công đoàn biên soạn, tổ chức chiếu phim phục vụ cho 25.000 lượt CNVC xem; hàng năm có 4.500 đến 5.000 CNVC trong diện học văn hóa đã theo học các lớp bổ túc văn hoá tập trung, bổ túc tại chức và có từ 3.000 đến 3.500 CNVC theo học các lớp bồi dưỡng nâng cao tay nghề.

Các đội kiểm tra và Ban thanh tra công nhân được củng cố, tỉnh lập 22 đội kiểm tra các huyện, thị, 600 ban thanh tra công nhân ở cơ sở với 4.350 CNVC tham gia. Năm 1982 các đội kiểm tra đã tiến hành kiểm tra 258 lượt ở 265 điểm

về phân phối lưu thông, đã lập biên bản, xử lý kỷ luật 252 vụ việc vi phạm chế độ, chính sách, nội quy, góp phần đấu tranh ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực trong khâu phân phối. Năm 1982 và 6 tháng đầu năm 1983 LHCD đã tiếp nhận 239 đơn khiếu nại, tố cáo của CNVC, Công đoàn đã phối hợp với các ngành, các cấp kịp thời giải quyết làm cho CNVC phấn khởi và tin tưởng vào tổ chức công đoàn.

Trong 3 năm (1980- 1983), tuy có nhiều khó khăn, thử thách về việc làm và đời sống, nhưng *“Tuyệt đại bộ phận CNVC trong tỉnh luôn luôn tin tưởng vào đường lối chính sách của Đảng, gắn bó với chủ nghĩa xã hội, bất cứ ở đâu và làm bất cứ việc gì, CNVC cũng là lực lượng nòng cốt trong việc thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước; thi đua lao động sản xuất và đấu tranh khắc phục các mặt tiêu cực để giữ vững và đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống góp phần xứng đáng vào việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của tỉnh Đảng bộ”*¹. Năm 1982 so với 1976, tài sản cố định khu vực sản xuất vật chất tăng 2,5 lần, tổng sản phẩm xã hội tăng 14,9 %, thu nhập quốc dân sản xuất tăng 14,65%, giá trị sản lượng công-nông nghiệp tăng 67%, riêng giá trị công nghiệp tăng 130% so với năm 1976, công nghiệp quốc doanh tăng 10 lần; tổng sản lượng lương thực quy thóc năm 1982, tăng 25% so với năm 1976. Bình quân lương thực nhân khẩu nông nghiệp năm 1982 đạt 334 kg, tăng 11,8% so với năm 1976. Điều đáng chú ý là trong hoạt động kinh tế, qua thực hiện những chính sách quản lý kinh tế của Đảng và Nhà nước mới ban hành đã xuất hiện nhiều nhân tố tích cực, phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, tự lực vươn lên với cách làm ăn mới, có hiệu quả, nâng cao nhiệt tình lao động của quần chúng, khai thác được mọi khả năng và thuận lợi để vượt qua khó khăn, đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống”².

- Phát huy kết quả thực hiện nhiệm vụ Công đoàn tỉnh nhiệm kỳ VI (1980-1983), Công đoàn tỉnh tiến hành Đại hội lần thứ VII.

Đại hội lần thứ VII LHCD tỉnh từ ngày 11 đến 12 / 8 /1983 tại Quy Nhơn, có 248 đại biểu thay mặt cho 61.726 đoàn viên về dự đại hội. Đại hội đã đánh giá phong trào công nhân viên chức và hoạt động Công đoàn 3 năm (1980- 1983) .

¹ Báo cáo của Ban chấp hành Liên hiệp Công đoàn tỉnh tại đại hội đại biểu lần thứ III Công đoàn tỉnh Nghĩa Bình từ ngày 10- 13/8/1983.

² Báo cáo tình hình, nhiệm vụ của Ban chấp hành đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình tại Đại hội lần thứ III(3/1983), trang 5, 6.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, Nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ XII (3/1983) và Chủ trương chỉ đạo của Tổng công đoàn Việt Nam. Đại hội Công đoàn tỉnh lần thứ VII đề ra phương hướng, nhiệm vụ và chương trình hành động cách mạng của phong trào CNVC và hoạt động Công đoàn trong tỉnh nhiệm kỳ (1983- 1985) là: “ *Tổ chức phát động phong trào công nhân, viên chức thi đua vượt mức kế hoạch nhà nước, phát huy vai trò của công đoàn trong việc tham gia quản lý kinh tế, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các chính sách và pháp lệnh của nhà nước về phân phối lưu thông, tích cực thực hiện chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh, cùng với nhà nước khắc phục khó khăn để từng bước ổn định đời sống CNVC, tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, xây dựng người công nhân mới XHCN, đấu tranh chống tiêu cực, chống dịch phá hoại, kiện toàn tổ chức nâng cao năng lực hoạt động của Công đoàn đáp ứng yêu cầu tình hình và nhiệm vụ mới* ”¹

Đại hội bầu Ban chấp hành mới 43 đồng chí. Đồng chí Huỳnh Thị Mỹ được bầu làm Thư ký; đồng chí Lê Văn Đường và Trần Đức Hiệp làm Phó thư ký.

Phong trào CNVC và hoạt động Công đoàn trên địa bàn tỉnh Bình Định từ 1983- 1985 diễn ra trong bối cảnh có nhiều khó khăn mới. Hậu quả sai lầm của công cuộc tổng điều chỉnh toàn quốc về “ giá - lương- tiền” đã dẫn đến tình hình rối ren về kinh tế – xã hội, về phân phối và lưu thông, tác động xấu đến đời sống của CNVC. Thời tiết khắc nghiệt, hết hạn hạn đến mưa bão kéo dài, đặc biệt là cơn bão số 9 (1984) đã gây thiệt hại nặng nề về người và tài sản của nhân dân, ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất và đời sống của nhân dân và CNLD trong tỉnh.

Vượt qua những khó khăn thử thách khắc nghiệt, CNVC trong tỉnh không thụ động, trông chờ, bi quan, vẫn giữ vững vai trò nòng cốt, đi đầu trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, tổ chức Công đoàn cũng không ngừng lớn mạnh cả về quy mô và phẩm chất của đội ngũ cán bộ. Tính đến năm 1985 cả tỉnh có 75.492 CNVC (trong đó nữ 32.590), trong đó lực lượng cán bộ khoa học kỹ thuật chiếm tới 30%, công nhân trực tiếp sản xuất của ngành công nghiệp chiếm 15%. Đội ngũ công nhân lâu năm chiếm 20%, đây là lớp công

¹ Báo cáo của Ban chấp hành Liên hiệp Công đoàn tại Đại hội đại biểu lần thứ III Công đoàn tỉnh Nghĩa Bình từ ngày 10-13/8/1983.

nhân kinh qua các thời kỳ chống Pháp, chống Mỹ, được thử thách, tôi luyện qua chiến đấu và phục vụ chiến đấu, có lập trường giai cấp và giác ngộ cách mạng sâu sắc nên trước những khó khăn về sản xuất và đời sống, họ luôn thể hiện rõ tinh thần kiên cường, khí phách anh dũng vượt khó, làm nòng cốt và đi tiên phong trong các phong trào chung của toàn tỉnh.

Lớp CNVC trẻ chiếm 60%, phần đông lực lượng này nhiệt tình, hăng hái công tác, ham học tập để tiến bộ, dám nghĩ, dám làm, tỏ rõ vai trò xung kích trong các cơ quan, xí nghiệp. Nhưng đội ngũ công nhân thời kỳ này còn hạn chế là chưa thật sự yêu nghề, chưa yên tâm, gắn bó với đơn vị, thậm chí không ít công nhân đã tự ý bỏ việc. Một số công nhân chưa rèn luyện lề lối làm việc theo tác phong công nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lỏng lẻo, không đảm bảo ngày giờ công, năng suất và hiệu quả lao động thấp.

Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật ở Bình Định phần đông tập kết từ miền Bắc về và được đào tạo sau ngày giải phóng. Đa số cán bộ khoa học tích cực cống hiến tài năng cho cách mạng, có nhiều đóng góp vào việc xây dựng và phát triển kinh tế- văn hóa và xã hội của tỉnh.

Cùng với sự lớn mạnh của đội ngũ CNVC, tổ chức Công đoàn cũng ngày càng được xây dựng và củng cố. Tính đến năm 1985, toàn tỉnh có 64.699 đoàn viên công đoàn (32.590 nữ), chiếm 85,7% tổng số CNVC, sinh hoạt ở 933 Công đoàn cơ sở, 1.377 Công đoàn bộ phận, 9.714 tổ Công đoàn, 11 Công đoàn ngành, 15 công đoàn huyện, thị. Số cán bộ làm chuyên trách Công đoàn có 241 người, 5.085 ủy viên Ban chấp hành CĐCS trở lên, 16.683 cán bộ tổ trưởng, tổ phó Công đoàn.

Từ sau Đại hội lần thứ VII Công đoàn tỉnh, phong trào công nhân viên chức trong tỉnh tập trung vào việc thực hiện nhiệm vụ chính là đẩy mạnh phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, thực hành tiết kiệm, hăng hái thi đua lao động sản xuất, công tác nhằm đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả cao, phấn đấu góp phần hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu kinh tế và xã hội Đảng bộ tỉnh đã đề ra.

Thời gian này, nét mới của phong trào thi đua là thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy và quyết định UBND tỉnh tiến hành mạnh mẽ sắp xếp lại sản xuất và đổi mới cơ chế quản lý. Tình hình đó tạo điều kiện thuận lợi cho Công đoàn đi

sâu vào nội dung khoa học kỹ thuật, tổ chức phong trào thi đua trong CNVC và thực hiện tốt nghị quyết IV,V của Ban chấp hành Tổng công đoàn Việt Nam.

UBND tỉnh đã tiến hành tổng kết tình hình phong trào thi đua năm 1984 và ra Chỉ thị liên tịch số 02/CT-LT giữa UBND tỉnh và LHCD tỉnh về phát động phong trào thi đua sản xuất giỏi, quản lý giỏi, phục vụ sản xuất, đời sống nhân dân tốt và mở hội nghị triển khai toàn tỉnh. Để từng bước đưa phong trào thi đua 3 giỏi “năng suất, chất lượng, hiệu quả” đi vào chiều sâu ; LHCD tỉnh cùng với ban thi đua khen thưởng tỉnh tổ chức ký giao ước thi đua từng cụm (4 cụm thi đua khối huyện, thị xã và 8 cụm theo khối ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh).

LHCD tỉnh bám sát chủ trương cải tiến cơ chế quản lý của tỉnh, chủ động phối hợp với ngành công nghiệp và các cơ quan chức năng của tỉnh tiến hành làm thí điểm đổi mới cơ chế quản lý theo hướng Nghị quyết 6 của Trung ương và Quyết định 156/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng, đưa cả phần lương hiện vật sau khi đã bù giá vào giá thành sản phẩm ở Nhà máy Cao su từ tháng 3/1985. Kết quả thực tế đã có tác dụng làm cơ sở cho việc tiếp thu chủ trương mới về giá-lương- tiền và đổi mới hoạt động Công đoàn các bước tiếp theo.

Tháng 8/1985 thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (khoá V) về giá-lương-tiền, nét mới của hoạt động Công đoàn cơ sở đã chủ động cùng với giám đốc vận động CNVC thực hiện theo tinh thần “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, đã khơi dậy ý thức làm chủ của CNVC trong việc xây dựng và phấn đấu hạ giá thành sản phẩm ở nhà máy cơ khí Quang Trung, Nhà máy cao su. LHCD tỉnh còn chú trọng hướng dẫn tổ chức mở Hội nghị CNVC các đơn vị sản xuất kinh doanh, hội nghị dân chủ các cơ quan hành chính sự nghiệp. Có 20 đơn vị tiến hành phát động từ tổ sản xuất tập trung vào các mục tiêu cụ thể là hạ giá thành, tận dụng hết năng lực, công suất máy móc, nâng cao tính hiệu quả, đảm bảo chất lượng, tăng mặt hàng mới phục vụ xuất khẩu, hoàn thành kế hoạch Nhà nước giao.

Phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất có nhiều tiến bộ nhằm thực hiện Nghị quyết 37 của Bộ chính trị ngày 20/4/1981 về chính sách khoa học và kỹ thuật. Nét nổi bật là phong trào phát triển sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực sản xuất và đời sống, nhất là trên lĩnh vực nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Tổng kết trong 5 năm (1980- 1985) có 7.889 sáng kiến, trong đó có 3.820 sáng kiến được áp dụng vào sản xuất và đời sống làm lợi 49 triệu đồng và trích thưởng 1,2 triệu đồng (thời kỳ 1976- 1980 có 14.027 sáng kiến,

làm lợi 12.700.000 đồng); có 178 lượt CNVC được Tổng Công đoàn cấp bằng “Lao động sáng tạo”, trong đó có 8 người đạt 3 lần, 10 người đạt 2 lần và 143 người đạt 1 lần. Toàn tỉnh có 4 sản phẩm đạt dấu chất lượng cấp cao của 2 xí nghiệp ngành thủy sản(Xí nghiệp Đông lạnh và Công ty thủy sản).

Ngành Giao thông vận tải có 665 sáng kiến, làm lợi 6.900.000 đồng, ngành y tế có 925 sáng kiến, làm lợi 1,3 triệu đồng; ngành Thủy sản có 587 sáng kiến, làm lợi 4,4 triệu đồng, ngành Lương thực có 444 sáng kiến, làm lợi 2 triệu đồng; ngành Công nghiệp và liên hiệp xã tiểu thủ công nghiệp có 522 sáng kiến, làm lợi 10.9 triệu đồng; ngành Bưu điện có 380 sáng kiến, làm lợi 665.000 đồng; ngành Xây dựng có 372 sáng kiến , làm lợi 1,2 triệu đồng; ngành Thủy lợi có 177 sáng kiến, làm lợi 3 triệu đồng; Thành phố Quy Nhơn có 130 sáng kiến, làm lợi 1,2 triệu đồng¹.

Tuy nhiên, một số ngành, đoàn thể và CNVC, cán bộ khoa học kỹ thuật chưa nhận thức đầy đủ sâu sắc ý nghĩa, tầm quan trọng của phong trào sáng kiến, sáng tạo trong cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, là mũi nhọn của công tác thi đua lao động sản xuất, sự phối hợp giữa các ngành chưa đồng bộ, thiếu chặt chẽ, chế độ khen thưởng chưa thỏa đáng, chưa tạo thành động lực mạnh mẽ thúc đẩy phong trào thi đua sáng tạo.

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, LHCD chủ trương phát động các Công đoàn ngành Thủy lợi, Nông nghiệp, Công nghiệp, Thủy sản, Giao thông vận tải...và các Công đoàn huyện, thị xã hướng trọng điểm chỉ đạo các Công đoàn cơ sở trực tiếp tham gia xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, dịch vụ kinh tế kỹ thuật nông- lâm - ngư nghiệp. Nhờ liên kết thi đua giữa ngành thủy lợi với các ngành liên quan, công trình đập dâng sông Lại Giang kế hoạch thi công 2 năm nhưng đã hoàn thành trong 9 tháng. Công đoàn ngành Lâm nghiệp còn phối hợp với Công đoàn huyện chỉ đạo xây dựng đội lao động XHCN ở đội chuyên trồng cây gây rừng ở hợp tác xã nông nghiệp. Công đoàn các huyện An Nhơn, Tuy Phước, Hoài nhơn đã chủ động phối hợp với Hội nông dân tập thể xúc tiến việc xây dựng đội lao động XHCN trong các HTX nông nghiệp.

Hình thức hợp đồng kinh tế gắn trách nhiệm với lợi ích vật chất với kết quả sản xuất ở hợp tác xã được phát triển và đưa lại hiệu quả rõ rệt. Nét mới phổ biến là hợp đồng kinh tế đảm bảo cánh đồng không sâu bệnh giữa các đơn vị dịch

¹ Theo Báo cáo Tổng kết phong trào sáng kiến, sáng tạo lần thứ III (1982-1986)

vụ với HTX nông nghiệp (riêng năm 1985 có hơn 20.000 ha) . Phong trào xây dựng vùng lúa có năng suất cao, cánh đồng công - nông cao sản được mở rộng hơn 9.000 ha. Các Công đoàn huyện Phù Cát, Tuy Phước, Hoài An thực hiện liên kết nhiều đơn vị dịch vụ và các phòng ban chức năng của huyện đạt được nhiều kết quả, góp phần phát triển kinh tế nông nghiệp ở địa phương .

Phong trào đưa cơ giới vào đồng ruộng được triển khai đồng bộ, năm 1985 kế hoạch 50.000 ha tiêu chuẩn, thực hiện 90.000 ha; tỷ trọng cơ giới hóa khâu làm đất chiếm 8,4% số diện tích canh tác. Từ khi thực hiện chỉ thị 100 về khoán sản phẩm trong nông nghiệp thì diện tích cày máy bị thu hẹp, Công đoàn đã kịp thời phối hợp với chuyên môn hợp liên tịch tìm nguyên nhân, đề ra biện pháp khắc phục, mở Hội nghị CNVC, phát động phong trào thi đua “2 bám” (bám máy và bám địa bàn hoạt động), ký kết hợp đồng tập thể cam kết trách nhiệm giữa công đoàn và chính quyền, tổ chức hội nghị khách hàng tìm hiểu được tâm tư, nguyện vọng của nông dân. Từ đó, trong phong trào thi đua của Công nhân đã có sáng kiến điều chỉnh việc cày máy, bảo đảm độ sâu thích hợp và khắc phục khó khăn cày theo khoảnh ruộng nhận khoán của từng hộ xã viên đáp ứng đúng yêu cầu của nông dân. Từ đó đưa nhanh tốc độ khâu làm đất bằng cơ giới, diện tích cày máy 32.000 ha (năm 1981) tăng lên 60.500 ha(năm 1984) , phương tiện cơ giới từ 120 chiếc năm 1981, lên 150 chiếc năm 1984. Xuất hiện nhiều công nhân lái máy giỏi, vượt kế hoạch được giao từ 5% đến 70%.

Xác định vật tư nông nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng phục vụ cho thâm canh tăng năng suất cây trồng, Công đoàn công ty vật tư nông nghiệp phối hợp với chuyên môn tổ chức phong trào thi đua từ khâu giải phóng tàu nhanh từ cảng Quy Nhơn đến tổ chức chuyển thẳng vật tư về huyện và hợp tác xã. Trong 5 năm (1980-1984) ngành vật tư nông nghiệp tỉnh đã tiếp nhận và cung ứng từ 24.859 tấn vật tư tiêu chuẩn năm 1980 lên 45.365 tấn năm 1984 ¹

Phong trào nghiên cứu đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp đã xuất hiện nhiều hình thức phong phú, từ hình thức kết nghĩa đỡ đầu HTX đến giao ước cam kết trách nhiệm công – nông; từ vụ đông xuân 1983-1984 đã phát triển lên hình thức hợp đồng kinh tế đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp. Thực hiện tưới tiêu khoa học, từ 100.000 ha năm 1980 tăng lên 186.730 ha năm 1984. Năng suất bình quân vụ từ 17 tạ/ha năm 1980 lên 24 tạ/ha năm 1985; sản lượng lương thực từ 181.219 tấn năm 1980 tăng lên 342.600 tấn năm 1985, nghĩa

¹ Theo báo cáo phong trào CNVC và hoạt động công đoàn phục vụ sản xuất nông nghiệp (1980-1985).

vụ giao nộp lương thực cho Trung ương hàng năm đều vượt mức chỉ tiêu trên giao; năm 1983 tuy bị thiên tai mất mùa nặng nhưng vẫn giao nộp vượt 3.000 tấn. Điều đó khẳng định Nghị quyết 03/NQ-TCĐ của Ban chấp hành Tổng công đoàn Việt Nam và cơ chế quản lý mới trong nông nghiệp đã được vận dụng thực hiện đạt kết quả trên địa bàn tỉnh Bình Định. Thông qua tổ chức phong trào CNVC phục vụ nông nghiệp, tổ chức Công đoàn ở nhiều cơ sở, nhất là các cơ sở sản xuất quốc doanh, dịch vụ kinh tế kỹ thuật nông nghiệp của tỉnh và huyện có chuyển biến mới về nội dung và phương thức hoạt động. Hoạt động Công đoàn cấp huyện từ chỗ lúng túng, bị động ngồi chờ, đã mạnh dạn tổ chức các hoạt động thiết thực, có thêm nhiều kinh nghiệm, vai trò của công đoàn trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương được nâng lên ngang tầm với nhiệm vụ.

Phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc, cảnh giác trước mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch được các cấp Công đoàn hết sức coi trọng. Nghị quyết liên tịch 01 giữa Bộ nội vụ và Tổng công đoàn Việt Nam được LHCD và Công an tỉnh triển khai. Hội nghị liên tịch hai bên đã khẳng định: “Có nhiều chuyển biến về công tác tổ chức cán bộ cũng như phong trào công nhân, hầu hết các cơ sở có nội dung và kế hoạch xây dựng mạng lưới an ninh công nhân và có chương trình hoạt động”¹.

Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị và tư tưởng trong những năm 1983-1985 có một số nét mới như tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ, mở những cuộc thi tìm hiểu về Đảng, về giai cấp công nhân và Công đoàn, thi sáng tác văn học về đề tài công nhân... thu hút đông đảo CNVC tham gia. Những hình thức, biện pháp tuyên truyền giáo dục đã có tác dụng giáo dục truyền thống cách mạng trong công nhân và lao động, giúp họ tin tưởng vào đường lối, chủ trương của Đảng, vai trò, vị trí, chức năng của Công đoàn trong tình hình mới, nhận thức được tính phức tạp của thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta, để từ đó củng cố niềm tin, khắc phục khó khăn trong công tác và đời sống hàng ngày, phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức nhiệm vụ được giao.

Công tác nữ công của công đoàn có nhiều hoạt động tích cực, phong phú và sinh động, phát huy được tiềm năng của nữ CNVC. Tiêu biểu là phong trào phấn đấu trở thành tổ đội lao động XHCN và chiến sĩ thi đua. Năm 1978 có 8 tổ, đội đạt danh hiệu lao động XHCN thì năm 1984 tăng lên 70 tổ, đội có trên 50% là

¹ Báo cáo phong trào thi đua và hoạt động Công đoàn tỉnh năm 1985.

nữ, trong đó có 25 tổ có 100% là nữ. Nhiều tổ đã giữ vững truyền thống đạt danh hiệu tổ, đội lao động XHCN như : Tổ phân cỡ của xí nghiệp Đông lạnh Quy Nhơn, Trạm hải sản Hoài Nhơn, Trại giống xã Mỹ Đức, tổ nghiên cứu sốt rét huyện Vân Canh, tổ Nhi A bệnh viện đa khoa Quy Nhơn, tổ dịch tễ Trạm chống sốt rét tỉnh, tổ nước khoáng Hội Vân (Phù Cát), tổ cửa hàng lương thực xã Phước Nghĩa (Tuy Phước), tổ xay rây phân xưởng chế biến xí nghiệp dược phẩm số 1, tổ thành hình lớp ô tô Xí nghiệp cao su Quy Nhơn ... là những tổ dẫn đầu phong trào thi đua đã bền bỉ phấn đấu giữ vững danh hiệu lao động XHCN từ 4 đến 7 năm liền. Năm 1984 có 70 chị đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp ngành, huyện, thị xã và tỉnh (năm 1978 có 10 chị), có hàng ngàn chị em khác đạt danh hiệu “lao động tiên tiến”, danh hiệu “Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”¹.

Là người phụ nữ mới, chị em không chỉ cần cù và chịu khó mà còn biết sáng tạo, cải tiến và đổi mới trong lao động, có 292 sáng kiến cải tiến kỹ thuật hợp lý hóa sản xuất, làm lợi cho nhà nước hàng chục triệu đồng. Có 1.362 chị đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa mới và có 350 chị được Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam tặng Huy hiệu 5 năm “người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ tổ quốc”. Tiêu biểu cho phong trào này là kỹ sư hóa Bùi Thị Thanh Vân, phó giám đốc Xí nghiệp cao su Quy Nhơn, kỹ sư thực phẩm Trần Thị Khả phó giám đốc xí nghiệp ép dầu 3/2 đã có nhiều sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất đưa năng xuất của xí nghiệp tăng lên gấp bội. Chị Khấn kiến trúc sư, xưởng phó thiết kế Viện khảo sát thiết kế đã có nhiều sáng kiến trong thiết kế, vận động chị em biết nhiều nghề và giỏi một nghề, 8 năm liền chị đạt danh hiệu lao động tiên tiến và 2 năm 1983-1984 được bầu là chiến sĩ thi đua của ngành Xây dựng. Trong ngành giao thông có chị Nguyễn Thị Liên của Công ty vận tải biển, chị Nguyễn Thị Xuân Điện của ngành bưu điện, ngành lương thực có chị Phạm Thị Thanh cửa hàng Phước Hòa (Tuy Phước) một mình phụ trách 3 kho có sức chứa 1.350 tấn, chị 10 năm vào nghề thì 6 năm đạt danh hiệu lao động tiên tiến, 3 năm liền là chiến sỹ thi đua, 2 lần hội nghị thủ kho giỏi là 2 lần chị được bầu là thủ kho giỏi cửa hàng lương thực. Ngành giáo dục, nữ chiếm 60%, tuyệt đại chị em yêu ngành, yêu nghề, chị Bùi Thị Liễu, Trường Trung học sư phạm Quy Nhơn tiêu biểu cho phong trào thi đua “2 tốt”, bác sỹ Hoàng Thị Tuyết Ngoan, bệnh viện y học dân tộc đã nghiên cứu thành công phương pháp điều trị và thuốc chữa bệnh trĩ, chị Ngô Thị Nết tổ trưởng chế biến hải sản, 7 năm liền đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua, 7 năm làm tổ trưởng thì 7 năm liên tục tổ chị đạt tổ lao động XHCN. Chị Huệ, tổ trưởng tổ phân cỡ tôm đông xuất khẩu Xí nghiệp đông lạnh Quy Nhơn đã có nhiều cải tiến trong thao tác đưa năng suất phân cỡ từ 250 kg/ ngày lên

¹ Báo cáo tại hội nghị phụ nữ tài năng của nữ CNVC ngày 26/8/1985

400kg/ ngày đạt chất lượng cao; ngành văn hoá nghệ thuật có chị Hòa Bình, chị Sửu là nghệ sỹ ưu tú, được tặng thưởng nhiều huy chương, những gương tiêu biểu kể trên là kết tinh tài năng, phẩm chất cao quý của nữ CNLD tỉnh nhà ¹.

Trong quá trình lãnh đạo các phong trào thi đua lao động sản xuất, Công đoàn tỉnh từng bước sơ kết, tổng kết kinh nghiệm, cải tiến phương thức và nội dung hoạt động, đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục, phối hợp liên kết với các ngành, kết hợp chặt chẽ các hình thức khen thưởng, mở rộng lương khoán, lương sản phẩm theo hướng hài hòa “3 lợi ích” nên phong trào liên tục được giữ vững, phát triển, có tác dụng và hiệu quả thiết thực, góp phần xứng đáng vào việc phát triển kinh tế- xã hội, cải thiện đời sống cho CNVC.

* *

*

Trong 5 năm (1980-1985), phong trào CNVC và hoạt động Công đoàn Bình Định đạt được những thành quả đáng kể, đáng tự hào. Tuyệt đại đa số CNVC và đoàn viên Công đoàn có bản lĩnh chính trị kiên định, vững vàng, từng bước khắc phục khó khăn, vươn lên ổn định cuộc sống, ra sức lao động sản xuất, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, trong bối cảnh kinh tế xã hội chung của cả nước đang đứng trước những khó khăn chồng chất, giá cả tăng vọt, nhất là từ khi có hậu quả của cuộc tổng điều chỉnh toàn quốc về giá-lương-tiền nên đại bộ phận công nhân viên chức thiếu vững vàng nảy sinh một số hiện tượng tiêu cực, thiếu tin, băn khoăn và trông chờ một chủ trương đổi mới thiết thực, hiệu quả đáp ứng được yêu cầu của giai đoạn phát triển mới. Trong bối cảnh đó, Nghị quyết Đại hội VI của Đảng mở đầu cho sự nghiệp đổi mới toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, mà trước hết là kinh tế và từng bước đổi mới chính trị.

¹ Báo cáo tại hội nghị phụ nữ tài năng của nữ CNVC ngày 26/8/1985.

CHƯƠNG III

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC (1986- 2000)

1. Những năm đầu đổi mới (1986- 6/1989).

Những khó khăn thử thách và nhiệm vụ mới.

Từ 1986-1989, cả nước nói chung và Bình Định nói riêng bước đầu thực hiện đường lối đổi mới do Đảng cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội VI của Đảng (12/1986), Đại hội lần thứ XIII Đảng bộ tỉnh (Đại hội lần thứ IV tỉnh Nghĩa Bình, tháng 10/1986) khẳng định : *“Phải thực hiện cho kỳ được mục tiêu ổn định tình hình kinh tế- xã hội, mà quan trọng nhất là ổn định và phát triển sản xuất, ổn định thị trường, giá cả tài chính và tiền tệ, ổn định và cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động, kiên quyết khắc phục những sai lầm trong những năm qua, tạo điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa”*¹.

Bước vào thực hiện nhiệm vụ mới, tình hình kinh tế- xã hội nói chung và phong trào công nhân và Công đoàn tỉnh nói riêng có những thuận lợi rất cơ bản. Kinh tế quốc doanh đã nắm những ngành then chốt và nhiều cơ sở trọng yếu. Đội ngũ công nhân lao động và đoàn viên Công đoàn vẫn giữ được bản chất cách mạng, lao động cần cù, sáng tạo, chịu khó để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy còn mang đậm dấu ấn của tư tưởng sản xuất nhỏ, tập trung quan liêu bao cấp. Những thử nghiệm về đổi mới quản lý kinh tế đã đạt được những kết quả bước đầu, đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật từng bước rút được nhiều kinh nghiệm thực tế quý báu và tạo tiền đề cho quá trình đổi mới quản lý kinh tế. Quan trọng nhất là thời kỳ này bước đầu hình thành và xác lập cơ chế quản lý kinh tế chuyển từ tập trung quan liêu, bao cấp sang hạch toán sản xuất kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đảm bảo lợi ích nhà nước, lợi ích tập thể và lợi ích của cá nhân người lao động, trong đó lợi ích của người lao động là lợi ích trực tiếp.

¹ Báo cáo tình hình và nhiệm vụ của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh tại Đại hội đại biểu lần thứ IV(10-1986).

Có thể khẳng định rằng những năm 1986-1989 là thời gian trăn trở, nghỉ suy, học hỏi tìm ra các giải pháp phù hợp hơn với thực tiễn, có những việc vừa làm vừa rút kinh nghiệm, do đó không thể tránh khỏi những sai lầm, vấp vấp. Đây là thời gian giao điểm giữa cơ chế quản lý cũ còn bám rễ ăn sâu, cần xóa bỏ và cơ chế quản lý mới đang phôi thai, cần xây dựng. Nhiều cuộc thử nghiệm kinh tế đang triển khai bước đầu có kết quả, có những nhân tố mới tích cực đã xuất hiện. Bầu không khí dân chủ được khơi dậy góp phần tạo ra động lực cho công cuộc đổi mới “*Nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật*” theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VI của Đảng cộng sản Việt Nam.

Một số doanh nghiệp nhờ đổi mới tư duy, cơ chế quản lý, cách nghĩ, cách làm, sắp xếp lại lao động, giảm lao động gián tiếp, đổi mới công nghệ, mẫu mã, sản phẩm mới, tìm thị trường tiêu thụ, nên đã từng bước khắc phục tình trạng “*lãi giả, lỗ thật*”, thua lỗ kéo dài; từ đó năng suất lao động, chất lượng sản phẩm của một số đơn vị quốc doanh được nâng lên rõ rệt.

Bên cạnh những dấu hiệu đáng mừng, trên bình diện của cả nước cũng như ở Bình Định, trong những năm 1986-1989, còn nhiều trở ngại lớn phải khắc phục, nhiều mâu thuẫn lớn phải vượt qua, gay gắt nhất là do hậu quả trực tiếp của cuộc tổng điều chỉnh giá-lương- tiền năm 1985. Cuộc tổng điều chỉnh đã làm bùng nổ lạm phát, đưa chỉ số giá năm 1986 tăng chưa từng có, gấp 800 lần (giá thị trường tự do), 600 lần (giá nhà nước chỉ đạo) so với năm 1976 đã ảnh hưởng thu nhập và đời sống của CNVC.

Trong bối cảnh chung đó, bên cạnh những thuận lợi cơ bản, ở Bình Định trong 2 năm (1986,1987) bị thiên tai nặng nề, gây thiệt hại lớn cho nền kinh tế. Sản xuất lương thực tăng chậm, dân số tăng nhanh. Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp phát triển chậm. Lưu thông phân phối gặp nhiều khó khăn, giá cả tăng nhanh. Đặc biệt là “vòng xoáy” lạm phát và những “cơn sốt” lương thực. Đời sống của CNVC không ổn định, ngày càng khó khăn. Cơ chế quản lý kinh tế chậm được đổi mới, nói cách khác là còn duy trì cơ chế hành chính quan liêu, bao cấp. Hiện tượng tiêu cực và tệ nạn xã hội diễn ra phức tạp và ngày càng nghiêm trọng, các thế lực phản động tìm cách phá hoại, bao vây kinh tế, tiến công vào tư tưởng và lối sống của xã hội ta.

Trên cơ sở phân tích khoa học những thuận lợi và khó khăn, quán triệt các quan điểm chỉ đạo của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Đại hội đại biểu lần thứ XIV Đảng bộ tỉnh khẳng định : “*Giai cấp công nhân, lực lượng lãnh đạo,*

nguồn sức mạnh, nền tảng và là chỗ dựa vững chắc của chính quyền Nhà nước. Quá trình phát triển kinh tế, phân công lại lao động xã hội cần ra sức xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân về số lượng và chất lượng.

“ Công đoàn cải tiến phương thức hoạt động, tổ chức giáo dục công nhân viên chức tại cơ sở, nâng cao lập trường giai cấp, nâng cao trình độ chính trị, văn hóa chuyên môn, nghiệp vụ và ý thức làm chủ trong sản xuất, tham gia quản lý xí nghiệp, quản lý xã hội, tham gia xây dựng Đảng; kiên quyết khắc phục những biểu hiện tiêu cực trong CNVC và hoạt động Công đoàn.

“ Công đoàn cần tiếp tục tham gia quản lý kinh tế, chủ động phối hợp với các cơ quan Nhà nước có biện pháp tăng cường kỷ luật lao động, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả; thực hiện đúng các chế độ tiền lương, tiền thưởng, cải thiện điều kiện làm việc, cải thiện đời sống, phát huy vai trò nòng cốt của CNVC trong phong trào lao động xã hội chủ nghĩa”¹.

Phong trào thi đua yêu nước của công nhân viên chức có nhiều tiến bộ.

Vượt lên những tâm tư day dứt hàng ngày về cuộc sống, đại bộ phận CNVC đã tỏ rõ phẩm chất hành động cách mạng trên từng vị trí lao động và công tác của mình. Đại bộ phận CNVC cũng đã nhận thức một bước về công cuộc đổi mới và sự chuyển mình của cả một dân tộc không thể không trải qua một quá trình gay go, phức tạp.

Đại đa số công nhân viên chức và đoàn viên Công đoàn với những truyền thống tốt đẹp của mình trong đấu tranh giành độc lập dân tộc trước đây, phấn đấu không chùn bước trước những khó khăn gay gắt hiện tại, cống hiến hết sức mình cho công cuộc đổi mới xây dựng quê hương và bảo vệ Tổ quốc. Công nhân viên chức dù lao động chân tay hay trí óc, dù trong hoàn cảnh nào cũng giữ vững lòng tin và tình cảm gắn bó với cách mạng, với Đảng. Trong thời gian này, đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh đã đánh giá “*Có một bộ phận công nhân và người lao động còn có những điều chưa bằng lòng với sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Nhưng cũng đúng là họ chưa bao giờ cho rằng có một lực lượng chính trị nào khác thay thế được vai trò lịch sử của Đảng và Nhà nước ta. Họ mong mỏi và đòi hỏi Đảng vươn lên ngang tầm của cách mạng, sớm tìm ra những giải pháp để xoay chuyển tình hình. Họ hiểu rằng, muốn cho Đảng làm tròn trọng trách của mình đối với lịch sử, thì người lao động, đặc biệt là giai cấp công nhân, phải gắn bó với Đảng, tích cực tham gia Công đoàn và phấn đấu đứng*

¹ Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ IV Đảng bộ tỉnh Nghệ Bình.

vào hàng ngũ của Đảng để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ do Đảng đề ra. Họ tỏ rõ quyết tâm góp sức cùng với Đảng, Nhà nước vượt qua mọi thử thách”¹.

Với những khẳng định trên cũng chính là minh chứng để giải thích vì sao CNVC cả nước nói chung, tỉnh ta nói riêng đã kiên trì chịu đựng nhiều gian khổ trong điều kiện tiền lương chưa đủ sống, lương thực cung cấp chưa đúng kỳ, nơi ăn chốn ở còn chật chội, tạm bợ cho qua ngày, việc làm chưa đảm bảo... nhưng họ vẫn bám cơ quan, đơn vị, trường học, bệnh viện; đồng thời tích cực tham gia các phong trào thi đua lao động sản xuất, công tác do Công đoàn phát động.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đã chỉ rõ: “Đảng và Nhà nước cần phải đổi mới về mọi mặt, trước hết là đổi mới về tư duy, đặc biệt là tư duy kinh tế, đó là yêu cầu bức thiết của sự nghiệp cách mạng, là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với Nhà nước ta và phù hợp với xu thế chung của thời đại”².

Dưới ánh sáng các Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Đảng, được sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy và của Tổng Công đoàn Việt Nam, phong trào CNVC tỉnh ta đã khắc phục khó khăn, thiếu thốn trong sản xuất và đời sống, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế – xã hội địa phương.

Trên mặt trận sản xuất, kinh doanh trong điều kiện vật tư, hàng hóa, tiền vốn Nhà nước cung cấp chưa đầy đủ, nhưng với tinh thần chủ động, sáng tạo, hơn 3,4 vạn CNVC đã tạo ra 33,4% giá trị tổng sản phẩm xã hội, 55,6% thu nhập vào ngân sách tỉnh.

Gần 2,7 vạn anh chị em công tác trong các ngành giáo dục, y tế, văn hóa nghệ thuật đã vượt qua khó khăn, thiếu thốn giữ vững được sự nghiệp giáo dục, chăm sóc sức khỏe, từng bước xây dựng con người mới, nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa.

Hơn 4.000 viên chức làm việc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và đoàn thể, là lực lượng tham mưu quan trọng cho lãnh đạo, chỉ đạo đã cố gắng phấn đấu

¹ Văn kiện đại hội lần thứ VI Công đoàn Việt Nam, Nhà xuất bản lao động 1989. Bài phát biểu của Đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh, trang 17.

² Tập trung vào ba chương trình kinh tế lớn: lương thực- thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

thực hiện nhiệm vụ được giao. Nhiều đồng chí đã hăng hái, nhiệt tình công tác, có những đề xuất sáng tạo, được đánh giá cao.

Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật có trên 8.000 người, trong đó gần 5.000 cán bộ đại học và trên đại học, là lực lượng nòng cốt đi đầu trong việc thúc đẩy tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và phục vụ trong các ngành giáo dục, văn hóa, y tế, văn học nghệ thuật. Đó là vốn quý cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội ở tỉnh ta.

Nữ CNVC là lực lượng đông đảo chiếm 43,7%, chị em đã giữ được phẩm chất tốt đẹp, chịu khó, chịu khổ phấn đấu đảm nhiệm từng nhiệm vụ không thua nam giới trên từng lĩnh vực sản xuất, công tác, nghiên cứu khoa học, hoạt động văn hóa, nghệ thuật; lại còn đảm đang gánh vác công việc gia đình, nuôi con khỏe, dạy con ngoan, nòng cốt trong cuộc vận động xây dựng gia đình văn hóa mới và thực hiện kế hoạch hóa gia đình.

Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, tại Đại hội đại biểu lần thứ VII Công đoàn tỉnh Bình Định chỉ rõ: *“Trước những khó khăn gay gắt kéo dài, kỷ cương, pháp luật của Nhà nước buông lỏng, một bộ phận cán bộ, công nhân, viên chức có những hành động trái với bản chất của giai cấp công nhân: làm việc uể oải, cầm chừng, không tôn trọng kỷ luật lao động, không quan tâm đến năng suất, chất lượng, hiệu quả, không coi trọng bảo vệ tài sản XHCN, ý thức pháp luật chửa cao... Một số ít cán bộ nhân viên trong các cơ quan Nhà nước, nhất là các ngành vật tư, thương nghiệp, ngoại thương, vận tải, các đơn vị nắm tiền, hàng có một số biểu hiện móc ngoặc, hối lộ làm giảm lòng tin trong quần chúng. Một số người khác chạy theo lối sống thực dụng lâm vào nạn cờ bạc, rượu chè, mê tín, dị đoan”¹.*

Nguyên nhân của những mặt yếu kém trên đây có nhiều nhưng chủ yếu là: Một mặt là do đội ngũ CNVC tỉnh ta hình thành chủ yếu từ những người sản xuất nhỏ, còn mang nặng nếp nghĩ và tập quán của thành phần xuất thân; chưa nhận thức đúng vị trí, vai trò của giai cấp công nhân trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ tiến lên CNXH. Mặt khác, do duy trì quá lâu cơ chế quản lý tập trung quan liêu- bao cấp: các chính sách đối với người lao động không còn là động lực, động viên họ quan tâm đến hiệu quả sản xuất và công tác. Trong khi đó công tác giáo dục của công đoàn và hệ thống Nhà nước ở tỉnh ta còn thiếu sắc bén, chưa

¹ Báo cáo tại Đại hội đại biểu công đoàn tỉnh lần thứ III(8-1983)

gắn với những vấn đề mới nảy sinh trong sản xuất, đời sống và sinh hoạt của người lao động.

Xuất phát từ thực tiễn tình hình kinh tế xã hội của đất nước, nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đã chỉ rõ : *“Sự bức bách phải làm cho khoa học kỹ thuật thực sự trở thành một động lực to lớn đẩy mạnh quá trình phát triển kinh tế xã hội”*, đồng thời *“Việc phát huy vai trò động lực của khoa học kỹ thuật tùy thuộc một phần quan trọng ở cơ chế quản lý. Cơ chế quản lý kinh tế, quản lý khoa học kỹ thuật phải đòi hỏi và khuyến khích việc sáng tạo và ứng dụng rộng rãi các thành tựu khoa học kỹ thuật đưa lại hiệu quả thiết thực”*, vì vậy *“Đảng ta phải thi hành nhất quán chính sách đẩy mạnh phong trào quần chúng tiến quân vào khoa học kỹ thuật”*.

Quán triệt chủ trương của Đảng và Tổng công đoàn Việt Nam về công tác thi đua, UBND tỉnh và LHCD tỉnh xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ công tác thi đua chung trong 5 năm (1986-1990) là: *Tập trung hướng phong trào phát huy sáng kiến và tiếp thu những thành tựu khoa học kỹ thuật, góp phần quan trọng trong phát triển sản xuất bằng việc tận dụng và khai thác các cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có, khai thác tốt các tài nguyên, nguyên liệu, vật liệu, năng lượng nhằm phục vụ cho 3 chương trình mục tiêu kinh tế là sản xuất lương thực thực phẩm- hàng tiêu dùng- hàng xuất khẩu và các công trình trọng điểm của tỉnh. Hướng phong trào kết hợp cải tiến tổ chức và quản lý sản xuất, quản lý kinh tế, phát huy quyền tự chủ sản xuất kinh doanh ở đơn vị kinh tế cơ sở¹.*

Hàng năm, LHCD tỉnh có kế hoạch chỉ đạo phong trào thi đua trong CNVC. Thông qua đại hội CNVC ở cơ sở sản xuất, kinh doanh, phát động CNVC bàn biện pháp khắc phục khó khăn, khai thác tiềm năng, thực hiện kế hoạch nhà nước; chú trọng phát động phong trào thi đua về trước kế hoạch, nâng cao năng suất, đảm bảo chất lượng và hiệu quả kinh tế.

Phong trào lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, đăng ký công trình sản phẩm mới có bước tiến bộ đáng kể. Trong 5 năm (1985-1989) có 8.500 sáng kiến, làm lợi 662 triệu đồng và 1.200 công trình sản phẩm mới, trong đó, có 65% công trình, sản phẩm đạt chất lượng khá, 7 sản phẩm được Nhà nước cấp dấu chất lượng cấp cao. Các ngành Công nghiệp, Nông

¹ Báo cáo tổng kết phong trào sáng kiến- sáng chế lần thứ III tỉnh Nghĩa Bình, ngày 13-14/4/1987.

nghiệp, Giao thông vận tải, Thủy sản, Thủy lợi, Y tế đưa vào áp dụng trong sản xuất, phục vụ cho sản xuất và đời sống nhiều sáng kiến có giá trị; có 198 lượt CNVC đạt danh hiệu lao động sáng tạo, trong đó có 8 người đạt 3 năm liền.

Phong trào tiết kiệm đã trở thành mục tiêu thi đua của nhiều ngành, địa phương và cơ sở. Công đoàn các cấp tích cực vận động CNVC thực hiện phong trào tiết kiệm từ 5-10% nguyên, nhiên vật liệu trong sản xuất, giảm chi phí lưu thông và tiết kiệm tiêu dùng trong cơ quan, xí nghiệp, CNVC đã làm lợi cho nhà nước 476,2 triệu đồng. Trong đó ngành Lương thực 197,5 triệu đồng; Ngành Giao thông vận, tải tiết kiệm xăng dầu 25,6 triệu đồng...

Phong trào thi đua tập thể giành danh hiệu tổ đội lao động XHCN và chiến sĩ thi đua được duy trì và mở rộng. Năm 1985 chỉ có 321 tổ, đội đến năm 1987 tăng lên 612 tổ, đội đạt danh hiệu lao động XHCN, trong đó có 49 tổ có 50% nữ trở lên, có 4 tổ đạt tổ đội lao động XHCN từ 5-10 năm liền. Năm 1987 được công nhận 4.240 chiến sĩ thi đua.

Phong trào đảm bảo an toàn vệ sinh lao động được giữ vững ở nhiều cơ sở công nghiệp quốc doanh và bước đầu mở rộng ra một số hợp tác xã nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Thực hiện kiểm tra chấm điểm thi đua định kỳ, có tác dụng giáo dục ý thức, hướng dẫn và giám sát nên số vụ tai nạn giảm dần (từ 0,33% (năm 1983), giảm xuống 0,27% (năm 1987).

Phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ tài sản XHCN, chống địch phá hoại theo tinh thần Nghị quyết liên tịch 01-LT/TCD-BNV của Tổng công đoàn và Bộ nội vụ được phát động từ giữa năm 1984, đã xây dựng và củng cố 1.400 tổ an ninh công nhân, bổ sung hoàn chỉnh 3.700 bản nội quy, quy chế bảo vệ cơ quan, xí nghiệp. Nhiều đơn vị thực hiện thường xuyên việc kiểm tra, kiểm soát, góp phần bảo vệ sản xuất, bảo vệ tài sản XHCN, ngăn chặn được một số vụ tiêu cực, vận động CNVC thực hiện nghĩa vụ quân sự, góp phần bảo vệ Tổ quốc.

Phong trào liên kết thi đua phục vụ sản xuất nông nghiệp có tác dụng góp phần cùng nông dân khắc phục hậu quả thiên tai, tích cực đưa nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, thực hiện thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích, đảm bảo năng suất, chất lượng lương thực, cây công nghiệp, giữ vững và phát triển chăn nuôi. Công ty vật tư nông nghiệp chuyển thẳng 65-70% lượng phân bón, thuốc trừ sâu đến hợp tác xã. Các công ty dịch vụ cây trồng chỉ đạo các đội chuyên, các tổ kỹ thuật xuống giúp các hợp tác xã về kỹ thuật trồng trọt,

chăn nuôi, bảo vệ cây con. Các huyện An Nhơn, Tuy Phước, Hoài Nhơn có phong trào CNVC tham gia xây dựng cánh đồng công- nông cao sản, xây dựng đội lao động XHCN trong nông nghiệp.

Công đoàn tích cực chăm lo bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của CNVC:

Trong những năm 1986-1988, vấn đề chăm lo đời sống, bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng cho CNVC và lao động là vấn đề nóng bỏng của các cấp công đoàn. Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VI, Nhà nước đã cụ thể hóa ban hành nhiều chính sách mới như Nghị định 217 /HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng(1987), Nghị quyết 10 của Bộ chính trị (5/4/1988) về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp (gọi tắt là Nghị quyết 10) đã mở ra hướng làm ăn mới, cởi trói cho các doanh nghiệp Nhà nước và trong sản xuất nông nghiệp, từng bước xóa bỏ cơ chế hành chính, quan liêu bao cấp, chuyển thẳng sang hạch toán kinh doanh XHCN. Song các chính sách mới ban hành chưa được đồng bộ, còn nhiều sơ hở đã gây nên những khó khăn mới gay gắt hơn cho đời sống của người lao động, nhất là những người thu nhập chủ yếu bằng đồng lương, đồng thời cũng đã nảy sinh nhiều hiện tượng tiêu cực, lợi dụng trong thời điểm giao thời chuyển đổi cơ chế chính sách, còn sơ hở để làm ăn phi pháp. Tình hình tiêu cực phát triển khá phổ biến đã ảnh hưởng xấu đến sản xuất, công tác, đời sống, niềm tin, gây sự bất bình trong CNVC.

Trước tình hình đó, các cấp Công đoàn trong tỉnh đã từng bước đổi mới nội dung hoạt động, hướng vào việc phát động phong trào quần chúng CNVC đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, phát huy quyền làm chủ, quyền tham gia quản lý, kiểm tra, giám sát quản lý cơ quan, đơn vị. Thành lập 17 đội kiểm tra công nhân ở các địa phương và ngành, tiến hành 750 lượt kiểm tra về phương thức bán hàng, chất lượng hàng hóa và cân, đong, đo, đếm ở các cửa hàng thương nghiệp, lương thực, ngoại thương. Qua kiểm tra đã phát hiện 1.450 vụ việc sai phạm bớt xén, cung cấp hàng hóa, lương thực không đúng định lượng quy định, tuần hàng cho tư thương, hiện tượng cấp phát thuốc không đúng đối tượng... và kiến nghị xử lý 400 vụ việc.

Nhiều nơi công đoàn tích cực bảo vệ những người trung thực, dám đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của CNVC khi bị trù dập, ức hiếp, kỷ luật oan, buộc thôi việc, nghỉ thôi việc, cắt xén chế độ trái với quy định của nhà nước. Công đoàn các cấp đã can thiệp được 801

CNVC khỏi bị kỷ luật, nhiều trường hợp kêu kiện suốt 5-6 năm liền nay mới được giải quyết.

Trước yêu cầu bức xúc về việc làm và thu nhập của CNVC, nhiều doanh nghiệp nhà nước tuy có cố gắng đổi mới nhưng vẫn trong tình trạng khó khăn, lúng túng, Công đoàn đã cùng với giám đốc xí nghiệp tìm biện pháp bảo đảm việc làm, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng để CNVC nghỉ việc hưởng 70% lương, tham gia sắp xếp việc làm cho 2.350 CNVC dôi dư trong quá trình sắp xếp lại sản xuất, tinh giảm biên chế theo tinh thần Quyết định 176 (9/10/1989) , Quyết định 111 (22/4/1991) của Hội đồng bộ trưởng.

Liên hiệp Công đoàn tỉnh đã tham gia với chính quyền tỉnh có chính sách khuyến khích CNVC mở rộng phát triển kinh tế gia đình; thực hiện các chính sách bù giá, trợ cấp khó khăn, đảm bảo cho CNVC được mua đủ các mặt hàng thiết yếu. Nhờ chính sách mở rộng sản xuất của Nhà nước nên trong 2 năm 1987-1988, có hàng chục xí nghiệp tổ chức thêm sản xuất phụ, làm dịch vụ để tăng thu nhập, góp phần giảm một phần khó khăn cho CNVC.

Bảo hiểm xã hội tuy nguồn thu có khó khăn do sản xuất chưa ổn định, nhưng đã thực hiện đầy đủ 3 chính sách (ốm đau, thai sản, tai nạn lao động). Công đoàn tổ chức nghỉ dưỡng, tham quan trong và ngoài tỉnh cho 8.160 lượt CNVC.

Nhằm nâng cao cảnh giác cách mạng, ý thức giác ngộ giai cấp và năng lực làm chủ cho CNVC, các cấp Công đoàn đã thường xuyên triển khai các hình thức tuyên truyền, giáo dục, động viên người lao động bằng các hình thức phong phú, đa dạng. Mở nhiều đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng, tổ chức giáo dục truyền thống nhân các ngày kỷ niệm lớn của dân tộc, ngày thành lập Công đoàn. Đặc biệt năm 1987, các cấp công đoàn tiến hành đợt tuyên truyền Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng bộ tỉnh , các nghị quyết của Trung ương Đảng và Tỉnh uỷ cho đoàn viên và người lao động bước đầu tạo sự nhất trí với những quan điểm đổi mới và đường lối phát triển kinh tế – xã hội trong 5 năm (1986-1990).

Mạng lưới tuyên truyền của Công đoàn được xây dựng và củng cố. Hơn 900 tuyên truyền viên, báo cáo viên được bồi dưỡng chuyên đề, nên đã có tác dụng tích cực vào việc tuyên truyền, vận động CNVC thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

Phong trào xây dựng đời sống văn hóa mới, tổ chức đời sống văn hóa ở cơ sở đạt được nhiều kết quả rõ nét. Năm 1987, có 1.100 gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa mới, tăng 1,3 lần so với năm 1985 và xây dựng 24 khu tập thể văn minh. Tuy điều kiện vật chất còn nhiều khó khăn, thiếu thốn. Câu lạc bộ lao động thuộc Công đoàn tỉnh vẫn tổ chức nhiều hoạt động văn hóa văn nghệ, chiếu phim đến các vùng nông thôn, vùng cao, vùng xa phục vụ cho đồng bào. Duy trì hoạt động của 40 câu lạc bộ, 374 đội văn nghệ, 270 đội bóng chuyên, 39 đội bóng đá. Trong Hội diễn Công nông toàn tỉnh lần thứ 2, có 9 đội văn nghệ xí nghiệp đạt giải cao. Đội bóng chuyên nam Công ty hợp doanh vận tải hàng hóa được xếp hạng A1 toàn quốc. Nét nổi bật của phong trào dạy và học bổ túc văn hóa cho CNVC, nhất là số cán bộ viên chức đã tham gia kháng chiến trong điều kiện đời sống vô cùng thiếu thốn chật vật, nhưng vẫn tiếp tục được duy trì, giữ vững và phát triển, đã có 6.600 CNVC tốt nghiệp cấp II và 6.300 CNVC tốt nghiệp cấp III (1983-1987).

Kết quả của phong trào CNVC và hoạt động công đoàn những năm 1986-1988 luôn luôn gắn liền với việc kiện toàn, củng cố tổ chức, thử nghiệm, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của công đoàn cho phù hợp với cơ chế quản lý mới. Đó là vấn đề tất cả cán bộ làm công tác công đoàn thường xuyên trăn trở và thông qua thực tiễn vừa làm vừa rút kinh nghiệm, nhưng hãy còn quá mới mẻ, chưa có mô hình hiệu quả rõ ràng. Tính đến tháng 8/1988, toàn tỉnh có 22 Công đoàn huyện, thị xã, thành phố, 11 Công đoàn ngành, 921 công đoàn cơ sở, 1.220 công đoàn bộ phận và 10.235 tổ công đoàn, với hơn 7,4 vạn đoàn viên, chiếm tỷ lệ 91,5% so với CNVC. Đánh giá phân loại công đoàn cơ sở vững mạnh, năm 1987 đạt 22%, giảm 13% so với năm 1983.

Tháng 7/1987, Ban chấp hành LHCD tỉnh bầu đồng chí Võ Quyền, Thường vụ Tỉnh ủy làm thư ký thay cho đồng chí Huỳnh Thị Mỹ nghỉ hưu. Đội ngũ cán bộ Công đoàn từ tỉnh đến cơ sở có 264 người, cán bộ không chuyên trách từ tổ Công đoàn trở lên có hơn 1,7 vạn người. Đào tạo 8.600 lượt cán bộ Công đoàn từ tổ trở lên, đưa đi đào tạo đại học Công đoàn nước ngoài 3 người, trong nước 39 người và đào tạo trung cấp công đoàn 95 người. Đây là thời kỳ đào tạo cán bộ công đoàn cao nhất trong 13 năm sau giải phóng.

Thực hiện chỉ thị 22/CT-TW (1988) của Ban bí thư Trung ương Đảng và Nghị quyết hội nghị lần thứ 9 Ban chấp hành Tổng công đoàn Việt Nam (1988) về chỉ đạo đại hội công đoàn các cấp, tiến đến Đại hội VI Công đoàn Việt Nam (

17/10/1988), từ tháng 4 đến giữa tháng 8/1988, toàn tỉnh đã mở xong đại hội Công đoàn cấp cơ sở và cấp trên cơ sở. Đại hội lần này triển khai chu đáo và đạt yêu cầu đề ra, thể hiện bước chuyển biến theo tinh thần đổi mới. Kết quả đại hội ở 903 Công đoàn cơ sở đạt 89,6%; bầu ra 3.743 Ủy viên Ban chấp hành, số mới trúng cử lần đầu đạt 63,6%, trong đó công nhân trực tiếp sản xuất 18%, cán bộ khoa học kỹ thuật 15%, ngoài Đảng 42%, nữ 37%; tuổi dưới 35 chiếm 61%; thư ký mới 52%, cấp uỷ cử sang 68%. Đại hội ở 22 Công đoàn huyện, thị xã, thành phố và 1 Công đoàn ngành bầu ra 564 ủy viên chấp hành, số mới trúng cử 58%, công nhân trực tiếp sản xuất 6,65%. Cán bộ khoa học kỹ thuật 5,7%, cán bộ qua trung cấp và đại học Công đoàn là 8,2%, trong đó dân tộc 1,4 %, đảng viên 53,6%, nữ 43,3%, thư ký mới 43,5% (có 1 thường vụ và 9 huyện uỷ, thành uỷ viên) và tuổi bình quân là 39.

Công tác chỉ đạo Đại hội công đoàn cơ sở và cấp trên cơ sở về cơ bản đã hoàn thành theo yêu cầu chỉ đạo, nhưng việc chuẩn bị cho Đại hội công đoàn tỉnh có những khuyết nhược điểm đáng tiếc trong giai đoạn khá dài do bố trí nhân sự chủ chốt không phù hợp, dẫn đến sự thiếu thống nhất trong Ban thường vụ LHCD tỉnh đã hạn chế phần nào đến lãnh đạo, chỉ đạo phong trào. Thậm chí đến Đại hội IV của Công đoàn Nghĩa Bình chưa có sự thống nhất về nhân sự chủ chốt của cơ quan thường trực, nên ngày 05/10/1988, không bầu được ban chấp hành LHCD tỉnh, mà chỉ tiến hành bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội VI Công đoàn Việt Nam (ngày 17/10/1988).

2. PHONG TRÀO CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH (7/1989 – 2000)

Một năm củng cố và xây dựng sau ngày tái lập tỉnh (7/1989–1990):

Ngày 4/3/1989, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam ra Quyết định số 83 về chia tỉnh Nghĩa Bình thành 2 tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định. Quyết định nêu rõ “Việc chia 2 tỉnh phải được chuẩn bị chu đáo nhất là về tư tưởng, tổ chức, cán bộ, chế độ chính sách, bảo đảm phát huy thế mạnh và khả năng của các địa phương, giải phóng mọi năng lực sản xuất, giữ vững an ninh, trật tự, củng cố quốc phòng, ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân, tăng cường đoàn kết nhất trí trong các Đảng bộ và nhân dân”¹.

¹ *Quyết định 83 của Bộ chính trị, lưu Văn phòng tỉnh uỷ*

Thực hiện chủ trương của Bộ chính trị, ngày 30/6/ 1989 Quốc hội khóa VIII, kỳ họp thứ 5 đã thông qua Nghị quyết về chia tỉnh Nghĩa Bình thành 2 tỉnh với địa danh hành chính như trước : Quảng Ngãi và Bình Định ¹.

Ngày 01/7/ 1989, nhân ngày tái lập tỉnh Bình Định, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Định kêu gọi cán bộ, đảng viên, đồng bào và chiến sĩ trong tỉnh : “ Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh thiết tha kêu gọi toàn thể đồng bào, cán bộ và chiến sĩ, các nhà khoa học, kỹ thuật, các nhà sản xuất kinh doanh có nhiều kinh nghiệm, các bậc lão nông tri điền, bà con nông dân, anh chị em công nhân, thợ thủ công các thành phần kinh tế và các ngành, các cấp trong tỉnh hãy đem hết sức mình tích cực góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh nhà theo tinh thần Nghị quyết đại hội VI và Nghị quyết hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành trung ương Đảng, xây dựng quê hương tỉnh Bình Định thành một tỉnh giàu đẹp, văn minh và tiến bộ, có cuộc sống vật chất và tinh thần ngày càng nâng cao... cố gắng khắc phục những khó khăn, ách tắc trong việc tiêu thụ lương thực, nông sản hàng hóa, nhằm khuyến khích đầu tư lớn cho sản xuất nông, công nghiệp, đồng thời có biện pháp duy trì và phát triển sản xuất công nghiệp quốc doanh, tăng nhanh lực lượng sản xuất ngoài quốc doanh để làm phong phú và đa dạng hàng tiêu dùng và xuất khẩu ... là thể hiện sinh động nhất, sâu sắc nhất lòng thiết tha yêu quê hương” ².

Tình hình kinh tế - xã hội sau khi thực hiện tách tỉnh, bên cạnh những thuận lợi là sau 13 năm nhập tỉnh, cơ sở vật chất, các cơ quan, xí nghiệp được đầu tư xây dựng, nhưng đồng thời với qui mô tỉnh lớn, do cơ chế tập trung quan liêu bao cấp khi tách tỉnh, tỉnh ta gặp phải gánh nặng, số lượng cán bộ, CNVC quá đông, vượt quá yêu cầu bố trí, sắp xếp trong hoàn cảnh mới. Theo số liệu thống kê cho thấy: Tổng số biên chế cán bộ công nhân viên chức 87.587 người. Trong đó, các cơ quan hành chính sự nghiệp và đơn vị sản xuất kinh doanh ở cấp tỉnh quản lý là 26.189 CNVC(trừ cấp huyện): ở Bình Định có 15.113 người chiếm 57,7%, Quảng Ngãi có 7.638 người chiếm 29, 6%, ngoài tỉnh 3. 481 người chiếm 13,12%. Khi tách tỉnh CNVC ở lại Bình Định (kể cả ngoài tỉnh) là 18.551 người chiếm 70,83%

¹ Theo tờ tin của Ban tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Định ngày 01/7/1989.

² Theo tờ tin của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy ngày 01/7/1989, trang 4,5.

³ Theo thống kê CNVC tháng 5/1989, lưu LĐLĐ tỉnh Bình Định.

Về tổ chức, Hội nghị Ban chấp hành Liên đoàn lao động tỉnh¹ (các đồng chí ở Bình Định) ngày 18/7/1989 đã bầu đồng chí Trần Hồng Diệp, Tỉnh uỷ viên làm Chủ tịch Liên đoàn lao động tỉnh, đồng chí Đặng Ngọc Biển thường vụ trực, đến ngày 8/3/1990 đồng chí Đặng Ngọc Biển được Ban chấp hành bầu làm Phó chủ tịch².

Đội ngũ CNLĐ trong tỉnh từ ngày tách tỉnh đến Đại hội Công đoàn tỉnh lần thứ VIII (6 /1990) có những biến động đáng kể, từ 37. 080 người xuống còn 34.000 người. Qua sắp xếp lại lao động, trong số 17.558 công nhân lao động trực tiếp sản xuất thì số dôi dư lên đến 7.400 người, đã cho thôi việc 2.850 người, cho nghỉ không lương 4.550 người. Trong khu vực hành chính sự nghiệp có 17.321 người, giảm biên chế 890 người, trong đó có 560 cán bộ, giáo viên ngành giáo dục bỏ việc. Lực lượng công nhân kỹ thuật và cán bộ khoa học kỹ thuật có 14.200 người, chiếm 41,6% tổng số CNLĐ, giảm 1.200 người so với đầu năm 1989, chủ yếu là công nhân kỹ thuật. Lực lượng công nhân lao động trẻ (có tuổi nghề từ 5-15 năm) chiếm 65%, đoàn viên thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chiếm 31,2%. Lực lượng CNLĐ nữ có 14. 480 người chiếm 42,4% so tổng số CNLĐ và 32.8 % tổng số CNLĐ nữ làm việc trong các đơn vị sản xuất kinh doanh³.

Nhận thức được đặc điểm tình hình và nhiệm vụ mới sau khi tách tỉnh, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, CNLĐ và hoạt động công đoàn cùng với quân và dân toàn tỉnh đẩy lên phong trào hành động cách mạng mạnh mẽ, rộng lớn. Kết quả năm 1989-1990, tỉnh vừa ra sức nghiên cứu vận dụng lý luận vào thực tiễn tháo gỡ từng bước những bất hợp lý trong cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, phân bổ lực lượng sản xuất, sắp xếp lại tổ chức và bộ máy cán bộ của một tỉnh mới chia, vừa thực hiện đổi mới các lĩnh vực kinh tế xã hội, đã giành được những kết quả bước đầu có ý nghĩa quan trọng.

Về đổi mới kinh tế, thực hiện 3 chương trình kinh tế có nhiều tiến bộ, nổi lên là sản xuất lương thực, thực phẩm, sản lượng lương thực quy thóc đạt 409.265 tấn (1989), tăng 36.784 tấn so với năm 1986 (372.481 tấn), bình quân lương thực

¹ Đại hội lần thứ VI công đoàn Việt Nam (1/1988), đổi tên Tổng Công đoàn Việt Nam thành Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, Liên hiệp công đoàn tỉnh thành Liên đoàn lao động tỉnh, chức danh Thư ký thành chủ tịch.

² Các chức danh thư ký, phó thư ký, sau Đại hội VI Công đoàn Việt Nam (17/10/1988), đổi thành chủ tịch, phó chủ tịch.

³ Theo số liệu báo cáo của ban chấp hành Liên đoàn lao động tỉnh tại Đại hội lần thứ VII(6/1990).

đầu người 327,7 kg/người/năm (1989), so với năm 1986 đạt 310,3 kg/người/năm. Giá trị sản xuất công nghiệp địa phương năm 1989 đạt 1.102. triệu đồng, chỉ có 29,6% số đơn vị hoàn thành kế hoạch nhà nước. Có 9.494 cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp⁽¹⁾. Vốn đầu tư cho chương trình lương thực, thực phẩm chiếm 56,7%, cho xuất khẩu chiếm 37% tổng số vốn đầu tư cho khu vực sản xuất vật chất.

Thực hiện Nghị quyết 16 NQ/TW ngày 15/7/1988 của Bộ Chính trị về đổi mới cơ chế chính sách và quản lý đối với cơ sở sản xuất thuộc các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh. Số lao động công nghiệp quốc doanh có 6.860 người chiếm 11,6%, công nghiệp ngoài quốc doanh 52.159 người chiếm 88,4 % trong tổng số lao động của ngành công nghiệp¹.

Vượt qua những khó khăn thử thách, các cấp Công đoàn trong tỉnh đã cùng với cơ quan chính quyền tìm các giải pháp nhằm góp phần tháo gỡ khó khăn về việc làm và đời sống cho CNLD . Nhiều nơi Công đoàn phát động CNLD tham gia vào việc tổ chức lại sản xuất, thu gọn các phòng ban, sắp xếp lại lao động, tổ chức sản xuất phụ, làm dịch vụ, liên doanh liên kết để giải quyết thêm việc làm, giữ vững và phát triển sản xuất kinh doanh như : Cảng Quy Nhơn, xí nghiệp Công tư hợp doanh vận tải hàng hóa, Công ty sửa chữa nhà cửa, Xí nghiệp xây lắp điện An Nhơn, Tuy Phước, Xí nghiệp quản lý đường bộ 504, Xí nghiệp cầu đường 508, Nhà máy cao su Quy Nhơn.

Công đoàn nhiều nơi tích cực tham gia quản lý kinh tế, quản lý xí nghiệp và tổ chức phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch kinh tế xã hội; đã coi trọng việc chỉ đạo mở Hội nghị CNVC, các hội nghị chuyên đề để CNLD tham gia xây dựng và bàn biện pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tháo gỡ khó khăn, tạo thêm nguồn vốn, đổi mới mặt hàng, nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí sản xuất, xây dựng các định mức khoán tạo khả năng cạnh tranh với thị trường và xuất khẩu, rà soát các định mức tiêu hao lao động, vật tư để chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, hướng vào các mục tiêu: giữ vững và phát triển sản xuất kinh doanh, có đủ việc làm và tăng thu nhập cho người lao động. Trong phong trào thi đua phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả cao, đã xuất hiện một số nhân tố mới đáng khích lệ như các Công đoàn : thành phố Quy Nhơn, Tuy Phước, An Nhơn, Ngành Giao thông vận tải, Công nghiệp, Xây dựng, Nông nghiệp, Ngư nghiệp, Y tế.

¹ Cục thống kê Bình Định 1991, tình hình kinh tế xã hội tỉnh Bình Định thời kỳ 1986- 1990.

Bên cạnh công tác tham gia quản lý, vận động CNLD thi đua lao động sản xuất và công tác, Công đoàn đã tiến hành nhiều đợt giáo dục truyền thống nhân kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Công đoàn Việt Nam (28/7/1929-28/7/1989) và kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Bác Hồ (19/5/1890-19/5/1990) gắn với tuyên truyền giải thích các quan điểm, đường lối đổi mới, những chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước, giải thích những khó khăn của đất nước, về cuộc khủng hoảng chính trị của các nước XHCN Đông Âu, Liên Xô để ổn định về tư tưởng trong CNLD.

Nhìn chung, từ khi chia tách tỉnh tháng 7/1989 đến tháng 7/1990, qua một năm thực hiện Nghị quyết 612 của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam về kiện toàn tổ chức. LDLĐ tỉnh Bình Định đã tiến hành giải thể các Công đoàn ngành : Công đoàn ngành Giao thông vận tải, Công nghiệp, Xây dựng, Nông nghiệp, Thủy sản, Thủy lợi. Thu hẹp qui mô hoạt động công đoàn cấp huyện, thành phố , toàn tỉnh còn 11 LDLĐ huyện, 2 Công đoàn ngành (Giáo dục, Y tế), 550 công đoàn cơ sở, 860 Công đoàn bộ phận và 5.200 tổ công đoàn, với 3,2 vạn đoàn viên chiếm 93,8 % so với tổng số CNLD.

Đi đôi với việc củng cố và kiện toàn tổ chức, các cấp công đoàn trong tỉnh đã vận động công nhân lao động hăng hái tham các hoạt động của công đoàn, góp phần phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh, xây dựng đội ngũ công nhân về chính trị tư tưởng, tổ chức và hành động với tinh thần trách nhiệm cao phấn đấu thực hiện các mục tiêu Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đã đề ra “ ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo”, đối với tổ chức Công đoàn phấn đấu vì : “ việc làm, dân chủ và công bằng xã hội”

Đại hội đại biểu Công đoàn tỉnh Bình Định lần thứ VIII (28 -29/6/1990)

Đại hội đại biểu Công đoàn tỉnh Bình Định đã tiến hành từ ngày 28-29/6/1990, tại thành phố Quy Nhơn, có 147 đại biểu thay mặt cho 32.000 đoàn viên công đoàn về dự đại hội, Đại hội đã đánh giá tình hình phong trào CNLD và Công đoàn từ sau ngày tách tỉnh đến tháng 7/1990. Đại hội bầu ban chấp hành gồm có 27 đồng chí, đồng chí Hoàng Quang Đạo, ủy viên Ban thường vụ Tỉnh uỷ được bầu làm chủ tịch, đồng chí Đặng Ngọc biển làm phó chủ tịch.

Với tinh thần thẳng thắn và dân chủ, nói rõ sự thật, Đại hội đã chỉ ra những nhược điểm, thiếu sót của phong trào CNLĐ.

Đại hội Công đoàn tỉnh Bình Định lần thứ VIII đã nhất trí đề ra nhiệm vụ chung cho phong trào công nhân lao động và công đoàn nhiệm kỳ 1990- 1995 là: *“ Các cấp Công đoàn cần nắm vững những quan điểm và nội dung Nghị quyết IV của ban chấp hành Tổng liên đoàn lao động Việt Nam (cụ thể hóa Nghị quyết 8 của Ban chấp hành Trung ương Đảng) đã khẳng định và chỉ rõ về vai trò, vị trí, chức năng của công đoàn trong sự nghiệp đổi mới hiện nay: Công đoàn Việt Nam là tổ chức chính trị- xã hội rộng lớn của CNLĐ, do Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo; Công đoàn là người đại diện, bảo vệ lợi ích và quyền làm chủ của CNLĐ; tham gia quản lý kinh tế, quản lý nhà nước; là trường học CNXH của CNLĐ... Hoạt động của Công đoàn nhằm tập hợp, đoàn kết, động viên CNLĐ, trí thức phát huy vai trò làm chủ, chăm lo bảo vệ lợi ích thiết thực của người lao động, động viên CNLĐ tham gia quản lý kinh tế, quản lý nhà nước; tổ chức phong trào cách mạng thúc đẩy công cuộc đổi mới, góp phần xây dựng, bảo vệ Đảng, chính quyền cách mạng, giữ gìn sự ổn định về chính trị xã hội”*¹.

Đại hội VIII Công đoàn tỉnh Bình Định thành công là một sự kiện chính trị đánh dấu bước phát triển mới của phong trào công nhân viên chức và tổ chức công đoàn toàn tỉnh, mở ra một khả năng mới để tiếp thu và tổ chức thực hiện đường lối đổi mới do Đại hội lần thứ VII (24/6/1991) của Đảng cộng sản Việt Nam đề ra.

Tuy có những chuyển biến về kinh tế- xã hội kể từ sau Đại hội VI của Đảng cộng sản Việt Nam, thực hiện kế hoạch 5 năm (1986-1990), Đại hội lần thứ XIV (vòng 2) Đảng bộ tỉnh Bình Định (1991) đánh giá : tình hình quốc tế vẫn diễn biến phức tạp; đất nước chưa thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế – xã hội. Trong tình cơ cấu kinh tế chưa hoàn thiện; tỷ trọng giá trị sản lượng giữa nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ, giữa cây lương thực, cây công nghiệp và chăn nuôi chưa hợp lý; trình độ công nghệ phần lớn cơ sở kinh tế còn lạc hậu. Năng suất lao động thấp, chỉ bằng 75% mức bình quân cả nước. Đã giải thể, hợp nhất, chuyển thể hàng chục doanh nghiệp nhà nước không thích ứng với cơ chế mới, làm ăn thua lỗ kéo dài, trong số hơn 100 DNNN còn lại đang tiếp tục sắp xếp, có 25-30% số đơn vị vươn lên thích ứng với cơ chế mới, sản xuất kinh doanh thật sự có hiệu quả. Nhịp độ tăng trưởng kinh tế rất chậm (2%), trong khi đó tốc độ tăng dân số quá cao (2,03%). Ngân sách không đáp ứng nhu cầu chi cần thiết. Việc

¹ Báo cáo của ban chấp hành LĐLĐ tỉnh Bình Định tại đại hội lần thứ VIII.

làm và đời sống là những vấn đề gay gắt và nóng bỏng số người chưa có việc làm chiếm 3,2% dân số. Vốn, vật tư và thị trường cho sản xuất, kinh doanh vẫn còn nan giải¹.

Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, nhiều mặt tiếp tục xuống cấp, nhưng ngân sách đầu tư còn rất hạn hẹp, đạo đức xã hội bị xói mòn, các tệ nạn xã hội phát triển. Tệ tham nhũng, tiêu cực, bất công xã hội còn nặng, vi phạm dân chủ còn nhiều. Pháp luật kỹ cương chưa nghiêm minh, an ninh, trật tự và an toàn xã hội còn phức tạp².

Bộ máy cơ quan Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân còn công kênh, hiệu lực chưa cao³.

Trước diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, nhất là sau khi Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu sụp đổ, công tác giáo dục chính trị tư tưởng trải qua một thời gian dài ít được chú ý, LĐLĐ tỉnh ghép Ban Nữ công và Ban Tuyên giáo thành một Ban, sự khủng hoảng về kinh tế và mặt trái của cơ chế thị trường đã tác động đến tư tưởng, tình cảm của CNLĐ. Liên đoàn lao động tỉnh đã kịp thời kiện toàn, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các Ban chuyên trách, lập lại Ban Nữ công, củng cố Ban Tuyên giáo và đề ra một trong những nhiệm vụ hàng đầu của tổ chức công đoàn là từng bước đổi mới công tác tuyên truyền giáo dục của Công đoàn, góp phần quan trọng xây dựng giai cấp công nhân, củng cố lòng tin của CNLĐ đối với Đảng trong tình hình mới.

Các cấp Công đoàn đã kịp thời đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền giáo dục làm cho CNLĐ hiểu rõ đường lối đổi mới của Đảng, mặt khác giáo dục CNLĐ nâng cao ý thức trách nhiệm sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, xây dựng tác phong công nghiệp, xây dựng giai cấp công nhân ngày càng vững mạnh và trưởng thành.

Trình độ học vấn của công nhân từng bước được nâng lên. Theo số liệu khảo sát năm 1994, cấp I chiếm 8%, cấp II chiếm 50%, cấp III chiếm 33,1%, cao đẳng và đại học chiếm 8,4%; công nhân có tay nghề từ bậc 4-7 chiếm 43%, trung

¹ Báo cáo chính trị của Tỉnh ủy Bình Định tại Đại hội lần thứ XIV (vòng 2), 1991

² Báo cáo chính trị của tỉnh ủy Bình Định tại Đại hội lần thứ XIV (vòng 2), 1991

³ Báo cáo chính trị của tỉnh ủy Bình Định tại Đại hội lần thứ XIV (vòng 2), 1991

cấp kỹ thuật 12,5%, biết sử dụng vi tính 1,4% có chứng chỉ bằng ngoại ngữ A, B, C chiếm 4,1%.

Công đoàn đã xây dựng chương trình truyền thông giáo dục, có những hình thức, biện pháp như : sinh hoạt CLB tuyên giáo Công đoàn, xây dựng chương trình truyền hình Công đoàn, trang báo Công đoàn, tờ thông tin hoạt động Công đoàn, tọa đàm, hội thảo các chuyên đề, thi tìm hiểu về truyền thống của giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn. Có 91 hội viên tham gia CLB tuyên giáo; 157 cán bộ làm công tác tuyên giáo cơ sở và 60 CLB cơ sở.

Hoạt động văn hóa, thể thao được giữ vững và phát triển, nhiều cơ sở có phong trào khá, tổ chức thành công các hội diễn văn nghệ, 3 năm liền tham gia Hội thao các tỉnh Tây nguyên và miền Trung đạt kết quả khá.

Những năm từ 1991 đến 1995, là những năm thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ V, phong trào CNVC- LĐ và hoạt động công đoàn Bình Định có nhiều nét mới, tiếp cận và ngày càng thích ứng với cơ chế thị trường. Những kết quả công tác công đoàn thời kỳ này đã lấy lại lòng tin của CNLĐ.

Trong quá trình đổi mới, việc sắp xếp lại các cơ sở kinh tế quốc doanh và các cơ quan hành chính sự nghiệp đã làm cho đội ngũ công nhân viên chức có những biến động lớn. Thực hiện chủ trương của nhà nước về việc chấn chỉnh và tổ chức lại sản xuất kinh doanh trong khu vực kinh tế quốc doanh, đến ngày 28/2/1992 cả tỉnh có 119 đơn vị, trong đó tỉnh trực tiếp quản lý 76 đơn vị, huyện, thành phố quản lý 43 đơn vị, so với số đơn vị đến ngày 1/1/1990 giảm 65 đơn vị (trong đó giải thể, sát nhập và chuyển giao về tỉnh). Thực hiện Nghị định 315-HĐBT đến năm 1994 toàn tỉnh còn 86 đơn vị được quyết định thành lập doanh nghiệp theo Nghị định 388 –HĐBT ngày 20/11-1991 của Hội đồng Bộ trưởng về việc ban hành quy chế thành lập và giải thể doanh nghiệp nhà nước, giải thể 11 đơn vị, còn lại sát nhập vào các đơn vị khác, trong số 86 đơn vị được quyết định thành lập lại doanh nghiệp, có 26 đơn vị khá chiếm 30,59%, 39 đơn vị trung bình chiếm 40% và 20 đơn vị yếu kém khó có khả năng đứng vững, chiếm 23,53%. Có 16 doanh nghiệp vốn lưu động trên 500 triệu đồng, 39 đơn vị vốn lưu động dưới 100 triệu đồng. Số giám đốc giỏi thuộc doanh nghiệp nhà nước của tỉnh không nhiều, chỉ có 5-6 người. Một số lao động có chất xám và tay nghề cao muốn thoát khỏi khu vực doanh nghiệp Nhà nước dẫn đến tình trạng thiếu lao động giỏi, dư lao động tay nghề kém.

Công đoàn các cấp đã tham gia với chuyên môn sắp xếp lại sản xuất, lao động, thực hiện các chế độ cho người lao động. Năm 1994, qua sắp xếp lại lao động toàn tỉnh có 5.686 CNLĐ không có nhu cầu sử dụng, số lao động đã giải quyết nghỉ việc theo quyết định 176/HĐBT ngày 9/10/1989 về sắp xếp lại lao động trong các doanh nghiệp quốc doanh và quyết định 111/HĐBT (22/4/1991) về một số chính sách trong việc sắp xếp biên chế. Tổng số lao động nghỉ việc theo quyết định 176 ở các doanh nghiệp là 5.985 người, số tiền chi trả cho CNLĐ nghỉ việc là 2.288.196.700 đ. Mức trợ cấp bình quân một CNLĐ nghỉ việc theo quyết định 176 là 310.328 đ/người, mức bình quân một cán bộ viên chức nghỉ việc theo Quyết định 111/HĐBT là 700.000đ.

Phong trào thi đua trong CNLĐ do Công đoàn phát động được giữ vững và có bước phát triển. Phong trào thi đua “*Lao động giỏi*” đã được đông đảo CNLĐ hưởng ứng; Phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến lề lối làm việc đem lại kết quả đáng khích lệ; hàng trăm sáng kiến được công nhận, nhiều công trình sản phẩm mang tên Đại hội Đảng, chào mừng các ngày lễ lớn, làm lợi cho Nhà nước hàng tỷ đồng. Phong trào thi đua phục vụ sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn có bước phát triển, góp phần củng cố khối liên minh công-nông. Qua các phong trào thi đua đã có 390 người đạt danh hiệu lao động giỏi cấp tỉnh, 78 người được Tổng LĐLĐ Việt Nam tặng bằng khen và Huy hiệu lao động sáng tạo, 13 cờ và 141 bằng khen cho tập thể và cá nhân xuất sắc, LĐLĐ tỉnh tặng 1.202 bằng khen cho tập thể và cá nhân có nhiều thành tích.

Tuy nhiên, trong hệ thống Công đoàn việc nắm và xử lý thông tin chưa kịp thời, nên chưa có sức thuyết phục cao khi tham gia ý kiến với chính quyền ở một số đơn vị. Sự phối hợp giữa Công đoàn và chính quyền cùng cấp trong phong trào thi đua từng lúc chưa chặt chẽ.

Cùng với việc tham gia tổ chức lại sản xuất, thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động, vai trò Công đoàn trong việc bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của CNLĐ tiếp tục được phát huy :

- Đã phối hợp xây dựng thành công qui chế phối hợp công tác giữa UBND tỉnh và Thường vụ LĐLĐ tỉnh.
- Thông qua các hình thức Hội nghị công nhân viên chức.
- Đã có 80% số doanh nghiệp Nhà nước ký thoả ước lao động tập thể, 50% số doanh nghiệp Nhà nước ký hợp đồng lao động, một số doanh nghiệp ngoài

quốc doanh đã ký thỏa ước lao động tập thể, quyền làm chủ của người lao động từng bước phát huy được tác dụng, phân định được trách nhiệm giữa người sử dụng lao động và người lao động.

LĐLĐ tỉnh đã tín chấp cho 750 CNLĐ vay 1,3 tỷ đồng từ quỹ quốc gia giải quyết việc làm để phát triển kinh tế gia đình. Nhiều CĐCS lập quỹ tương trợ giúp CNLĐ nghèo, gặp khó khăn, hoạn nạn, vận động CNLĐ đóng góp ủng hộ đồng bào ngoài tỉnh và trong tỉnh bị bão lụt, ủng hộ nhân dân Cu Ba anh em, đóng góp xây dựng Bảo tàng phụ nữ VN, quỹ tình nghĩa Sông Đà, nhận phụng dưỡng và chăm sóc các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, xây dựng nhà tình nghĩa, lập sổ tiết kiệm tình nghĩa cho thương binh, gia đình liệt sỹ... với tổng số tiền hơn 5 tỷ đồng. Các hoạt động trên thể hiện tình hữu ái giai cấp, đền ơn đáp nghĩa đối với những người có công với nước, góp phần thực hiện chính sách xoá đói, giảm nghèo của Đảng và Nhà nước.

Trung tâm xúc tiến việc làm của LĐLĐ tỉnh được thành lập cuối năm 1993, đào tạo nghề cho 1.543 học viên, giới thiệu tìm việc làm cho 250 lao động trong và ngoài nước, đỡ đầu cơ sở vật chất cho trường phổ thông trung học dân lập Xuân Diệu, dạy văn hoá năm học 1995-1996 cho 160 học sinh là con em lao động.

Công đoàn tích cực tham gia công tác hóa giá nhà cho cán bộ viên chức, đến năm 1994 đã tiến hành đánh giá và thông qua hội đồng hóa giá 2.717 căn nhà. Kết quả này thể hiện chính sách ưu đãi của Đảng và Nhà nước, được cán bộ CNLĐ đồng tình ủng hộ.

Thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội về ốm đau, thai sản, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp đảm bảo chi đủ và kịp thời. Quản lý thu, chi quỹ bảo hiểm xã hội đúng nguyên tắc, qui định của Nhà nước; Nhiều công đoàn cơ sở vận động CNLĐ thực hiện kế hoạch hóa gia đình, hạn chế tai nạn lao động đã tạo ra nguồn kết dư hàng năm. Trên cơ sở đó CĐ tổ chức cho 3.095 lượt CNLĐ đi nghỉ dưỡng, tham quan du lịch trong và ngoài tỉnh, bồi dưỡng tại chỗ với số tiền 2,24 tỷ đồng, đầu tư 1,4 tỷ đồng mua sắm phương tiện và nâng cấp Khách sạn Du lịch công đoàn. Đến tháng 8/1995 đã bàn giao kinh phí và công tác bảo hiểm xã hội của công đoàn cho cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh .

Với chức năng của mình, các cấp CĐ đã tích cực hoạt động, làm tốt việc phổ biến, triển khai thực hiện pháp lệnh bảo hộ lao động, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh lao động; tập huấn cho đội

ngũ cán bộ làm công tác bảo hộ lao động ở cơ sở, xây dựng mạng lưới an toàn vệ sinh viên. Phong trào đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động được CNLD hưởng ứng thực hiện, từng bước ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật-bảo hộ lao động vào sản xuất, cải thiện điều kiện làm việc.

Việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của CNLD được giải quyết kịp thời, tạo niềm tin cho CNLD. Trong 5 năm qua (1991-1995) CĐ tỉnh đã tiếp nhận 780 đơn thư khiếu nại, tố cáo chủ yếu là cho thôi việc chưa đúng chính sách, tham ô, hối lộ, trù dập, ức hiếp...và đã trực tiếp giải quyết 50% số đơn thư, số còn lại chuyển các ngành chức năng giải quyết, đã can thiệp để 36 CNLD được trở lại làm việc sau khi cơ quan cho thôi việc và 31 trường hợp bị kỷ luật oan, bảo vệ quyền lợi chính đáng cho CNLD.

Công tác phát triển đoàn viên công đoàn có nhiều chuyển biến tích cực, số lượng đoàn viên tăng 10% so với năm 1990, đối tượng đoàn viên được mở rộng ra các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh. Toàn tỉnh có 28.000 đoàn viên Công đoàn khu vực Nhà nước và hơn 5.000 đoàn viên Công đoàn khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, 80% số đoàn viên được nhận thẻ Công đoàn. Quyền, trách nhiệm và chất lượng đoàn viên được nâng lên, gắn bó với tổ chức Công đoàn.

Công đoàn cơ sở trực thuộc LĐLĐ tỉnh năm 1995 tăng 64% so với năm 1990. Nội dung, phương thức hoạt động của các tổ chức Công đoàn được đổi mới, qua hoạt động đã thể hiện quan tâm đến quyền lợi và chăm lo đời sống đoàn viên, tổ chức Công đoàn đã gắn bó với đoàn viên; việc quản lý, phát huy tính năng động sáng tạo và trí tuệ của đoàn viên đã có tác dụng thiết thực xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh. Qua số liệu hàng năm cho thấy: năm 1990 đạt 20%, năm 1995 tăng lên 55% (Đại hội VIII Công đoàn tỉnh đề ra chỉ tiêu đạt từ 25-30%), thu hẹp diện CĐCS yếu, đã xuất hiện nhiều mô hình CĐCS hoạt động tốt, phù hợp với cơ chế quản lý mới.

Thực hiện Nghị quyết 3b của Ban chấp hành Tổng LĐLĐ Việt Nam, LĐLĐ tỉnh đã sắp xếp lại tổ chức Cơ quan LĐLĐ tỉnh thành 7 ban, 3 đơn vị trực thuộc, đã chuyển 3 LĐLĐ huyện miền núi An Lão, Vân Canh, Vĩnh Thạnh thành Ban cán sự; nghiên cứu, vận dụng sắp xếp lại tổ chức, giảm nhẹ biên chế LĐLĐ các huyện, thành phố. Công đoàn ngành Giáo dục và Y tế được củng cố, đã tiến hành phân cấp quản lý toàn diện CĐCS theo ngành. Qua thực tiễn, chủ trương này đã phát huy được tác dụng, phù hợp với xu hướng phát triển CĐ ngoài quốc doanh và phát triển KT-XH trên từng địa bàn.

Bộ máy cán bộ Công đoàn chuyên trách và bán chuyên trách được tăng cường, tháng 8/1993, Đặng chí Đặng Ngọc Biển, Phó chủ tịch được bầu làm Chủ tịch, các đồng chí Lê Văn Định, Phan Như Hải được bầu làm phó chủ tịch LĐLĐ tỉnh; đề bạt bổ sung cán bộ Trưởng, phó ban, kiện toàn Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh. Đội ngũ cán bộ làm công tác Công đoàn từ tỉnh đến cơ sở được trẻ hơn, hầu hết cán bộ chuyên trách Công đoàn được đào tạo nghiệp vụ Công đoàn, trong số 51 cán bộ chuyên trách Công đoàn có 55% trung cấp chính trị, 11,8% cao cấp chính trị, 48% đại học, 48% trung cấp Công đoàn và chuyên môn. Đã đào tạo bồi dưỡng cán bộ đáp ứng nhu cầu của cấp ủy và chính quyền địa phương; 80% Chủ tịch CĐCS được bồi dưỡng ngắn hạn về nghiệp vụ Công đoàn hoạt động trong cơ chế thị trường.

Hoạt động nữ công của Công đoàn có bước tiến bộ, đã quan tâm công tác vận động tập hợp, tuyên truyền giáo dục nữ CNLĐ học tập các chính sách, chế độ liên quan đến quyền và lợi ích của lao động nữ, đa số chị em có trách nhiệm với công việc chuyên môn và công tác nữ, nhiều chị cần cù học tập nâng cao trình độ văn hóa, nghiệp vụ, ngoại ngữ, vi tính, phấn đấu để tự khẳng định mình trong cơ chế mới.

Phong trào thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” được đông đảo chị em hưởng ứng, có tác dụng thiết thực, từ 1990-1995 có 30 chị đạt danh hiệu 2 giỏi cấp TLĐ, 261 chị đạt danh hiệu 2 giỏi cấp tỉnh, 65% số chị em đạt 2 giỏi cấp cơ sở. Thực hiện cuộc vận động “Dân số- kế hoạch hóa gia đình ” trong CNLĐ có nhiều tiến bộ, các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ đã tích cực thực hiện các biện pháp tránh thai. Mô hình gia đình nhỏ có từ 1 đến 2 con đang phổ biến trong CNLĐ trẻ, nhiều đơn vị thực hiện tốt “3 dứt điểm” 5 năm liền, góp phần giảm tỷ lệ sinh trong tổng số nữ CNLĐ toàn tỉnh từ 10,55% (năm 1990) xuống còn 7,9% (năm 1995).

Nội dung, phương thức hoạt động công tác nữ từng bước được đổi mới, đáp ứng được yêu cầu của chị em như : Duy trì định kỳ sinh hoạt câu lạc bộ nữ công, tổ chức Hội thi cán bộ nữ công giỏi, xây dựng các cặp vợ chồng thành đạt, giúp nhau làm kinh tế gia đình, nuôi con khỏe, dạy con ngoan, góp phần nâng cao vai trò nữ CNLĐ trong gia đình và xã hội.

Đại hội IX Công đoàn tỉnh Bình Định (7/1996) đã nghiêm túc đánh giá những mặt nhược điểm, tồn tại là: “Công tác tuyên truyền giáo dục chậm đổi

mới, hiệu quả thấp, nội dung, hình thức chưa hấp dẫn, chưa sát với từng đối tượng; nhiều chủ trương, chế độ chính sách chưa đến với người lao động. Mạng lưới tuyên truyền viên cơ sở yếu về nghiệp vụ, chưa ngang tầm với tình hình mới, chưa nắm bắt kịp thời yêu cầu bức xúc, tâm tư, nguyện vọng của CNLD.

- Các hoạt động xã hội của Công đoàn chưa đáp ứng yêu cầu của người lao động, chưa có những đề án, giải pháp thích hợp. Vai trò của công đoàn trong việc tham gia giải quyết trợ cấp thôi việc, nâng lương, thực hiện các chế độ về tiền lương, tiền thưởng, sử dụng quỹ phúc lợi tập thể ở cơ sở còn hạn chế, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp xảy ra nghiêm trọng, tai nạn chết người có xu hướng tăng, nhất là khu vực kinh tế ngoài quốc doanh.

- Phong trào đua lao động giỏi trong CNLD chưa rộng khắp, chưa đều, chỉ tập trung một số ngành, đơn vị có điều kiện; công tác chỉ đạo phát động phong trào; sơ kết nhân điển hình chưa thường xuyên kịp thời; chế độ khen thưởng chưa khuyến khích được người lao động.

- Công tác phát triển công đoàn ngoài quốc doanh còn chậm, chức năng nhiệm vụ chưa rõ; công tác đào tạo, bồi dưỡng chưa đáp ứng yêu cầu. Đội ngũ cán bộ Công đoàn chưa yên tâm, thiếu ổn định, nhất là cán bộ công đoàn cơ sở; chưa có chính sách thỏa đáng để khuyến khích cán bộ làm công tác công đoàn”¹.

Thực tiễn phong trào Công nhân lao động và hoạt động công đoàn trong những năm 1990- 1996 nổi lên một số kinh nghiệm là :

- Cần coi trọng công tác tuyên truyền giáo dục của Công đoàn, xây dựng giai cấp công nhân tỉnh nhà phát triển toàn diện cả về số lượng và chất lượng; đẩy mạnh phong trào thi đua hành động cách mạng mạnh mẽ, liên tục, sâu rộng trong công nhân lao động. Người lao động phải có ý thức, tìm tòi việc làm chính đáng trong tình hình khó khăn.

- Thực hiện tốt chức năng của tổ chức Công đoàn các cấp tham gia quản lý Nhà nước, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của CNLD. Công đoàn xây dựng quy chế phối hợp với chính quyền cùng cấp để phân định trách nhiệm trong các hoạt động. Cán bộ Công đoàn phải sâu sát cơ sở, đoàn viên, CNLD và lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của họ để giải quyết và tham gia giải quyết những yêu cầu chính đáng, hợp pháp, có như vậy người lao động mới gắn bó với tổ chức công đoàn.

¹ Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ IX công đoàn tỉnh Bình Định, 7/1996, tr 60, 61

- Công đoàn chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch đội ngũ cán bộ giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, có năng lực và có bản lĩnh, hiểu biết pháp luật, nhiệt tình hoạt động công đoàn, có phương pháp và kinh nghiệm vận động quần chúng¹.

Phong trào công nhân và hoạt động công đoàn trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (1996-2000).

Trong những năm cuối thập kỷ XX, xu thế quan hệ quốc tế hoà bình, ổn định và hợp tác để phát triển ngày càng trở thành đòi hỏi bức xúc của các dân tộc và quốc gia trên thế giới. Các quốc gia coi việc phát triển kinh tế có ý nghĩa quyết định đối với việc tăng cường sức mạnh của mỗi quốc gia.

Tình hình trong nước, có những thuận lợi cơ bản là “những thành tựu của công cuộc đổi mới đã và đang tạo ra thế và lực mới. Nhiều tiền đề cần thiết cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã được tạo ra. Quan hệ giữa nước ta với các nước được mở rộng hơn bao giờ hết.

Đối với Bình Định, là tỉnh có điểm xuất phát về kinh tế thấp, cơ cấu kinh tế chưa hợp lý, tuy thời gian vừa qua đạt được nhiều thành tựu nhưng vẫn là một trong những tỉnh nghèo, thu nhập bình quân đầu người thấp.

Đại hội XV Đảng bộ tỉnh đã đề ra phương hướng, mục tiêu tổng quát trong 5 năm tới (1996-2000): “*Đảng bộ và nhân dân tỉnh ta cần nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GDP; phát triển kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa; phấn đấu đạt nhịp độ phát triển kinh tế cao hơn so với thời kỳ 1991-1995 và cao hơn mức tăng bình quân của cả nước; gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, cải thiện đời sống mọi mặt cho nhân dân; bảo đảm quốc phòng an ninh, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh; tạo điều kiện cho bước phát triển cao hơn sau năm 2000 và đón đầu của sự phát triển của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung*”².

Về mục tiêu chủ yếu, phấn đấu đến năm 2000, GDP bình quân đầu người 400 USD, tăng gấp hơn 2 lần so với năm 1990, nhịp độ tăng trưởng GDP bình

¹ Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ XV Đảng bộ tỉnh Bình Định, 5/1996, tr 39,40,56, 66.

² Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ XV Đảng bộ tỉnh Bình Định, 5-1996, tr 39,40,56, 66.

quân hàng năm 13-16%, sản xuất nông nghiệp tăng 5,5-6,5 %, công nghiệp tăng 23-28%, dịch vụ tăng 19-23%...

Về nhiệm vụ chủ yếu, tập trung đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, mở rộng quy mô sản xuất các cơ sở công nghiệp hiện có. Coi trọng đào tạo cán bộ khoa học, kỹ thuật chuyên ngành. Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng có hiệu quả và đãi ngộ thỏa đáng đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật. Phát động rộng rãi phong trào ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới.

Chăm lo xây dựng giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức, thực hiện tốt các chính sách của Đảng và nhà nước đối với các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo và các thành phần kinh tế. Mặt trận và các đoàn thể nhân dân tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, hướng mạnh về cơ sở và địa bàn dân cư, phát triển các hình thức tổ chức tập hợp quần chúng, đa dạng hóa và xã hội hóa các hoạt động, nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc vận động cách mạng” .¹

Đại hội đại biểu công đoàn tỉnh Bình Định lần thứ IX họp từ ngày 28-29/7/1996, tại thành phố Quy Nhơn, có 151 đại biểu đại diện cho 33.000 đoàn viên công đoàn trong tỉnh về dự đại hội. Về dự và chỉ đạo Đại hội có đồng chí Tô Tử Thanh, ủy viên trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh uỷ, đồng chí Hoàng Thị Khánh, Phó chủ tịch Tổng liên đoàn lao động Việt Nam. Đại hội bầu Ban chấp hành mới gồm 29 đồng chí. Đồng chí Đặng Ngọc Biển được bầu làm Chủ tịch, đồng chí Nguyễn Ngọc Trờ làm Phó chủ tịch.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XV Đảng bộ tỉnh Bình Định, chủ trương của Ban chấp hành Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, với những kinh nghiệm hoạt động công đoàn trong những năm qua và tình hình thực tế của tỉnh. Đại hội đại biểu lần thứ IX LĐLĐ tỉnh Bình Định xác định phương hướng, mục tiêu chung 1996-2000 là “Tập trung mọi hoạt động góp phần xây dựng và phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; coi trọng công tác tuyên truyền giáo dục CNLĐ và nâng cao chất lượng đoàn viên công đoàn. Đẩy mạnh phong trào thi đua trong CNLĐ; xây dựng giai cấp công nhân phát triển toàn diện và phát triển tổ chức công đoàn vững mạnh, nhất là Công đoàn cơ sở. Chăm lo bảo vệ lợi ích hợp pháp chính đáng của người lao động. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động công đoàn,

¹ Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ XV Đảng bộ tỉnh Bình Định, 5-1996, tr 39,40,56, 66.

kiện toàn tổ chức, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đủ sức thực hiện chức năng người đại diện cho CNLĐ”

Phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục những khó khăn, thách thức, trong 5 năm (1996-2000), nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng và phát triển với nhịp độ khá. Tổng sản phẩm địa phương (GDP) tăng bình quân hàng năm của 5 năm là 8,9%. Năm 2000 GDP gấp 1,51 lần so với năm 1995 và gấp 2,35 lần so với 1990. Cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch đúng hướng, giá trị công nghiệp trong GDP chiếm 22,2 %, giá trị dịch vụ 35,5% và nông nghiệp chiếm 42,6% năm 2000.

Nền nông nghiệp phát triển toàn diện, giá trị sản xuất nông lâm ngư nghiệp (giá cố định 1994) tăng bình quân hàng năm 7,4%. Sản lượng lương thực năm 2000 đạt 571.000 tấn. Sản xuất công nghiệp phát triển với nhịp độ cao. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân hàng năm của 5 năm (1996-2000) 25,8%. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2000 đạt 1.644,1 tỷ đồng (giá cố định năm 1994) gấp 3 lần so với năm 1995 và gấp 6,2 lần so với năm 1990. Thực hiện các chính sách đầu tư phát triển, mỗi năm tạo việc làm mới cho hơn 13.000 lao động. Bình quân thu nhập đầu người năm 2000 là 320 USD. Những thành tựu trên có phần đóng góp quan trọng của CNVC- LĐ trong tỉnh.

Trong những năm 1996-2000, cùng với việc chuyển dịch cơ cấu của nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng XHCN, đội ngũ CNVC-LĐ có nhiều biến động. Số doanh nghiệp nhà nước giảm nhưng quy mô lao động của doanh nghiệp nâng lên. Nếu như 1990 bình quân một doanh nghiệp chỉ có 91 lao động thì năm 2000 tăng lên 349 lao động. Sau khi tổ chức và sắp xếp lại sản xuất, một số doanh nghiệp nhà nước mạnh dạn thay đổi phương án sản xuất, đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, số lượng doanh nghiệp các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh có bước phát triển đáng kể, năm 1995 có 71 doanh nghiệp và năm 2000 tăng lên 101 doanh nghiệp.

Đến năm 2000, toàn tỉnh có 37.958 cơ sở sản xuất kinh doanh với 107.118 công nhân lao động. Trong đó, có 78 doanh nghiệp nhà nước với 19.203 công nhân lao động, còn lại lao động ngoài quốc doanh có 88.915 người (hợp tác xã 14.644 người, doanh nghiệp tư nhân có 3.945 lao động, công ty hỗn hợp 9.456 lao động, cá thể 59.533 lao động, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 109 lao động).

Trình độ học vấn, khả năng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật, tay nghề, vi tính, ngoại ngữ được nâng lên. Trong tổng số 88.000 CNLĐ, đã qua đào tạo, bồi dưỡng cơ cấu như sau: Trên đại học, đại học và cao đẳng chiếm 18,2%, trung học chuyên nghiệp chiếm 29,6%, công nhân kỹ thuật chiếm 43,4%, sơ cấp nghiệp vụ chiếm 8,8%. Riêng CNLĐ khu vực quốc doanh, LĐLĐ tỉnh đã khảo sát

11.367 người, trong đó trung học cơ sở: 38 %, trung học phổ thông: 62 %. Về chuyên môn, nghiệp vụ : trên đại học 0,05%, đại học 24,16%, trung cấp 41,47%. Về tay nghề : công nhân bậc 2-3 : 5,5%, bậc 4-5 : 8,5%, bậc 6-7 : 1,2%. Về lý luận chính trị sơ cấp : 44,6%, trung cấp:3,93%, cử nhân và cao cấp: 2,62%.

Một bộ phận CNVC-LĐ, nhất là số CNLĐ trẻ có khả năng nắm bắt nhanh và thích ứng với cơ chế thị trường, tiếp cận nhanh với khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại; cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất

Nhìn chung trình độ học vấn, khả năng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật, tay nghề, vi tính, ngoại ngữ được nâng lên. Một bộ phận CNVC-LĐ, nhất là số CNLĐ trẻ có khả năng nắm bắt nhanh và thích ứng với cơ chế thị trường; cần cù, sáng tạo trong việc tiếp thu công nghệ hiện đại, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới và cải tiến máy móc phù hợp với điều kiện sản xuất.

Đội ngũ CNLĐ được trẻ hóa, phẩm chất và bản lĩnh chính trị từng bước được nâng cao, có chí tự lực, tự cường, khắc phục khó khăn và tư tưởng bao cấp, vươn lên trong sản xuất, công tác, học tập và nghiên cứu khoa học; ý thức tổ chức kỷ luật, kỹ năng tác nghiệp và tác phong công nghiệp được nâng lên; tin tưởng, ủng hộ và quyết tâm thực hiện đường lối đổi mới do Đảng cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo, tích cực đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực và tệ nạn xã hội.

Vấn đề giải quyết việc làm được các cấp, các ngành và Công đoàn quan tâm. Từ 1996 đến 2000, tỉnh có nhiều giải pháp tích cực để giải quyết việc làm, bình quân mỗi năm giải quyết cho hơn 20.000 lao động có việc làm, góp phần hạ tỷ lệ số người chưa có việc làm đến năm 2000 ở đô thị còn 6,57%, khu vực nông thôn còn 1,47%. Thực hiện chính sách khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế, nên vấn đề thiếu việc làm có giảm bớt gay gắt hơn trước. Tỷ lệ thiếu việc năm 1997 là 8%, năm 2000 là 6%. Thực hiện các chương trình xóa đói giảm nghèo có hiệu quả, góp phần giảm tỷ lệ hộ đói nghèo từ 15,6% năm 1995 xuống còn 4% năm 2000.

Nhìn chung quy mô lao động các doanh nghiệp còn nhỏ bé. Số doanh nghiệp có lao động dưới 100 chiếm 74%, trong đó dưới 10 lao động vẫn còn chiếm 49% và trên 500 lao động chỉ chiếm 4,8%. Tỷ lệ tương ứng của doanh nghiệp nhà nước là 435,3,8% và 13,9%¹.

Điều kiện việc làm của CNLĐ được cải thiện nhờ đầu tư, trang bị công nghệ mới. Tuy nhiên, ngành công nghiệp trình độ trang bị còn lạc hậu, chỉ có

¹ Cục thống kê Bình Định: kinh tế- xã hội tỉnh Bình Định 1991-2000, tài liệu phục vụ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, tháng 12/2000, tr 26).

15,7% doanh nghiệp có trình độ tiên tiến, 60% doanh nghiệp có trình độ trung bình, còn 24,3% doanh nghiệp có công nghệ lạc hậu; có 17,1% doanh nghiệp sử dụng được 95% năng lực hiện có ¹.

Một bộ phận CNVC-LĐ thu nhập có khá hơn, đời sống được cải thiện nhưng đại bộ phận thu nhập thấp, đời sống còn nhiều khó khăn.

Tình hình tư tưởng và tâm trạng của CNVC-LĐ: phần lớn CNVC-LĐ có ý thức học tập để vươn lên tự khẳng định mình, quan tâm tìm hiểu nâng cao nhận thức về Đảng, về xã hội, về giai cấp công nhân, tổ chức Công đoàn, về tình hình đất nước, của tỉnh, tin tưởng vào đường lối đổi mới của Đảng.

Tâm trạng chung của CNVC-LĐ là mong muốn có việc làm thường xuyên, có thu nhập tương xứng với sức lao động; đất nước ổn định và phát triển, được cống hiến công sức, được quan tâm tạo điều kiện học tập nâng cao trình độ, tay nghề, Nhà nước đảm bảo thực hiện các chính sách và quyền lợi hợp pháp, chính đáng. Mặt khác họ cũng có những lo lắng, băn khoăn về tình trạng thiếu dân chủ, chưa công bằng, sự phân hoá giàu nghèo, tệ quan liêu, lãng phí, tham nhũng chưa được ngăn chặn và xử lý nghiêm.

Những biến đổi sâu sắc tình hình đất nước khi chuyển sang cơ chế thị trường, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp đã tác động mạnh mẽ đến nhận thức tư tưởng CNVC-LĐ.

Trước bối cảnh đó các cấp Công đoàn từ tỉnh đến cơ sở đã bám sát các Nghị quyết của Đảng, Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh, của Tổng LĐLĐ Việt Nam, chủ động phối hợp với các ngành, đoàn thể tổ chức tuyên truyền các nghị quyết, pháp luật, chính sách của Nhà nước đến với CNVC-LĐ bằng các hình thức đa dạng: học tập, tập huấn, hội thảo, thi tìm hiểu về “giai cấp công nhân với sự nghiệp CNH-HĐH đất nước”, thi Chủ tịch CĐCS giỏi, chuyên mục Truyền hình Công đoàn, trang báo lao động và Công đoàn trên Báo Bình Định, học tập 5 bài chính trị cơ bản... góp phần nâng cao nhận thức chính trị, ý thức trách nhiệm của CNVC-LĐ trong sản xuất, công tác và học tập.

Công đoàn các cấp đã có nhiều hình thức, biện pháp, góp phần nâng cao trình độ văn hoá, nghiệp vụ, tay nghề, tin học, ngoại ngữ cho CNVC-LĐ. Theo thống kê của Ban tổ chức chính quyền tỉnh, từ năm 1996-2000 có 13.116 người được đào tạo, bồi dưỡng, trong đó các lớp lý luận chính trị có chính trị 4.383

¹ Cục thống kê Bình Định: kinh tế- xã hội tỉnh Bình Định 1991-2000, tài liệu phục vụ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, tháng 12/2000, tr 26).

người, quản lý nhà nước 2.557 người, quản lý kinh tế 176 người, chuyên môn nghiệp vụ 5.381 người, tin học, ngoại ngữ 960 người.

Phong trào xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở, nhất là cuộc vận động xây dựng cơ quan, đơn vị văn hoá, gia đình văn hoá trong CNVC-LĐ được phát động và thực hiện bước đầu có hiệu quả nhân kỷ niệm các ngày truyền thống của dân tộc, của địa phương tổ chức nhiều hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục-thể thao sôi nổi, rộng khắp thu hút đông đảo CNVC-LĐ tham gia, tạo nên cuộc sống tinh thần lành mạnh.

Trong phong trào thi đua yêu nước đội ngũ CNVCLĐ đã có những cống hiến xuất sắc, đạt được nhiều danh hiệu cao quý, trên địa bàn tỉnh có hai doanh nghiệp nhà nước được phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động (Công ty xây dựng 47 và Xí nghiệp đường sắt Nghĩa Bình); trong vòng 10 năm (1990-2000), CNVCLĐ trong tỉnh đã có 245 công trình, sản phẩm mới chào mừng các sự kiện lịch sử trong đại của dân tộc, của tỉnh, với tổng giá trị hơn 500 tỷ đồng, có 158 lượt người được Tổng liên đoàn lao động Việt Nam tặng bằng lao động sáng tạo, có 625 đề tài sáng kiến, sáng tạo được đăng ký, có hàng trăm đề tài đã được hoàn thành đưa vào sử dụng phục vụ phát triển kinh tế và dân sinh. Riêng các phong trào thi đua do LĐLĐ tỉnh phát động, đã có 12 đơn vị được Tổng liên đoàn lao động Việt Nam tặng cờ thi đua xuất sắc, 138 bằng khen, Ủy ban nhân dân tỉnh tặng 134 bằng khen; LĐLĐ tặng 840 bằng khen và cấp 1.200 giấy chứng nhận đạt danh hiệu lao động giỏi cấp tỉnh. Kết quả đó nói lên tinh thần yêu nước của CNVCLĐ tỉnh Bình Định.

Đại hội IX Công đoàn tỉnh đã phát động phong trào thi đua trong CNVC-LĐ, nhất là phong trào thi đua lao động với năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động; học tập nâng cao trình độ mọi mặt đáp ứng yêu cầu CNH-HĐH được các cấp Công đoàn quan tâm chỉ đạo và cụ thể hóa thành các phong trào thi đua với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, nội dung cụ thể, phù hợp với từng loại hình ngành nghề, đối tượng CNVC-LĐ ở cơ sở như các phong trào lao động giỏi, lao động sáng tạo, liên kết phục vụ nông nghiệp, phong trào xanh, sạch, đẹp, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động.

Công tác hướng dẫn phát động phong trào thi đua được xúc tiến thường xuyên hàng năm, phát động thi đua cao điểm, đột xuất nhân các ngày kỷ niệm trọng đại của dân tộc. Việc đăng ký giao ước thi đua đạt các mục tiêu, các công trình sản phẩm mới từng bước được thực hiện theo kế hoạch cụ thể và đã đi vào nề nếp. Nhờ đó phong trào thi đua trong CNVC-LĐ được duy trì, giữ vững và phát triển qua nhiều năm liền; tính chủ động, sáng tạo và nhiệt tình của số đông

cán bộ Công đoàn đã thúc đẩy phong trào thi đua liên tục phát triển sâu rộng, đạt kết quả đáng khích lệ.

Công tác kiểm tra, sơ, tổng kết, khen thưởng thi đua được tổ chức hàng năm theo từng chuyên đề, LĐLĐ tỉnh đã tổ chức tổng kết 10 năm phong trào thi đua yêu nước trong CNVC-LĐ, hàng năm LĐLĐ tỉnh đã duy trì việc tổng kết phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo, đã kịp thời khen thưởng động viên, cổ vũ phong trào thi đua và đúc kết được nhiều kinh nghiệm quý giá, biểu dương các điển hình, nhân các điển hình trong thi đua.

Kết quả của phong trào thi đua góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trong lao động sản xuất và công tác, có 233 lượt CNVC-LĐ được Tổng LĐLĐ Việt Nam và UBND tỉnh tặng bằng khen và bằng lao động sáng tạo. Có 1.180 lượt CNVC-LĐ được LĐLĐ tỉnh tặng bằng khen, có 1.364 lượt CNVC-LĐ được công nhận danh hiệu lao động giỏi cấp tỉnh. Được sự phối hợp, hỗ trợ của chính quyền các cấp, nhiều nơi thành lập được quỹ khen thưởng, ban hành qui chế khen thưởng và nâng mức khen thưởng để động viên khích lệ phong trào thi đua.

Công tác tham gia quản lý cơ quan, xí nghiệp, chăm lo đời sống, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của CNVC-LĐ luôn được Công đoàn các cấp quan tâm. LĐLĐ tỉnh và Công đoàn các cấp đã tham gia với chính quyền cùng cấp xây dựng và tổ chức thực hiện các chế độ chính sách có liên quan đến CNVC-LĐ, thông qua qui chế phối hợp hoạt động giữa chính quyền và BCH Công đoàn cùng cấp, góp phần nâng cao vai trò tham gia quản lý Nhà nước của tổ chức Công đoàn, nhiều nội dung và biện pháp do Công đoàn tham gia, đề xuất được chính quyền, Thủ trưởng Cơ quan, đơn vị đồng tình chấp thuận.

LĐLĐ tỉnh và CĐCS các doanh nghiệp Nhà nước đã tích cực và chủ động tham gia vào quá trình sắp xếp lại doanh nghiệp Nhà nước, đã cổ phần hoá và chuyển sang các hình thức khác 19 doanh nghiệp, hiện còn 54 doanh nghiệp; Thực hiện qui chế dân chủ trong các cơ quan, doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định 07/CP và 71/CP của Chính phủ, hàng năm có từ 80 - 90 % DNNN mở Đại hội CNVC, 70-80% cơ quan mở Hội nghị cán bộ công chức (Nghị quyết Đại hội IX đề ra 100%), có 80% số cơ quan, đơn vị xây dựng được qui chế dân chủ ở cơ sở. Trong quá trình thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, LĐLĐ tỉnh đã chủ động đề xuất và phối hợp với các ngành chức năng của tỉnh kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện, sơ kết rút kinh nghiệm; kết quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở cho thấy quyền dân chủ của cán bộ công nhân lao động được phát huy, quyền hạn và trách nhiệm của tập thể và cá nhân được tôn trọng và phát huy, khai thác được năng lực của CNVC-LĐ

Công đoàn các cấp đã tín chấp cho CNVC-LĐ vay quỹ Quốc gia giải quyết việc làm với số tiền 4,6 tỷ đồng cho 1.213 lao động góp phần giải quyết việc làm và xoá đói, giảm nghèo trong CNVC-LĐ.

Hoạt động xã hội là việc làm thường xuyên của các cấp Công đoàn, thành phong trào mạnh mẽ với nhiều nội dung, hình thức đa dạng, phong phú, tập trung vào xây dựng các quỹ tương trợ, tình nghĩa, nhân đạo, quỹ vì nữ CNLĐ nghèo, quỹ nông dân nghèo, quỹ vì người nghèo, quỹ khuyến khích tài năng, quỹ khuyến học, quỹ đền ơn đáp nghĩa, nhận phụng dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng, vận động ủng hộ đồng bào trong và ngoài tỉnh bị thiên tai với tổng số tiền hàng tỷ đồng.

Các cấp Công đoàn tích cực, chủ động quan tâm đến công tác bảo hộ lao động, tham gia các hoạt động của tuần lễ Quốc gia về an toàn vệ sinh, phòng chống cháy nổ; tổ chức tập huấn và chỉ đạo xây dựng mạng lưới an toàn vệ sinh viên, kiểm tra việc thực hiện chế độ chính sách bảo hộ lao động. Nhiều nơi đã đầu tư trang bị các phương tiện phòng hộ tai nạn lao động và bảo vệ môi trường, thực hiện phong trào xanh-sạch-đẹp cơ quan, công sở.

Các cấp Công đoàn đã tập trung chỉ đạo xây dựng và phát triển đoàn viên trong các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, từ 5.000 đoàn viên năm 1996 đến nay nâng lên 15.000 đoàn viên (chỉ tiêu Đại hội IX đã đề ra mỗi năm phát triển từ 1.500-2.000 đoàn viên).

Hệ thống tổ chức Công đoàn từ tỉnh đến cơ sở được kiện toàn và củng cố, hiện có 11 LĐLĐ huyện, thành phố, 2 công đoàn ngành (giáo dục, y tế) với 890 CĐCS, số đoàn viên công đoàn năm 2000 là 36.000 người, tăng hơn 20% so với năm 1996; 85% số đoàn viên Công đoàn được nhận thẻ (1996 là 80%).

Thực hiện Thông tri số 50/TT-TLĐ, ngày 01/01/1995 và 02/TT-TLĐ, ngày 27/01/2000 của TLD về việc xây dựng CĐCS và nghiệp đoàn vững mạnh, các cấp Công đoàn ngày càng coi trọng đổi mới nội dung, phương pháp hoạt động, tỷ lệ CĐCS vững mạnh năm sau cao hơn năm trước: năm 1996: 58,6%, 1997: 62,7%, 1998 : 65,6%, 1999; 71,4%, 2000: 74% (chỉ tiêu Đại hội IX đề ra từ 65-70%), xuất hiện nhiều mô hình CĐCS hoạt động tốt. Đạt công đoàn cơ sở vững mạnh 3 năm liền : năm 1998 có 12 công đoàn cơ sở, năm 1999 : 76 công đoàn cơ sở, 2000: có 47 công đoàn cơ sở. Mô hình tổ chức và nội dung hoạt động của từng loại hình CĐCS ngày càng rõ hơn, khắc phục dần sự lúng túng, khó khăn trong hoạt động Công đoàn.

Các chức danh Chủ tịch, Phó chủ tịch, ủy viên thường vụ, ban chấp hành LĐLĐ tỉnh, LĐLĐ huyện, thành phố và công đoàn ngành kịp thời được bổ

khuyết; đội ngũ cán bộ Trưởng, Phó các Ban, đơn vị trực thuộc LĐLĐ tỉnh đáp ứng được yêu cầu công tác, chỉ đạo các hoạt động được thông suốt. Cơ quan LĐLĐ tỉnh quan tâm giải quyết kịp thời các chính sách đối với cán bộ Công đoàn đương chức, tổ chức gặp mặt thăm hỏi, giúp đỡ cán bộ Công đoàn nghỉ hưu gặp khó khăn, tạo mối quan hệ gắn kết giữa các thế hệ Công đoàn nhân ngày thành lập tổ chức Công đoàn 28/7 hàng năm, xét đề nghị Tổng liên đoàn tặng huy chương “Vì sự nghiệp xây dựng tổ chức Công đoàn” trong nhiệm kỳ qua cho 1.000 cán bộ Công đoàn lâu năm, có tác dụng động viên và củng cố lòng tin của cán bộ đối với tổ chức Công đoàn.

Các cấp Công đoàn đi đầu trong việc tham gia xây dựng và thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, xây dựng lực lượng CNVC-LĐ lớn mạnh về số lượng và chất lượng, xứng đáng là lực lượng nòng cốt đi đầu thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhiều năm qua Công đoàn đã tích cực tuyên truyền, vận động, tổ chức CNVC-LĐ tham gia vào các cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, nhất là sau khi có Nghị quyết Hội nghị TW6 (lần 2), sự tham gia xây dựng Đảng của tổ chức Công đoàn cũng được phát huy và thật sự góp phần làm cho tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh. Các cấp Công đoàn đã tích cực đề xuất ý kiến về sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, vai trò quản lý Nhà nước của chính quyền các cấp, tham gia vào quá trình nhận xét, đề bạt cán bộ, sắp xếp tổ chức bộ máy các cấp, sắp xếp lại DNNN, giảm biên chế các cơ quan hành chính sự nghiệp.

Thường xuyên kiến nghị với Đảng tăng cường đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đảng viên trong lực lượng CNLĐ ưu tú, quan tâm hơn nữa trong việc đào tạo xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, giới thiệu nhiều cán bộ Công đoàn được trưởng thành từ phong trào quần chúng tham gia vào các cấp ủy Đảng, một số cán bộ Công đoàn là nguồn bổ sung cán bộ cho các cấp ủy Đảng, chính quyền Nhà nước các cấp.

Công tác thông tin, tuyên truyền giáo dục trong nữ CNVC-LĐ được các cấp Công đoàn coi trọng, hình thức đa dạng thông qua tìm hiểu pháp luật và gia đình, Hội thi cán bộ làm công tác nữ công giỏi, sinh hoạt câu lạc bộ, giáo dục truyền thống nhân các ngày kỷ niệm 8/3, 20/10, hội thảo, tọa đàm, báo cáo khoa học, tổ chức tham quan giao lưu học tập kinh nghiệm góp phần nâng cao nhận thức chính trị cho nữ CNVC-LĐ ở cơ quan, đơn vị, nhiều chị đã vượt khó, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xã hội và xây dựng gia đình bình đẳng, hạnh phúc.

Công tác dân số- kế hoạch hoá trong CNVC-LĐ được vận động và thực hiện có hiệu quả, góp phần giảm tỷ lệ tăng dân số của tỉnh một cách đáng kể,

hiều cặp vợ chồng CNVC-LĐ trong độ tuổi sinh đẻ không sinh con thứ 3. Công tác tuyên truyền phòng chống HIV/AIDS, phòng chống các tệ nạn xã hội được các cấp Công đoàn quan tâm. Đã mở nhiều lớp tuyên truyền, thi tìm hiểu phòng chống HIV/AIDS cho hàng chục ngàn CNVC-LĐ tham gia.

Phong trào thi đua “giỏi việc nước, đảm việc nhà”, xây dựng “gia đình thành đạt” trong nữ CNVC-LĐ đạt được nhiều kết quả cụ thể, từ năm 1997- 2000 có 5.780 lượt chị đạt danh hiệu lao động giỏi cấp tỉnh và 261 lượt gia đình thành đạt.

Từ thực tiễn những hoạt động công đoàn trong những năm 1996-2000 có thể rút ra những điểm nổi bật là:

- Công đoàn tổ chức quán triệt các Nghị quyết của Đảng, của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, đồng thời cụ thể hoá thành các chương trình công tác phù hợp với tình hình địa phương :

Trong quá trình chỉ đạo thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, Công đoàn đã tranh thủ sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, mà trực tiếp là Ban Thường vụ Tỉnh ủy; phối hợp có hiệu quả của chính quyền và đoàn thể các cấp, đã ký kết 12 chương trình phối hợp. Nhìn chung qua thực hiện các chương trình này đã phát huy được sức mạnh tổng hợp để thực hiện tốt hơn chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn, vừa thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị của địa phương, xã hội hóa các hoạt động của tổ chức Công đoàn, vai trò của Công đoàn được nâng lên.

- Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động Công đoàn phù hợp với từng đối tượng đoàn viên.

Trong quá trình vận động đoàn viên, CNLĐ Công đoàn đã chú ý đến đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của mình. Nếu như trước đây căn cứ vào thông tri 50/TLĐ, hiện nay là Thông tri 02 của Tổng LĐLĐ Việt Nam, LĐLĐ tỉnh Bình Định đã cụ thể hoá thành các tiêu chí nội dung hoạt động, là căn cứ để đánh giá phân loại CĐCS vững mạnh phù hợp với từng loại hình CĐCS : hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước, Công ty cổ phần, doanh nghiệp ngoài quốc doanh, góp phần xây dựng cơ sở Đảng và chính quyền vững mạnh.

- Không ngừng nâng cao vai trò vị trí của tổ chức công đoàn, xây dựng một đội ngũ cán bộ công đoàn thật sự có năng lực, nhiệt tình công tác, có phương pháp vận động quần chúng, sát cơ sở, đoàn viên công đoàn, thật sự chăm lo bảo

vệ bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của CNVC-LĐ, xã hội hoá hoạt động công đoàn.

Phải đánh giá đúng vai trò vị trí của giai cấp công nhân mà Công đoàn là tổ chức đại diện cho quyền lợi của họ. Thực tiễn cho thấy, tỉnh có 29.000 CNLĐ khu vực Nhà nước, chiếm 4% tổng số lao động xã hội (706.000 lao động), nhưng đã đóng góp hàng năm cho tỉnh hơn 50% tổng số thu ngân sách. Thực hiện cuộc vận động của Đảng và Nhà nước, CNVC-LĐ trong tỉnh đã nhận phụng dưỡng hơn 500 Bà mẹ Việt Nam anh hùng, đóng góp xây dựng hàng trăm ngôi nhà tình nghĩa, hàng ngàn sổ tiết kiệm tặng cho các gia đình liệt sỹ, thương binh. Công đoàn đã vận động CNVC-LĐ đóng góp hàng tỷ đồng để cứu trợ nhân dân và CNLĐ các vùng bị thiên tai, đóng góp xây dựng quỹ vì người nghèo, quỹ tương trợ, quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ khuyến khích tài năng trẻ... Có thể nói CNVC-LĐ là lực lượng đi đầu và góp phần quan trọng vào việc thực hiện chính sách xoá đói, giảm nghèo, LĐLĐ tỉnh được Chính phủ tặng Huân chương lao động hạng III về thành tích vận động CNVC-LĐ thực hiện chính sách đền ơn đáp nghĩa.

* * *

*

KẾT LUẬN

Thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã giành được thắng lợi vẻ vang. Mở ra kỷ nguyên mới: cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội. Đó là thắng lợi của 30 năm đấu tranh cách mạng cực kỳ gian khổ và oanh liệt của giai cấp công nhân và nhân dân ta dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn tỉnh Bình Định có quyền tự hào về công lao và thành tích của mình qua các thời kỳ kháng chiến chống thực dân pháp với tinh thần tự lực cánh sinh, phục vụ đắc lực về người và của để bảo vệ vững chắc vùng tự do Liên khu V, đặc biệt là trong những năm chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong bước đầu đi lên chủ nghĩa xã hội từ sau đại thắng mùa Xuân 1975, bên cạnh những thành tựu, ưu điểm đã đạt được là to lớn, cách mạng nước ta cũng gặp không ít khó khăn, nhất là trong lĩnh vực kinh tế - xã hội, từ cuối những năm 70 và gay gắt nhất từ giữa những năm 80, do đó đã ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả phong trào công nhân và hoạt động công đoàn, đời sống của đại bộ

phận công nhân lao động thời kỳ này khó khăn gay gắt, thiếu việc làm, thu nhập thấp, các chính sách không còn kích thích người lao động hăng hái lao động sản xuất, các cơ quan hành chính nhà nước bộ máy công kèn, kém hiệu lực; hoạt động công đoàn xơ cứng, thiếu hấp dẫn, dẫn đến tình trạng là đoàn viên công đoàn thiếu tin.

Từ khi thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng (12- 1986), với tinh thần đổi mới “ *Nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật, nói rõ sự thật* “. Từ sự đổi mới về nhận thức, đổi mới tư duy, Đảng và Nhà nước ta đã có hiểu biết đầy đủ hơn về con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài, khó khăn gian khổ với các chặng đường thích hợp, với điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội nước ta và đã vạch ra đường lối đổi mới trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, công đoàn tỉnh Bình Định đã có nhiều nghiên cứu , tìm tòi, đổi mới tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động. Các kỳ Đại hội của công đoàn được tiến hành theo tinh thần đổi mới, dân chủ, đoàn kết. Qua thực tiễn lãnh đạo và hoạt động, Công đoàn đã coi trọng công tác tuyên truyền, vận động tập hợp đông đảo CNVC-LĐ, đoàn viên , tổ chức các phong trào hành động cách mạng khơi dậy tính tích cực, sáng tạo và chăm lo giải quyết những lợi ích thiết thực của CNVC- LĐ, góp phần có hiệu quả thực hiện đường lối phát triển kinh tế- xã hội – chính trị của địa phương. Bộ máy của tổ chức Công đoàn các cấp được kiện toàn và củng cố, đã xuất hiện nhiều cán bộ công đoàn được trưởng thành từ phong trào quần chúng , có phẩm chất và bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực hoạt động xã hội, biết kế thừa và phát huy ưu điểm của lớp cán bộ đi trước, vượt qua khó khăn thách thức của tình hình mới, khẳng định được vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ của mình. Tuy nhiên, trong quá trình đổi mới , tổ chức công đoàn đã gặp không ít khó khăn, lúng túng, thêm vào đó là đời sống của số đông cán bộ công đoàn vô cùng khó khăn nên đã phần nào có hạn chế đến kết quả hoạt động công đoàn.

Từ những hoạt động thực tiễn hoạt động của công đoàn từ 1975-2000 , có thể rút ra những bài học kinh nghiệm chủ yếu sau đây :

1- *Muốn hoạt động của Công đoàn đem lại hiệu quả thiết thực, phải quán triệt và vận dụng một cách nhuần nhuyễn các chủ trương của Đảng, kế hoạch của Nhà nước từng thời kỳ mà định ra nhiệm vụ và biện pháp công tác công đoàn một cách sát đúng.*

- Trong 25 năm qua (1975-2000), Đảng ta đã đề ra đường lối và chính sách cụ thể, đường lối chung nhất là xây dựng chủ nghĩa xã hội, mà nhiệm vụ trung tâm là thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa . Công đoàn đã tập trung tuyên truyền cho công nhân lao động hiểu rõ đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước , đồng thời phát động phong trào thi đua lao động, sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội nhằm đạt năng suất cao, chất lượng tốt, tiết kiệm nhiều, hoàn thành và hoàn thành vượt chỉ tiêu, kế hoạch nhà nước.

- Về nội dung của phong trào thi đua của từng thời kỳ về cụ thể có sự khác nhau. Trước năm 1986, nội dung chủ yếu của phong trào phấn đấu đạt “ 3 điểm cao”, “ 3 cải tiến “, phong trào xây dựng tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa ; về sau nội dung có đa dạng, phong phú hơn : tiếp tục đẩy mạnh phong trào “phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất “trước đây; phong trào “lao động giỏi”, phong trào “ giỏi việc nước, đảm việc nhà “ ; phong trào học tập nâng cao trình độ văn hóa, nghiệp vụ, tay nghề; phong trào đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, xây dựng cơ quan, đơn vị văn hóa, gia đình văn hóa và thực hiện đời sống văn hóa ở khu dân cư...từng phong trào có mục tiêu, tiêu chí nhằm hoàn thành nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị và địa phương.

- Thông qua các phong trào thi đua phải tranh thủ sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, phối hợp với chính quyền cùng cấp tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao nhận thức xây dựng đội ngũ CNLD đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội. Thực tiễn cho thấy nơi nào cấp uỷ quan tâm , tăng cường vai trò lãnh đạo của mình đối với tổ chức Công đoàn, thì nơi đó công đoàn hoạt động có hiệu quả, phát huy tính chủ động , tích cực trong việc nắm chắc tình hình CNVC-LD phản ảnh với Đảng những yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của quần chúng công nhân lao động.

2- Hoạt động của công đoàn phải nắm vững chức năng vận động công nhân, viên chức và lao động và thay mặt CNVC-LD tham gia quản lý kinh tế, quản lý chính quyền; bảo vệ lợi ích hợp pháp chính đáng của người lao động.

- Công đoàn có chức năng tham gia quản lý nhà nước và quản lý xã hội, giám sát, kiểm tra việc thực thi pháp luật của các cấp chính quyền Nhà nước có liên quan từng bước đưa luật pháp đi vào cuộc sống. Tổ chức công đoàn đã xây dựng nhiều chương trình hành động theo chức năng của mình và phối kết hợp với các cấp chính quyền và đoàn thể chính trị xã hội, nhằm lôi cuốn đông đảo CNVC- LD tham gia.

- Công đoàn phải làm cho CNVC-LĐ hiểu rõ mục tiêu, kế hoạch của đơn vị, thấy được nghĩa vụ và lợi ích thực tế, phát huy quyền dân chủ trong công tác quản lý. Mọi hoạt động của Công đoàn phải xuất phát từ yêu cầu, nguyện vọng, lợi ích hợp pháp, chính đáng của CNVC-LĐ, vừa bảo vệ việc làm đúng của chủ doanh nghiệp, nhưng đồng thời kiên quyết đấu tranh buột chủ doanh nghiệp phải thực hiện các yêu sách đúng đắn của công nhân lao động, có như vậy mới thể hiện được bản lĩnh của Công đoàn, mới thu hút được đông đảo CNLĐ tham gia các hoạt động Công đoàn; phải thông qua việc xây dựng mạng lưới hoạt động Công đoàn đủ mạnh, quan tâm đến lực lượng nòng cốt, điển hình, biến hoạt động của Công đoàn thành hoạt động của quần chúng.

3- Trước những diễn biến của tình hình mới, của quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế, nhiều vấn đề mới đặt ra trách nhiệm của Công đoàn nặng nề, khó khăn, cần phải tập trung đổi mới nội dung và phương thức thì hoạt động Công đoàn mới được giữ vững và đáp ứng được yêu cầu về quyền, lợi ích và nguyện vọng thiết thực của CNVC-LĐ.

- Kịp thời nắm bắt tâm tư nguyện vọng của CNVC-LĐ, chăm lo và bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của CNVC-LĐ tạo sự gắn bó giữa CNVC-LĐ, đoàn viên với tổ chức Công đoàn. Việc vận động CNVC-LĐ là một quá trình thuyết phục, động viên, lôi cuốn người lao động vào tổ chức, khơi dậy tính tích cực và khả năng tiềm tàng của họ, do đó đòi hỏi người cán bộ công đoàn vừa phải có năng lực chuyên môn giỏi, vừa phải có phong cách, tác phong mẫu mực và có phương pháp vận động, phù hợp, thân mật, gần gũi, sâu sát quần chúng. Để thực hiện tốt các vấn đề nêu trên, công đoàn phải xây dựng một đội ngũ cán bộ có cơ cấu đồng bộ, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có kiến thức và có năng lực hoạt động xã hội, tập hợp tổ chức quần chúng, bảo vệ lợi ích của quần chúng, giáo dục CNLĐ tích cực tham gia các hoạt động xã hội nhằm đóng góp nhiều nhất cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh nhà.

- Cán bộ công đoàn phải có phong cách hoạt động dân chủ, sâu sát cơ sở, biết tôn trọng, phát huy sức mạnh của quần chúng lao động, lắng nghe ý kiến của mọi người, hoà mình với mọi người, dám đấu tranh bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của CNVC-LĐ; phải biết kiên trì, mềm mỏng, khéo léo, độc lập, chủ động, sáng tạo thích nghi với cơ chế mới. Phải quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ Công đoàn có năng lực, phẩm chất đạo đức,

có nhiệt tình công tác, có phương pháp vận động quần chúng; có chính sách khuyến khích, thu hút cán bộ giỏi tham gia công tác Công đoàn.

4- Có sự phối hợp cộng tác, hỗ trợ của các cấp chính quyền và đoàn thể, thực hiện liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

- Bình Định là tỉnh có lực lượng nông dân đông đảo chiếm 75% dân số sống khu vực nông thôn, nền kinh tế chủ yếu vẫn là nông nghiệp, mỗi thời kỳ nội dung liên minh có khác nhau nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng, nếu như trong thời kỳ kháng chiến liên minh công- nông- trí thức mang nội dung chính trị là chủ yếu, thì nay mối quan hệ này chứa đựng phần lớn nội dung kinh tế; do đó công đoàn đã vận động CNVC-LĐ thể hiện vai trò nòng cốt của mình trong công tác công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn, trực tiếp tham gia một cách có hiệu quả các vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn.

- Trong thực tiễn có thể khẳng định rằng: phong trào xây dựng đường bê tông nông thôn, kênh mương bê tông hóa, xây dựng trường, trạm y tế, thành quả về phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn không tách rời với việc áp dụng, chuyển giao các tiến bộ, thành tựu khoa học mới cho nông dân, phát triển vùng sản xuất nông sản hàng hóa chuyên canh cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến...; mỗi sản phẩm nông nghiệp làm ra đều thấm đượm mồ hôi, công sức của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức, của các nhà khoa học, của cán bộ viên chức các cấp chính quyền và cán bộ đoàn thể, đoàn viên công đoàn, đều ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống hàng ngày của nhân dân và CNVC-LĐ.

PHẦN PHỤ LỤC

Phụ lục 1: KHEN THƯỞNG

- 1 Huân chương Kháng chiến hạng Nhất
- 1 Huân chương lao động hạng Nhì
- 1 Huân chương lao động hạng Ba.
- 1 Bằng khen của Thủ tướng chính phủ
- Cờ thi đua xuất sắc của UBND tỉnh tặng năm 2000.

Phụ lục 2 :

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH CÔNG ĐOÀN TỈNH

*** Ban chấp hành LHCD tỉnh (tháng 10/1975 – 8/1977)**

1- Huỳnh Thị Mỹ	Thư ký
2- Phan Dũng Tiến	Phó Thư ký
3. Lê Quang Huy	Ủy viên Ban Thường vụ
4- Lê Văn Đường	“
5. Lê Đình Kol	“
6. Võ Hồng	“
7. Đặng Ngọc Lương	“
8. Nguyễn Dận	“
9 .Nguyễn Quyền	“
11.Võ Văn Kết	ủy viên Ban chấp hành
12. Tô Sâm	“

Nhiệm kỳ V (8/1977- 4/1980)

1- Huỳnh Thị Mỹ	Thư ký
2- Phan Dũng Tiến	Phó Thư ký
3- Lê Văn Đường	Ủy viên Ban thường vụ
4- Tô Sâm	
5- Nguyễn Quyền	“
7- Đặng Ngọc Lương	“
8- Lê Đình Kol	“
9- Nguyễn Dận	“
10- Ngô Thị Như Lan	“
11- Phan Trị	Ủy viên Ban chấp hành
12- Nguyễn Đức Chánh	“
13- Lê Anh Đăng	“
14- Nguyễn Thị Bích Giang	“
15- Võ Hồng	“
16- Lê Quang Huy	“
17- Võ Văn Kết	“
18- Nguyễn Kiều	“
19- Đinh Pẩy	“
20- Tiêu Tổng	“
21-Đinh Xuân Tô	“

22- Mai Văn Tra	“
23- Nguyễn Kế Thanh	“
24- Phan Thị Tân	“
25- Nguyễn Mậu Từ	“
26- Võ Viết Tri	“
27- Lê Mạnh Trinh	“
28- Bùi Quang Vinh	“
29- Hoàng Trọng Xu	“
30- Nguyễn Thanh Xuân	“
31- Cao Thị Vinh	“
32- Nguyễn Thị Báu	“

Nhiệm kỳ VI (4/1980- 8/1993)

1. Huỳnh Thị Mỹ	Thư ký
2. Phan Dũng Tiến	Phó Thư ký
3. Lê Văn Đường	Phó Thư ký
4. Lê Đình Kol	Thường vụ
5. Phan Tự	Thường vụ
6. Tô Sâm	Thường vụ
7. Đặng Ngọc Lương	“
8. Nguyễn Quyền	“
9. Nguyễn Dận	“
10. Huỳnh Khanh	Ủy viên Ban chấp hành
11. Võ Như Châu	“
12. Nguyễn Hồng Quang	“
13. Nguyễn Quốc Thịnh	“
14. Nguyễn Thị Tương	“
15. Từ Như Ảnh	“
16. Nguyễn Thị Báu	“
17. Tạ Cảnh	“
18. Phạm Cẩn	“
19. Nguyễn Đức Chánh	“
20. Lê Anh Đăng	“
21. Nguyễn Thị Em	“
22. Võ Văn Hồng	“
23. Nguyễn Đình Kỳ	“
24. Huỳnh Kim	“

25. Trần Thành Kính	“
26. Lê Hồng Khanh	“
27. Đinh Thị Ngọc Lan	“
28. Phan Đình Liệu	“
29. Phạm Đình Long	“
30. Bùi Văn Minh	“
31. Đinh Pẩy	“
32. Đoàn Quang Tô	“
33. Tiêu Tổng	“
34. Lữ Tụ	“
35. Châu Minh Tuấn	“
36. Huỳnh Thị Tuyển	“
37. Nguyễn Kế Thanh	“
38. Nguyễn Văn Thống	“
39. Lê Mạnh Trinh	“
40. Đỗ Thanh Vân	“
41. Bùi Quang Vinh	“
42. Hồ Văn Xá	“
43. Huỳnh Đăng Ến	“

Nhiệm kỳ VII (8/1983- 6/1989)

1- Huỳnh Thị Mỹ	Thư ký
2- Võ Quyền	Thư ký (bầu bổ sung tháng 7/1987)
4- Lê Văn Đường	Phó Thư ký
5- Trần Đức Hiệp	Phó Thư ký
6- Lê Đình Kol	Thường vụ
7- Đặng Ngọc Biển	Thường vụ
8- Võ Văn Kết	Thường vụ
9- Võ Như Châu	Thường vụ
10- Đoàn Văn Trúc	Thường vụ
11- Nguyễn Dận	Thường vụ
12- Phạm Cẩn	Thường vụ
13- Ngô Văn Dũng	Ủy viên Ban chấp hành
14- Bé Thị Kim Nương	“
15- Từ Như Ảnh	“
16- Phan Thị Bích Hạnh	“

17-Nguyễn Tường Mẹo	“
18-Lữ Tự	“
19-Bùi Thị Xuân Mai	“
20-Huỳnh Đăng Ân	“
21-Nguyễn Văn Ba	“
22-Lê Hiến	“
23-Phạm Khê	“
24-Đinh Pẩy	“
25-Phan Chánh	“
26-Nguyễn Đức Chánh	“
27-Kiều Thị Mai Hương	“
28-Trần Văn Hồng	“
29-Nguyễn Tánh	“
30-Trần Thành Kính	“
31-Lê Hồng Khanh	“
32-Nguyễn Quốc Thịnh	“
33-Nguyễn Văn Đôn	“
34-Nguyễn Thiệp	“
35-Bùi Văn Minh	“
36-Hoàng Thị Ngọc	“
37-Đoàn Thị	“
38-Võ Thị Đào	“
39-Trần Thị Nhâm	Ủy viên Ban chấp hành
40-Đỗ Thanh Vân	“
41-Huỳnh Khanh	“
42-Trần Hồng Lý	“
43-Nguyễn Kế Thanh	“
44-Đinh Khánh Ninh	“
45-Nguyễn Ngọc Quế	“

Ban chấp hành LĐLĐ Bình Định (tháng 7/1989 – 6/1990)

- | | |
|---|---------------------------|
| 1. Trần Hồng Diệp | Chủ tịch |
| 2. Đặng Ngọc Biển , Ủy viên Thường vụ trực (bầu phó chủ tịch tháng 1/1990) | |
| 3. Lê Đình Kol | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 4. Võ Như Châu | “ |
| 6. Đoàn Văn Trúc | “ |
| 7. Nguyễn Dận | “ |
| 8. Nguyễn Quốc Thịnh | Bầu bổ sung Ban Thường vụ |

9. Đặng Hùng	“
10. Đinh Khánh Ninh	Ủy viên Ban chấp hành
11. Nguyễn Kế Thanh	“
12. Huỳnh Khanh	“
13. Bế Thị Kim Nương	“
14. Phan Thị Bích Hạnh	“
15. Bùi Thị Xuân Mai	“
16. Huỳnh Đăng Ín	“
17. Kiều Thị Mai Hương	“
18. Lê Hồng Khanh	“
19. Hoàng Thị Ngọc	“
20. Đỗ Thanh Vân	“
21. Phan Như Hải	“
22. Trần Văn Gương	(bầu bổ sung)
23. Đặng Quốc Lâm	“
24. Lê Văn Định	“
25. Hoàng Tạo	“
26. Trần Văn Hiệp	“

Nhiệm kỳ VIII (6-1990- 7-1996)

1- Hoàng Quang Đạo	Chủ tịch
2-Đặng Ngọc Biển	Phó Chủ tịch (bầu bổ sung chủ tịch 8/1993)
3-Lê Văn Định	: uỷ viên ban thường vụ (bầu bổ sung phó chủ tịch tháng 8/1993)
4- Phan Như Hải	uỷ viên Ban thường vụ (bầu bổ sung phó chủ tịch tháng 8 / 1993)
5- Nguyễn Ngọc Trờ	uỷ viên Ban thường vụ
6- Võ Thị Bích Anh	“
7- Trần Văn Gương	“
8- Nguyễn An Bình	uỷ viên ban chấp hành.
9 - Phan Bông	“
10-Võ Minh Châu	“
11- Trần Công	“
12- Bùi Trung Dũng	“
13- Trần Thị Đạt	“
14- Vương Quốc Điêu	“
15-Trần Đình Hòa	“
16- Trần Văn Hiệp	“

17- Văn Thị Hồng Hoa	“
18- Lê Hoè	“
19- Bùi Quốc Hồng	“
20- Trần Đức Huấn	“
21- Trần Văn Khai	“
22- Hoàng Tạo	“
23- Đặng Quốc Lâm	“
24- Phạm Xuân Thọ	“
25- Lê Đức Thuận	“
26- Nguyễn Mậu Từ	“
27- Đặng Thế Vinh	“

Nhiệm kỳ IX (7/1996- 6/ 2000 kéo dài đến tháng 6/2003 đại hội X)

1-Đặng Ngọc Biển	Chủ tịch
2- Nguyễn Ngọc Trợ	Phó Chủ tịch (bầu làm chủ tịch tháng 3-2002)
3- Nguyễn Văn Bằng	Phó Chủ tịch (bầu bổ sung phó chủ tịch tháng 9/1999)
4- Võ Thành Nhân	Phó Chủ tịch (bầu bổ sung phó chủ tịch tháng 10/ 2002)
5- Phan Như Hải	Thường vụ
6- Vương Quốc Điou	“
7- Nguyễn Thị Thu Hà	“
8- Phạm Xuân Thọ	“
9- Trần Văn Hiệp	“ (chuyển công tác khác)
10- Nguyễn Văn Trí	Ủy viên ban chấp hành (bầu bổ sung ban thường vụ tháng 4/1999)
11- Nhữ Đình Chính	“(bầu bổ sung ban chấp hành 9/1999 và bầu vào ban thường vụ tháng 01 / 2001).
12- Nguyễn Thanh A	Ủy viên ban chấp hành
13- Lê Văn An	“
14- Nguyễn Ngọc Anh	(bầu bổ sung ban chấp hành tháng 6/2000)
15- Bùi Thị Bê	Ủy viên BCH
16- Nguyễn An Bình	“
17- Phan Ngọc Châu	“
18- Trần Công	“
19- Trần Quốc Doanh	(ra khỏi ban chấp hành 1998)
20- Phan Tấn Dũng	“

- 21- Võ Xuân Hiền “
- 22- Trần Đức Huấn “
- 23- Trần Tín Kiệt “
- 24-Phạm Mười “
- 25-Đỗ Tấn Nông “
- 26- Phạm Vĩnh Sáu “
- 27- Hoàng Tạo “
- 28- Lê Đức Thuận “
- 29- Nguyễn Mậu Từ “
- 30- Tô Đình Văn “
- 31- Trần Thị Kim Vân “

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Lao động Việt Nam : Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV-NXB Sự thật, Hà Nội, 1987
2. Đảng cộng sản Việt Nam : Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, NXB Sự thật, HN, 1987.
3. Đảng cộng sản Việt Nam : Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, NXB Sự thật, HN, 1991.
4. Đảng cộng sản Việt Nam : Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, NXB Chính trị Quốc gia. HN, 1996.
5. Đảng cộng sản Việt Nam : Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, NXB Chính trị Quốc gia. HN, 2001.
6. Đảng bộ tỉnh Bình Định-Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ IV Đảng bộ tỉnh Bình Định.
7. Đảng bộ tỉnh Bình Định-Văn kiện đại hội đại biểu lần thứ XV Đảng bộ tỉnh Bình Định, 5- 1996.
8. Đảng bộ tỉnh Bình Định -Văn kiện đại hội đại biểu lần thứ XVI Đảng bộ tỉnh Bình Định, 2- 2001.
9. Các Đại hội Đảng ta (1930-1986) NXB Sự thật, Hà Nội, 1991
10. Nghị quyết Hội nghị Tỉnh uỷ mở rộng từ 22-26/5/1975.
11. Nghị quyết của Đại hội đại biểu lần thứ nhất Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình 3-1977.
12. Báo cáo tình hình và nhiệm vụ của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình tại Đại hội đại biểu lần thứ II, tháng 11-1979.
13. Báo cáo tình hình và nhiệm vụ của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình tại Đại hội đại biểu lần thứ III, ngày 5 tháng 2 năm 1983
14. Báo cáo tình hình và nhiệm vụ của BCH Đảng bộ tỉnh tại Đại hội đại biểu lần thứ IV.
15. Báo cáo chính trị của Tỉnh uỷ Bình Định tại Đại hội lần thứ 14 (vòng 2) Đảng bộ tỉnh, 1991
16. Văn kiện Đại hội lần thứ VI Công đoàn Việt Nam, NXB Lao động 1989
17. Báo cáo thành tích phong trào CNLD và hoạt động Công đoàn Bình Định trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975).
18. Báo cáo tổng kết phong trào công nhân lao động và hoạt động công đoàn tỉnh Nghĩa Bình năm 1975.

19. Báo cáo thành tích và sự trưởng thành của giai cấp công nhân, lao động và tổ chức Công đoàn Nghĩa Bình sau một năm giải phóng.
20. Báo cáo tổng kết phong trào phát huy sáng kiến hợp lý hóa sản xuất, cải tiến kỹ thuật 2 năm 1976-1977 trong công nhân viên chức Nghĩa Bình.
21. Báo cáo tình hình và nhiệm vụ phong trào công nhân và hoạt động công đoàn tỉnh Nghĩa Bình tại Đại hội đại biểu Công đoàn tỉnh lần thứ I (5-8-1977).
22. Báo cáo tình hình, nhiệm vụ phong trào công nhân lao động và hoạt động Công đoàn tỉnh Nghĩa Bình tại Đại hội đại biểu lần thứ III Công đoàn tỉnh từ 10-13/8/1980.
23. Báo cáo phong trào CNVC và hoạt động Công đoàn phục vụ sản xuất nông nghiệp (1980-1984)
24. Báo cáo tổng kết phong trào sáng kiến, sáng tạo lần thứ III (1982-1986)
25. Báo cáo tổng kết phong trào thi đua xây dựng đơn vị và cá nhân tiên tiến về thể dục thể thao trong công nhân viên chức tỉnh Nghĩa Bình 5 năm (1981-1985)
26. Báo cáo phong trào thi đua và hoạt động Công đoàn tỉnh năm 1985
27. Báo cáo tại Hội nghị phụ nữ tài năng của nữ CNVC 26/8/1985
28. Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Liên hiệp Công đoàn giải phóng tỉnh Bình Định từ 12-13/4/1975.
29. Nghị quyết về nhiệm vụ công tác Công đoàn và phong trào CNLD tỉnh Nghĩa Bình năm 1976.
30. Nghị quyết Đại hội đại biểu Công đoàn tỉnh Nghĩa Bình lần thứ I (8-1977)
31. Báo cáo của ban chấp hành LHCD tỉnh Nghĩa Bình tại Hội nghị đại biểu Công đoàn tỉnh tháng 10-1988.
32. Báo cáo của Ban chấp hành LHCD tỉnh Bình Định tại Hội nghị đại biểu lần thứ VIII Công đoàn tỉnh tháng 7-1990.
33. Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ IX Công đoàn tỉnh Bình Định 7-1996.
34. Nguyễn Ngọc Anh : Diện mạo đô thị tỉnh Bình Định (1955-1975).
35. Bình Định : Lịch sử và du lịch 1974, tài liệu lưu Thư viện tỉnh Bình Định
36. Những vấn đề lý luận của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, NXB Sự thật, HN. 1998
37. Cục thống kê Bình Định : Kinh tế – xã hội tỉnh Bình Định (1991-2000), tháng 12-2000.
38. Niên giám thống kê tỉnh Bình Định năm 1989
39. Thống kê công nhân viên chức tháng 5/1989
40. Trung tâm thông tin – tư liệu Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: Doanh nghiệp Nhà nước trong kinh tế thị trường, HN. 5-1994.

41. Trần Bá Đệ : Lịch sử Việt Nam từ 1975 đến nay. Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội – 1998.
42. Tờ tin của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Định ngày 01/7/1989

MỤC LỤC

	Trang
Lời mở đầu	1
CHƯƠNG IV - Phong trào công nhân lao động và công đoàn sau Đại thắng mùa Xuân 1975 (1975-1976).	3
CHƯƠNG V - Phong trào công nhân lao động và Công đoàn vượt qua thử thách bước đầu đi lên chủ nghĩa xã hội(1977-1986)	15
CHƯƠNG VI - Phong trào công nhân lao động và Công đoàn thực hiện đường lối đổi mới đất nước (1986- 2000)	40
Kết luận	74
Phần phụ lục	78
Tài liệu tham khảo	87
Mục lục	90

Bản tổng hợp

Ý kiến đóng góp , tiếp thu chỉnh lý cuốn dự thảo “Lịch sử Công đoàn và phong trào công nhân lao động tỉnh Bình Định từ 1975-2000” .

Để thiết thực chào mừng Đại hội công đoàn tỉnh lần thứ X và Đại hội Công đoàn Việc Nam lần thứ IX, Ban thường vụ LĐLĐ tỉnh đã tổ chức sưu tầm tài liệu, nghiên cứu và biên soạn cuốn sách “Lịch sử Công đoàn và phong trào công nhân lao động tỉnh bình Định 1975-2000”. Ngày 20-1-2003, Ban thường vụ LĐLĐ tỉnh tổ chức hội thảo lần thứ nhất lấy ý kiến tham gia của các đồng chí cán bộ công đoàn lão thành cách mạng. Tại cuộc hội thảo này, các đồng chí đã có nhiều ý kiến tham gia rất bổ ích và thiết thực:

*** Phần tham gia :**

1- Các ý kiến tham gia thể hiện mặt được của bản thảo :

- Thống nhất với bố cục và phân kỳ từ 1975-2000.
- Tư liệu phong phú, có nhiều công phu thu thập tài liệu, nghiên cứu, thể hiện.
- Đã thể hiện khá toàn diện các mặt hoạt động công đoàn qua các kỳ đại hội .

2- Các đề nghị :

- Đề nghị hoàn chỉnh tập sách Sử công đoàn từ 1975-2000, tập II (không nhập với tập trước 1975).
- Có công văn xin ý kiến của Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ về việc phương pháp biên soạn và thể hiện thời kỳ sáp nhập hai tỉnh thành Nghĩa Bình .
- Cần chú ý đánh giá tiểu kết các chương có tính khái quát cao.
- Cần tách thành một chương, vai trò của công đoàn và phong trào công nhân từ 31-3-1975 đến 30-4-1975.
- Chú ý lỗi chính tả, câu từ .

*** Phần tiếp thu :**

Các vấn đề đã tiếp thu sửa chữa trong bản thảo :

- 1- Viết lại lời mở đầu tập sách.
- 2- Thu thập tư liệu và viết thêm một chương từ 31-3-1975 đến 30-4-1975.

- 3- Viết lại và đánh giá tiểu kết từng chương, nhất là thời kỳ đổi mới.
- 4- Viết phần kết luận tập sách.
- 5- Thêm phần phụ lục.
- 6 - Thêm phần tài liệu tham khảo.
- 7- Sửa về câu từ, lỗi chính tả, nguồn gốc tài liệu.
- 8- Bổ sung nhiều tư liệu ở các chương .
- 9- Đã tiếp thu sửa chữa bản thảo theo tinh thần công văn số 375-CV-/TG ngày 6-3-2003 của Ban Tuyên giáo Tỉnh Ủy .
 - Chủ trương nêu cái chung của Nghĩa Bình.
 - Phần phong trào cách mạng, rút ra bài học kinh nghiệm, chú ý cái riêng của Bình Định.
 - Các kỳ Đại hội trong thời gian hợp nhất được tính liên tục.
- 10- Dự kiến ảnh tư liệu đưa vào tập sách.
 - Ảnh cá nhân các đồng chí là Chủ tịch qua các kỳ Đại hội (các đồng chí : Huỳnh Thị Mỹ, Võ Quyền, Trần Hồng Diệp, Hoàng Quang Đạo, Đặng Ngọc Biển, Nguyễn Ngọc Trợ).
 - Ảnh phong trào công nhân và công đoàn. Dự kiến : 20 cái

Ban chỉ đạo biên soạn